

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (TFF)

Tài trợ bởi: Chính phủ CHXHCN Việt Nam

Bộ Ngoại giao Phần Lan

Tổ chức Hợp tác Phát triển Thụy Sĩ

ĐÁNH GIÁ CHÍNH LẦN 3 QUỸ ỦY THÁC LÂM NGHIỆP

Báo cáo dự thảo

23 tháng 10 năm 2011

NIRAS

NỘI DUNG

NỘI DUNG	i
CÁC TỪ VIẾT TẮT	iii
LỜI CẢM ƠN	iv
TÓM TẮT VÀ KHUYẾN NGHỊ	v
1 GIỚI THIỆU CHUNG	1
1.1 Cơ sở của đánh giá.....	1
1.2 Các mục tiêu	2
1.3 Cách tiếp cận và phương pháp	3
2 VAI TRÒ CỦA TFF TRONG NGÀNH LÂM NGHIỆP VIỆT NAM	5
2.1 Giới thiệu tổng quan ngành lâm nghiệp Việt nam	5
2.2 Tiến độ hướng tới hỗ trợ ngành và giải quyết các ưu tiên ngành	6
2.3 Vai trò của Quỹ TFF như là cơ chế thu hút vốn đối với ngành lâm nghiệp	8
2.4 Khả năng hỗ trợ trong tương lai đối với Quỹ TFF	11
2.5 Những hạn chế chính, cơ hội và các phương án cho Quỹ TFF trong ngành lâm nghiệp	12
3 HOẠT ĐỘNG VÀ DANH MỤC DỰ ÁN CỦA TFF	15
3.1 Những thành tựu và hạn chế chính của “công cụ” TFF	15
3.1.1 Tiến bộ với “công cụ” TFF từ tháng 6/2009	15
3.1.2 Tổ chức, ra quyết định và cơ cấu quản lý	17
3.1.3 Lập kế hoạch, giám sát, theo dõi và báo cáo dự án	19
3.1.4 Tài trợ, giải ngân và kế hoạch giải ngân	23
3.2 Những thành tích và hạn chế chính của danh mục dự án TFF	26
3.2.1 Tóm tắt những thành tích chính của các dự án do TFF tài trợ	26
3.2.2 Đóng góp của các dự án TFF vào phát triển ngành lâm nghiệp	28
3.2.3 Quản lý danh mục dự án TFF	29
3.2.4 Định hướng tương lai của danh mục dự án TFF	30
3.3 Đánh giá tổng quan về hoạt động	31
3.3.1 Tính phù hợp	32
3.3.2 Hiệu quả	32
3.3.3 Hiệu suất	33
3.3.4 Tác động	35
3.3.5 Bền vững	36
3.3.6 Kết luận, các yếu tố thành công và hạn chế	37
4 TƯƠNG LAI CỦA TFF TRONG VNFF	39
4.1 Bối cảnh	39
4.1.1 Sự thành lập VNFF	39
4.1.2 Tương lai của TFF – sát nhập vào VNFF?	41
4.1.3 Các cơ chế tài trợ khác nhau cho VNFF	42
4.2 Các phương án, ưu điểm và hạn chế	42
4.2.1 TFF tiếp tục là Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp độc lập (Phương án 1)	42
4.2.2 TFF hòa nhập vào VNFF hoạt động (Phương án 2)	43
4.2.3 TFF như là một “cửa sổ” thu nhỏ của VNFF (Phương án 3)	44
4.3 Kết luận và khuyến nghị về các phương án	45
4.4 Các lộ trình về hành động cần thực hiện	47
4.5 Rủi ro	49
TÀI LIỆU THAM KHẢO	52
Phụ lục 1: Đề cương tham chiếu	55

Phụ lục 2: Chương trình và cán bộ cùng làm việc	64
Phụ lục 3: Câu hỏi đánh giá	67
Phụ lục 4: Đánh giá danh mục dự án TFF hoạt động kể từ tháng 6/2009.....	70
Phụ lục 5: Tổng kết đánh giá hiệu quả của toàn bộ danh mục dự án	77
Phụ lục 6: Xem xét vai trò của TFF trong mối liên hệ với VFDS, FSSP và HCS	78
Phụ lục 7: BQL TFF giám sát các dự án từ tháng 6/2009.....	79
Phụ lục 8: Chính sách, công cụ được thực hiện với sự hỗ trợ của TFF.....	82
Phụ lục 9: Rà soát việc theo dõi những rủi ro chính theo Báo cáo đánh giá rủi ro	85
Phụ lục 10: Đánh giá việc thực hiện khuyến nghị của đoàn đánh giá TFF lần thứ hai	88
Phụ lục 11: Lộ trình hội nhập của TFFMU 2011/12	92

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Đóng góp của các dự án TFF vào các chương trình VFDS	7
Bảng 2: Tiêu chuẩn theo thông lệ quốc tế biện minh cho tài trợ “ngoài ngân sách”	9
Bảng 3: Hình ảnh nhân sự hiện tại của TFFMU	17
Bảng 4: Tình hình giải ngân các dự án đang hoạt động và các chương trình VFDS	23
Bảng 5: Kế hoạch giải ngân	25
Bảng 6: Những thành tích chính các dự án TFF kể từ tháng 6/2009	26
Bảng 7: Ước tính vốn tiềm năng có thể sử dụng	30
Bảng 8: Những dự án được đề nghị giai đoạn 2011 - 2012.....	31
Bảng 9: Xấp xỉ tương đương mức đánh giá hiệu quả khác nhau	33
Bảng 10: Số dự án, giá trị tiền và hiệu quả.....	33
Bảng 11: Thành tích của TFF đạt “mục tiêu cụ thể” và “mục đích”	33
Bảng 12: Định nghĩa rủi ro ủy thác và các mức độ rủi ro	49
Bảng 13: Ảnh hưởng: hậu quả của rủi ro.....	49
Bảng 14: Đánh giá rủi ro.....	50

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1: Tổng quan về các phương pháp tiếp cận đánh giá	3
Hình 2: Những điểm mạnh, yếu, cơ hội và đe dọa chính của Quỹ TFF	12
Hình 3: Tổ chức bộ máy quản lý quỹ VNFF	41
Hình 4: TFF hòa nhập vào VNFF hoạt động.....	43
Hình 5: TFF như là một “cửa sổ” thu nhỏ của VNFF	44
Hình 6: Thực hiện lộ trình do Đoàn đánh giá lần hai khuyến nghị sát nhập TFF vào VNFF	47
Hình 7: Lộ trình do Đoàn đánh giá lần thứ ba khuyến nghị sát nhập TFF vào dưới ô VNFF.....	48

DANH MỤC CÁC HỘP

Hộp 1: Câu chuyện về cải thiện sinh kế của dự án FSDP	35
Hộp 2: Câu chuyện Nhóm quản lý rừng cộng đồng từ dự án Lâm Đồng	36

CÁC TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
BoD, BDH	Ban điều hành quỹ
BTC	Bộ Tài chính
DARD	Sở NN&PTNT
euro	Đồng euro
FLITCH	Dự án Phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên (FLITCH)
FMU	Nhóm quản lý rừng
FSSP	Đối tác hỗ trợ ngành Lâm nghiệp
FSSP-CO	Văn phòng điều phối Đối tác hỗ trợ ngành Lâm nghiệp
GIZ	Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức
HCS	Tuyên bố chung Hà Nội
Bộ KHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
MARD, BNN	Bộ NN&PTNT
M&E	Giám sát và đánh giá
NGO	Tổ chức phi chính phủ
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
OM	Cẩm nang vận hành và quản lý quỹ
PES	Chi trả dịch vụ hệ sinh thái
PFES	Chi trả dịch vụ môi trường rừng
PIM	Sổ tay quản lý dự án
REDD	Giảm phát thải do mất rừng và suy thoái rừng
TFF	Quỹ Ủy thác ngành Lâm nghiệp
TFFMU	Cơ quan điều hành nghiệp vụ quỹ TFF
VCF	Quỹ Bảo tồn Việt Nam
VFDS	Chiến lược phát triển ngành lâm nghiệp Việt Nam
VNFF	Quỹ bảo vệ và phát triển rừng
WB	Ngân hàng thế giới

LỜI CẢM ƠN

Đoàn đánh giá chính lần thứ ba TFF đánh giá cao và cảm ơn nhiều người đã dành thời gian và kiến thức của họ hoặc đóng góp bằng những cách khác cho báo cáo đánh giá. Mặc dù không thể liệt kê đầy đủ mọi cá nhân, xin chân thành cảm ơn:

- Thứ trưởng Bộ NN&PTNT, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Chủ tịch Ban điều hành TFF, ông Hứa Đức Nhị
- Đại sứ quán Phần Lan: Katja Hirvonen và Lê Thị Thu Hương
- Tổ chức Hợp tác và Phát triển Thụy Sĩ: Hoàng Mỹ Lan và Trần Nam Bình
- Các thành viên Ban điều hành đã tham gia phỏng vấn và các cuộc họp
- Phó giám đốc TFFMU Phạm Hồng Lượng, Ivo Litxenbergh, Phạm Văn Trung, Nguyễn Chiến Cường
- Phó Giám đốc FSSP và STIC: Nguyễn Tường Vân
- Đoàn đánh giá giữa kỳ dự án FLITCH: Trưởng nhóm Steffen Johnsen và các thành viên Lê Thị Thu Hương và Nguyễn Văn Duyên
- Giám đốc và nhân viên các dự án đã tham gia phỏng vấn
- Những người khác đã tham gia phỏng vấn hoặc hỗ trợ đoàn bằng các cách khác nhau

TÓM TẮT VÀ KHUYẾN NGHỊ

GIỚI THIỆU

Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (TFF) được thành lập ngày 23/6/2004 trên cơ sở Biên bản ghi nhớ được ký giữa Chính phủ Việt Nam và các chính phủ Phần Lan, Hà Lan, Thụy Điển và Thụy Sĩ. Quỹ TFF là một cơ chế tài chính huy động đóng góp của các nhà tài trợ quốc tế để giải quyết các ưu tiên của ngành lâm nghiệp. Mục tiêu tổng thể của Quỹ TFF là:

“Quản lý rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học để đạt được: (a) bảo vệ môi trường, (b) cải thiện sinh kế của người dân sinh sống tại các khu vực phụ thuộc vào rừng, (c) tăng cường đóng góp của ngành lâm nghiệp vào nền kinh tế quốc dân, và (d) tăng cường đóng góp của lâm nghiệp về giảm thiểu và thích ứng biến đổi khí hậu”.

Quỹ TFF có 4 mục tiêu cụ thể:

- *Gắn kết hỗ trợ ODA chặt chẽ hơn với các ưu tiên đã xác định trong Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam.*
- *Cải thiện hiệu quả công tác xoá đói giảm nghèo bằng cách hướng hỗ trợ ODA cho ngành lâm nghiệp.*
- *Hài hoà hoá việc chuyển vốn ODA cho ngành lâm nghiệp thông qua giảm chi phí giao dịch của Chính phủ Việt Nam.*
- *Đóng vai trò là mô hình thử nghiệm để đúc rút kinh nghiệm và bài học có ích cho việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (VNFF) do Chính phủ Việt Nam hoàn toàn sở hữu và quản lý.*

Cho đến nay tổng số tiền cam kết cho Quỹ TFF là 30,92 triệu euro. Kháng 22 triệu euro đã được giải ngân cho 29 dự án và các hoạt động, gồm 21 dự án nhỏ, 6 dự án lớn và hai dự án đồng tài trợ (ADB và WB). Hai dự án đồng tài trợ chiếm 67% số tiền đã giải ngân. Có 24 dự án đã hoàn thành, 1 dự án bị đình chỉ, và 4 dự án đang thực hiện gồm 2 dự án đồng tài trợ lớn, dự án FORMIS và đóng góp cho Văn phòng điều phối Đối tác hỗ trợ ngành Lâm nghiệp.

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam (VNFF) được chính thức thành lập năm 2008. Mục đích thành lập Quỹ VNFF nhằm huy động các nguồn lực xã hội nhằm bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hóa nghề rừng, nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng. Hội đồng quản lý quỹ TFF (BoD) đã thống nhất là cần sát nhập TFF vào VNFF. Đã có nhiều “lộ trình” sát nhập nhưng phải điều chỉnh vì VNFF khởi động chậm.

Báo cáo đánh giá chính lần thứ nhất Quỹ TFF được thực hiện tháng 6/2006. Năm 2007 Công ty kiểm toán KPMG Helsinki đã thực hiện Báo cáo đánh giá rủi ro. Báo cáo đánh giá chính lần thứ hai của tư vấn độc lập được thực hiện năm 2009. Một trong các mục đích của đánh giá lần hai là rà soát và khuyến nghị về vai trò tương lai của Quỹ TFF trong bối cảnh VNFF.

Đánh giá chính lần thứ ba có ba mục tiêu: (i) Rà soát vai trò Quỹ TFF đối với ngành lâm nghiệp, (ii) Đánh giá hoạt động TFF bao gồm “công cụ” và danh mục dự án, và (iii) đánh giá tương lai TFF trong bối cảnh VNFF được thành lập.

Nhóm đánh giá gồm hai tư vấn quốc tế và hai tư vấn trong nước đã thực hiện công việc trong vòng 30 ngày bao gồm nghiên cứu tài liệu, phỏng vấn và họp tại Hà Nội (2 tuần), phân tích và tổng hợp dữ liệu, viết báo cáo. Một tư vấn trong nước cũng tham gia đi thực địa 2 ngày cùng đoàn đánh giá giữa kỳ dự án FLITCH.

VAI TRÒ CỦA TFF TRONG NGÀNH LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

Giải quyết ưu tiên ngành: TFF đã làm gì ở cấp ngành lâm nghiệp:

TFF có bốn chuyên đề ưu tiên được xác định trong Biên bản ghi nhớ là (i) quản lý rừng bền vững hướng tới xoá đói giảm nghèo, (ii) bảo vệ môi trường/ biến đổi khí hậu, (iii) cải thiện quản lý ngành lâm nghiệp, và (iv) tăng cường quản lý danh mục dự án TFF. TFF có nhiệm vụ tập trung

cho danh mục dự án và giải quyết các lĩnh vực ưu tiên của Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam (VFDS).

Tất cả 29 dự án do TFF tài trợ đã đóng góp cho 5 chương trình khác nhau của VFDS dưới nhiều hình thức khác nhau. Các dự án tập trung chủ yếu vào Chương trình 5 (đổi mới thể chế, chính sách, lập kế hoạch và giám sát) với 79% số dự án, và Chương trình 1 (quản lý và phát triển rừng bền vững) với 69%. Một tỷ lệ nhỏ 21% các dự án hỗ trợ Chương trình 4 (nghiên cứu, giáo dục, đào tạo và khuyến lâm) và 14% cho Chương trình 2 (bảo vệ rừng, đa dạng sinh học và các dịch vụ môi trường). Chỉ có một dự án hoạt động trong Chương trình 3 (chế biến và thương mại lâm sản).

Thời gian đầu TFF hỗ trợ sự phát triển của VFDS. Những hỗ trợ tiếp theo cho "công cụ" chính sách và chiến lược như nghị định, quyết định, thông tư... đã giúp VFDS triển khai hoạt động. Các dự án khác đã hỗ trợ thực hiện VFDS trong cộng đồng.

Tác động của TFF là đáng kể, đặc biệt là hỗ trợ sự phát triển chiến lược ngành lâm nghiệp và các công cụ liên quan cần thiết để triển khai những chiến lược đó. Tuy vậy tác động tổng thể của TFF trong ngành lâm nghiệp bị giới hạn bởi mức độ đầu tư. Tổng vốn đầu tư 31 triệu euro của TFF ước tính khoảng 1% tổng mức đầu tư cho lĩnh vực lâm nghiệp, và khoảng 20% hỗ trợ ODA cho ngành lâm nghiệp. Để có tác động nhiều hơn trong lĩnh vực này, TFF cần tập trung một cách chiến lược hơn để tạo điều kiện thuận lợi cho phối hợp phát triển ngành của VFDS.

Nhu cầu với TFF: cần đóng vai trò gì trong sự phát triển ngành lâm nghiệp:

TFF chủ yếu là một cơ chế nhận tài trợ có khả năng thu hút các nhà tài trợ để giải quyết các vấn đề chính trong ngành lâm nghiệp (VFDS). Để thực hiện thành công vai trò này, TFF cần có một mức độ linh hoạt và có thể hỗ trợ những hoạt động không dễ dàng được cấp ngân sách nhà nước. TFF cần cung cấp hỗ trợ "chiến lược" cho VFDS với một danh mục dự án chặt chẽ, có hiệu quả cấp số nhân (tác động mạnh mẽ với tiền bỏ ra) hoặc có thể tận dụng tài trợ bổ sung (ví dụ như cho các chương trình lớn hơn). Các loại dự án rất thích hợp với TFF bao gồm (i) "công cụ" chính sách và chiến lược quan trọng, (ii) các dự án thí điểm để thử nghiệm và phát triển các tiếp cận và phương pháp, (iii) xây dựng năng lực lập kế hoạch dự án nhằm nâng cao chất lượng dự án, (iv) các dự án nhỏ và vừa phù hợp trong một cách tiếp cận gắn kết rộng lớn hơn, và (v) các dự án đồng tài trợ lớn hơn để tận dụng đầu tư lớn (mặc dù những dự án này cần được thẩm định rất cẩn thận).

Ưu điểm, hạn chế, thách thức và các phương án sát nhập TFF:

Quỹ TFF có một vai trò quan trọng đối với việc hỗ trợ phát triển ngành lâm nghiệp thông qua việc giải quyết những hạn chế quan trọng của toàn ngành một cách linh hoạt và gắn kết. Quỹ TFF được thành lập và hoạt động đầy đủ và đã tích lũy được một số năm kinh nghiệm và kiến thức.

Nguồn tài trợ cho TFF đang giảm và ngày càng không chắc chắn. Các nước tài trợ hiện nay có thể sẽ không tiếp tục tài trợ cho Quỹ TFF sau khi Biên bản ghi nhớ hiện tại hết hạn vào cuối năm 2012.

Dự kiến TFF sẽ được sát nhập bằng cách nào đó vào VNFF. Đó là tương lai của TFF.

Trong lúc này TFF cần tăng cường kế hoạch chiến lược và xây dựng một danh mục dự án gắn kết. Lập kế hoạch chiến lược đóng vai trò rất quan trọng đối với TFF và cả cho sự phát triển đúng hướng của ngành lâm nghiệp. VFDS cung cấp các chiến lược khung để phát triển các chiến lược chi tiết hơn được điều chỉnh theo thời gian. Cần liên kết FSSP như một diễn đàn thảo luận chính sách và chiến lược với quá trình lập kế hoạch chiến lược của Bộ NN&PTNT. Sự cần thiết phải lập kế hoạch chiến lược chưa được nhận diện rộng rãi trong Bộ NN&PTNT và cần xem xét thiết lập một "Nhóm nghiên cứu tham vấn" ("Think tank") nhỏ với các chuyên gia giỏi.

HOẠT ĐỘNG CỦA TFF VÀ DANH MỤC DỰ ÁN TFF

Các công cụ và danh mục dự án TFF được xem xét một cách riêng biệt thông qua xem xét thành tích tổng thể, những hạn chế và xem xét các vấn đề cụ thể. Sau đó đánh giá tổng thể TFF theo các tiêu chuẩn đánh giá chính: sự phù hợp, hiệu quả, hiệu suất, tác động và tính bền vững.

Những thành tựu chính và hạn chế của các “công cụ” của TFF

Việc lập kế hoạch, ngân sách, giám sát và đánh giá, báo cáo, quản lý danh mục đầu tư, quản lý tài chính... hệ thống thủ tục và các công cụ đã được phát triển, phổ biến và hoàn chỉnh qua ít nhất một vòng. "Sổ tay quản lý dự án" (PIM) "Cẩm nang vận hành và quản lý quỹ" (OM), định mức chi tiêu... đã được soạn thảo, phê duyệt và đưa vào sử dụng. Qua gần 7 năm thực hiện dự án, TFF đạt mức độ trưởng thành nhất định.

Công tác giám sát đánh giá và báo cáo đã, đang và vẫn là những khu vực quan ngại. Giám sát đánh giá và báo cáo phụ thuộc chủ yếu vào dữ liệu từ các báo cáo của các dự án. Giám sát đánh giá thường bị giới hạn bởi các đặc điểm kỹ thuật của mục tiêu và các chỉ số, và thu thập các dữ liệu. TFF cần hỗ trợ các dự án để cải thiện các lĩnh vực này. TFFMU cũng nên thực hiện các chuyển công tác giám sát đánh giá thường xuyên, đôi khi kết hợp với các đoàn giám sát. Báo cáo sẽ được hưởng lợi từ dữ liệu chỉ số được cải thiện từ các dự án, các chuyển công tác giám sát đánh giá, và một phong cách trình bày rõ ràng, tập trung, cởi mở và cân bằng hơn.

Cơ cấu nhân sự và trình độ và kinh nghiệm hiện tại tương đối đủ để thực hiện hầu hết các nhiệm vụ ở một mức cơ bản. Tuy nhiên cần có đội ngũ nhân viên có nhiều kinh nghiệm và năng lực kỹ thuật hơn để đáp ứng được tiêu chuẩn và mức độ năng lực cao như yêu cầu với một số lĩnh vực hoạt động của TFF (như xây dựng một danh mục dự án gắn kết và tập trung chiến lược đồng thời có kế hoạch tốt và hỗ trợ M&E, theo dõi và báo cáo với chất lượng cao). Điều này có lẽ là không thực tế khi các cán bộ đến từ Bộ NN&PTNT và mức lương quá thấp để thu hút đội ngũ nhân viên có nhiều kinh nghiệm hơn. Có thể hợp đồng ngắn hạn, nhưng dù sao TFF vẫn phải hoạt động với những gì vốn có. Cố vấn đóng vai trò quan trọng trong việc mang lại đổi mới và chất lượng.

Cơ cấu tổ chức và quản trị và các hệ thống là rõ ràng và đơn giản. Tuy nhiên thỉnh thoảng vẫn còn chậm trễ trong việc ra quyết định. Nguyên nhân một phần là do sự khác biệt trong quan điểm và ý kiến giữa các nhà tài trợ TFF và các thành viên Ban điều hành quỹ thuộc Bộ NN&PTNT, và một phần là do chưa có đầy đủ thông tin về kế hoạch và xác định các dự án mới được trình lên BoD. Các nhà tài trợ chưa thật sự hài lòng với vai trò thư ký của TFFMU trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình ra quyết định đó. Các hình thức giao tiếp không chính thức và sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nhà tài trợ TFF và các thành viên BoD và TFFMU đã được cải thiện nhiều. Qui trình “chuyên môn hóa” có thể được sử dụng để tăng tốc độ ra quyết định giữa các cuộc họp định kỳ của Ban điều hành quỹ.

Những thành tựu chính và hạn chế của danh mục dự án TFF

Tổng cộng 7 dự án đã được hoạt động kể từ khi đánh giá lần thứ hai tháng 6/2009. Hai dự án trong số này đã kết thúc (dự án CBBC và dự án Lâm Đồng) và được đánh giá là đã được hầu hết các mục tiêu của dự án. Một dự án (PPFP) đã được chấm dứt do hoạt động kém. Hai dự án lớn đồng tài FLITCH (ADB) và FSDP (WB) đang tiếp tục cải thiện hoạt động sau giai đoạn khởi động chậm và khó khăn. Tuy nhiên dự án FLITCH không nhận được một báo cáo thuận lợi của Đoàn đánh giá giữa kỳ được thực hiện tại cùng một thời gian với Đoàn đánh giá lần thứ ba quỹ TFF. Dự án FORMIS bắt đầu năm 2009 và đã có những tiến triển tốt. Các hoạt động FSSP-CO phi dự án được bắt đầu vào năm 2011. Các dự án được TFF tài trợ đó cùng nhau đã có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển ngành lâm nghiệp.

Tuy vậy công tác Quản lý danh mục dự án cần được cải thiện. TFFMU cần có một vai trò tích cực và chủ động trong công tác giám sát đánh giá và theo dõi dự án (như trên) để bảo vệ đầu tư và cải thiện hoạt động. TFFMU và BoD cũng nên phát triển một kế hoạch chiến lược cho TFF và chủ động xây dựng một danh mục dự án năng động và lành mạnh, tuy nhiên việc thực hiện không dễ dàng.

Một số lượng đáng kể vốn đã phân bổ các dự án mà sẽ không được sử dụng hết. Những đồng vốn không sử dụng cần được giải phóng và dành cho các dự án mới, bao gồm cả cho sự phát triển mang tính tập trung của VNFF.

Đánh giá tổng thể hoạt động

Phù hợp: Quỹ TFF phù hợp với phần lớn của các bên liên quan kể từ khi thành lập. Với việc thành lập VNFF thuộc Bộ NN&PTNT thì phiên bản hiện tại của TFF sẽ trở nên ít phù hợp hơn. Do đó TFF cần được sát nhập vào VNFF.

Hiệu quả: TFFMU quản lý hành chính hàng ngày quỹ TFF một cách tương đối có thẩm quyền và kịp thời nhưng vẫn còn có những nhược điểm trong những lĩnh vực liên quan đến M&E, theo dõi dự án, báo cáo, lập kế hoạch chiến lược và bắt đầu các dự án mới. Đánh giá hiệu quả tổng thể của dự án (về khía cạnh các kết quả đầu ra trong khuôn khổ ngân sách và thời gian) cho thấy rằng khoảng 50% giá trị tài trợ đã được phân bổ cho các dự án đánh giá là có hiệu quả kém, tỉ lệ này bị ảnh hưởng nặng nề bởi dự án lớn FLITCH trong lúc dự án này đang có khả năng cải thiện sau giai đoạn khởi đầu rất chậm và khó khăn, và các vấn đề về quản lý được giải quyết. Tuy nhiên nếu xét về mặt số lượng các dự án thì hiệu quả tốt hơn, với 71% trong số 21 dự án được đánh giá trung bình và 19% được đánh giá trên trung bình. Xem xét các thiếu sót nêu trên cho các hoạt động TFF, và bối cảnh dự án, hiệu quả tổng thể được đánh giá là "trung bình" (có thiếu sót trung bình cần phải được giải quyết).

Hiệu suất và tác động: Những mục tiêu cụ thể của "công cụ" TFF đã đạt được ở mức độ khác nhau. Việc đánh giá các kết quả và mục tiêu chung của dự án chưa được thực hiện và hiện tại là quá sớm để đánh giá đối với các dự án đang hoạt động. TFF về tổng thể đã hỗ trợ sự phát triển của VFDS và các chiến lược liên quan, các quyết định... mà sẽ có tác động quan trọng. TFF đã đi tiên phong trong việc phát triển một quỹ ủy thác cho ngành lâm nghiệp và kinh nghiệm thu được được áp dụng cho sự phát triển quỹ VNFF của Bộ NN& PTNT. Nhiều dự án TFF đã đóng góp nhiều cách khác nhau mang lại lợi ích quan trọng về sinh kế, rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường...

Bền vững: Xem xét ba lĩnh vực tác động chính được đề cập ở trên, VFDS có thể được bền vững, VNFF với sự sát nhập của TFF có thể được bền vững và một số kết quả đầu ra của dự án, kết quả và tác động có thể bền vững.

Các **yếu tố thành công** chính cho TFF là:

- Nhu cầu TFF rõ ràng và dễ hiểu.
- TFF có một cấu trúc thể chế đơn giản với vai trò và trách nhiệm rõ ràng.
- TFF đã phát triển mạnh các kênh trao đổi thông tin không chính thức.
- TFF có tài liệu toàn diện và tốt bằng văn bản để hướng dẫn thực hiện.
- Quyền sở hữu trong Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Liên kết chặt chẽ với diễn đàn trao đổi về chính sách của FSSP.
- Có uy tín khá cao trong ngành lâm nghiệp và cộng đồng các nhà tài trợ.

Các **hạn chế** chính của TFF là:

- Khó khăn phát triển một kế hoạch chiến lược cho TFF.
- Khó khăn xây dựng một danh mục dự án mạnh với các dự án mới.
- Khó khăn để phát triển mạnh mẽ M&E.
- Vấn đề báo cáo do chủ yếu là "lọc" và "làm mềm" các vấn đề quan trọng.
- Vấn đề với các dự án đồng tài trợ.
- Cam kết vốn cho các dự án giải ngân chậm.
- Tương lai không chắc chắn.

TƯƠNG LAI CỦA TFF BÊN TRONG VNFF

Việc thành lập VNFF

VNFF được thành lập theo Nghị định của Chính phủ số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/1/2008 về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng. VNFF sẽ có hai loại quỹ: Quỹ Trung ương và Quỹ cấp tỉnh. Nguồn tài chính của Quỹ Trung ương sẽ được ngân sách nhà nước hỗ trợ ban đầu 100 tỷ đồng (khoảng 5 triệu USD) trong vòng hai năm kể từ ngày thành lập Quỹ. Ngoài ra nguồn thu của Quỹ Trung ương còn từ các khoản tự nguyện đóng góp tài chính và tài trợ từ các tổ chức quốc tế và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Nguồn tài chính của Quỹ cấp tỉnh từ ngân sách tỉnh hỗ trợ vốn ban đầu khi thành lập của Quỹ. Ngoài các khoản “đóng góp bắt buộc” từ các tổ chức tư nhân và công chúng khai thác tài nguyên rừng trực tiếp hoặc gián tiếp (như Chi trả dịch vụ hệ sinh thái (PES), Chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) và giảm phát thải do mất rừng và suy thoái rừng (REDD)), các khoản đóng góp tự nguyện từ các tổ chức quốc tế và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và cả hỗ trợ từ Quỹ Trung ương.

VNFF đang được thí điểm tại tỉnh Lâm Đồng và Sơn La với kinh phí từ nguồn Chi trả dịch vụ hệ sinh thái (PES). Cho đến nay Quỹ trung ương chưa nhận được kinh phí ban đầu, đang chờ ngân sách 2012 cấp 50 tỷ đồng (khoảng 2,5 triệu USD). Giám đốc và Phó Giám đốc VNFF đã được được bổ nhiệm nhưng những nhân viên khác chưa được tuyển dụng. Hiện vẫn cần ban hành thêm một số hướng dẫn và quyết định được trước khi Quỹ có thể bắt đầu hoạt động.

Các phương án tương lai của TFF:

Có 3 phương án được xem xét cho TFF:

1. TFF tiếp tục là Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp độc lập:

- Ưu điểm: Ưu điểm chính là quỹ hoạt động đầy đủ và có 6 năm kinh nghiệm.
- Nhược điểm: Các nhà tài trợ hiện tại không hài lòng với một số khía cạnh hoạt động của TFF và giá trị đồng tiền. Vốn ODA đang suy giảm cùng với ưu tiên cao hơn cho biến đổi khí hậu (thông qua các quỹ REDD) và có áp lực lên các nhà tài trợ phải tiết kiệm do cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Chưa thấy xuất hiện các nhà tài trợ mới. Chưa thấy khả năng các nhà tài trợ hiện tại tiếp tục hỗ trợ khi Biên bản ghi nhớ hiện tại sẽ kết thúc vào vào cuối năm 2012. Cũng chưa thấy khả năng sẽ có thêm nhà tài trợ mới. Nếu không có vốn tiếp tục thì phương án này là không khả thi.

2. TFF hòa nhập hoàn toàn vào trong VNFF và không còn là một tổ chức độc lập:

- Ưu điểm: Đó phải là một quỹ bền vững của Bộ NN&PTNT cùng với hỗ trợ lâu dài của chính phủ và khu vực tư nhân, như mong muốn đối với VNFF. Các chính sách, quy định của chính phủ sẽ được áp dụng và sẽ bớt đi các thủ tục hành chính và chi phí.
- Nhược điểm: Chưa chắc có tài trợ thêm từ các nhà tài trợ quốc tế do mức độ kiểm soát và minh bạch thấp (Các quy định hiện hành của chính phủ chưa hoàn toàn đáp ứng các đòi hỏi quốc tế. Tình trạng tham nhũng vẫn còn, quản lý tài chính công cần được cải thiện). Kinh nghiệm của TFFMU sẽ mất hoặc không được tiếp tục do sẽ không thực tế để tiếp tục tuyển dụng những cán bộ hiện thời của TFF với mức lương nhà nước thấp.

3. TFF được sát nhập vào VNFF như là một quỹ phụ xác định, hay “cửa sổ tài chính”, có các mục tiêu cụ thể và hỗ trợ riêng của mình. Viện trợ có điều kiện, v.v.:

- Ưu điểm: VNFF có thể thông qua “cửa sổ tài chính” TFF có thể tiếp tục sử dụng cùng một cấu trúc, thủ tục, công cụ cơ bản, và do đó chuyên môn và kinh nghiệm TFF hầu như không mất đi. Cần có một mức độ độc lập và các tiêu chuẩn minh bạch và trách nhiệm cao (đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) để thu hút các nhà tài trợ quốc tế và trong nước.
- Nhược điểm: Nguồn vốn cho “cửa sổ tài chính” TFF cần phải đến một phần từ các nhà tài trợ quốc tế và trong nước, một phần từ ngân sách nhà nước và PES. Các nhà tài trợ hiện nay dường như không tiếp tục hỗ trợ và không có nhà tài trợ mới. Vốn tài trợ do đó không chắc chắn, và để thu hút các nhà tài trợ mới thì chính phủ và đặc biệt là Bộ NN&PTNT cần

phải chứng tỏ vai trò quan trọng của VNFF và có các biện pháp để quỹ VNFF hoạt động hoàn toàn vào cuối năm 2012.

Các kết luận và lộ trình cho tương lai của TFF:

Chính phủ Việt Nam đã thành lập VNFF theo Nghị định 05 và hoạt động cũng như xây dựng nguồn tài chính bền vững cho quỹ sẽ được đảm bảo theo Nghị định này. Khi VNFF hoạt động hoàn toàn thì đây sẽ là quỹ bền vững cho ngành lâm nghiệp và có tiềm năng để thực hiện đầy đủ các chức năng chính của TFF hiện nay. Để hỗ trợ chính phủ đạt được thành tích đó, TFF cần sử dụng kiến thức và kinh nghiệm của mình để hướng dẫn những cán bộ mới của VNFF vận hành quỹ này với những gì đã đạt được và hoạt động tốt trong TFF cho đến nay. Theo nghĩa này thì một phần TFF sẽ hòa nhập vào VNFF.

Đồng thời, nếu Bộ NN&PTNT mong muốn và nếu có nguồn vốn, TFF có thể được sát nhập vào VNFF như một quỹ phụ riêng biệt hoặc "cửa sổ tài chính" nhằm cung cấp một quỹ ủy thác chặt chẽ và tập trung hơn để các nhà tài trợ tiềm năng cấp vốn.

Đối với cả hai phương án đó đều có lộ trình để TFF sát nhập vào VNFF vào quý IV năm 2012.

CÁC KHUYẾN NGHỊ

TT	Vấn đề	Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
1	Tham gia thảo luận với chính sách và chiến lược	TFF đã được đặt vào vị trí phù hợp để hỗ trợ sự phát triển chiến lược và chính sách ngành lâm nghiệp thông qua việc chia sẻ bài học và kinh nghiệm của các dự án được TFF tài trợ, và có khả năng hỗ trợ giải quyết các vấn đề quan trọng trong sự phát triển ngành lâm nghiệp một cách kịp thời. FSSP đã cung cấp một diễn đàn trao đổi về chiến lược và chính sách ngành, tuy nhiên mối liên kết với FSSP đã suy yếu sau khi TFF tách khỏi FSSP. Vì vậy TFFMU (cũng như sự phát triển tiếp theo của TFFMU) cần tham gia tích cực hơn nữa với FSSP, Bộ NN&PTNT và các tổ chức khác để tận dụng những tiềm năng của mình đóng góp vào cũng như học tập từ những cuộc tranh luận chính sách.	BoD TFFMU	Liên tục
2	Kế hoạch chiến lược TFF	Mặc dù việc phát triển chính sách chung của ngành lâm nghiệp đã được hỗ trợ bởi Bộ NN&PTNT, FSSP, TFF và các tổ chức khác, TFF cần phát triển kế hoạch chiến lược riêng của mình. TFFMU cần chủ động xác định và xây dựng danh mục dự án phù hợp với các mục đích và mục tiêu của quỹ, và hỗ trợ sự triển khai VFDS cũng như các dự án khác nhau của VFDS. Điều này đòi hỏi TFFMU và BoD chủ động hơn và liên kết hiệu quả hơn với quá trình lập kế hoạch chiến lược của FSSP và Bộ NN&PTNT. Những chức năng này cần trong suốt quá trình triển khai VFDS và cần tiếp tục khi TFF sát nhập vào VNFF.	BoD TFFMU	Cuộc họp BoD lần tới
3	Ban cố vấn của Bộ NN&PTNT	Mặc dù FSSP cung cấp một diễn đàn trao đổi chính sách ngành lâm nghiệp, và quá trình giám sát, đánh giá, lập kế hoạch của Bộ NN&PTNT có thể có sự tập trung chiến lược, bản chất phong phú và phức tạp của ngành lâm nghiệp đòi hỏi có sự quan tâm sâu sắc và mạnh mẽ hơn nữa. Vì vậy Bộ NN&PTNT nên xem xét nghiêm túc việc thành lập một "Ban cố vấn" quy mô nhỏ gồm các chuyên gia, có khả năng và linh hoạt và nằm trong Bộ NN&PTNT (nhưng cũng có thể bao gồm cả các chuyên gia từ bên ngoài Bộ). Mục đích của "Ban cố vấn" này là để phân tích và hiểu biết sâu sắc VFDS đang thực hiện thế nào và làm thế nào để VFDS hướng tới đạt được các mục tiêu (kết quả) và tác động cao hơn mang tính bền vững. "Ban cố vấn" này sẽ bổ sung, liên kết và hỗ trợ các chính sách, chiến lược và quá trình lập kế hoạch của Bộ NN&PTNT cũng như FSSP. Dù Bộ NN&PTNT có	Bộ NN&PTNT	Cuối năm 2011

TT	Vấn đề	Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
		hạn chế về nguồn lực con người và tài chính thì tầm quan trọng của ngành lâm nghiệp có thể biện minh cho việc đầu tư này.		
4	Lập kế hoạch dự án	Về kế hoạch, Bộ NN&PTNT nên có một vai trò chặt chẽ trong quy hoạch và kiểm soát để các kế hoạch tổng thể được tuân thủ. TFFMU nên đưa ra một danh mục (check list) các nội dung bắt buộc cần chuẩn bị như là phác thảo ý tưởng (concept note) của chương trình/dự án theo mẫu trong Cẩm nang vận hành và quản lý quỹ (OM) trước khi kế hoạch được phê duyệt và sau đó tiếp tục trình BoD để đưa vào tài liệu dự án.	Bộ NN&PTNT TFFMU VNFF MU	Thực hiện ngay
5	Giám sát và đánh giá (M&E)	TFFMU cần tuân thủ chặt chẽ OM và quy định của Bộ NN&PTNT năm 2009 về báo cáo tóm tắt các kết quả chính cho nhà tài trợ và các bên liên quan. Khuyến nghị bổ sung các báo cáo giám sát đánh giá vào Báo cáo năm gửi cho nhà tài trợ và các bên liên quan.	TFFMU	Liên tục
6	Cải thiện các chỉ số giám sát đánh giá	Nền tảng M&E các dự án được tài trợ cần được cải thiện thông qua việc tập trung vào khung logic, các chỉ số và thiết kế M&E trong quá trình thẩm định dự án để nhận tài trợ. Các chỉ số và M&E nên được thiết lập rõ trước khi phê duyệt dự án. Nếu điều này là không thích hợp thì cần chuẩn bị hệ thống M&E chấp nhận được (với các chỉ số được thiết lập rõ) trong giai đoạn khởi động nên được coi một điều kiện để tài trợ đầy đủ/tiếp tục. Các hệ thống M&E và đặc biệt là các chỉ số của các dự án đang được tiến hành nên được xem xét cẩn thận và cải thiện các chỉ số khi cần thiết để làm cho chúng có thể kiểm chứng được một cách khách quan hơn.	TFFMU và BoD	Cuối năm 2011
7	Các chuyển công tác giám sát đánh giá	TFFMU nên thực hiện M&E (và theo dõi) một cách hệ thống và có cấu trúc một cách thường xuyên. Tối thiểu mỗi năm một chuyển công tác M&E và một chuyển công tác kết hợp M&E và theo dõi. Những chuyển công tác đó cần rà soát lại tiến độ hướng tới đạt được những kết quả, đầu ra và tác động lớn nếu thích hợp, cùng với một đánh giá chi tiêu và các vấn đề quan trọng được xác định thông qua các báo cáo dự án định kỳ. Cần có báo cáo M&E và theo dõi dự án của chuyển công tác để cập đến khó khăn, yếu điểm và cả những kết quả tốt.	TFFMU	Liên tục
8	Kiểm toán hoạt động độc lập	Cần thực hiện kiểm toán hoạt động các dự án đồng tài trợ lớn hàng năm hoặc khi cần thiết. Lợi ích đối với nhà tài trợ và TFFMU là đánh giá độc lập và giám sát đầy đủ hơn (so với kiểm toán tài chính chỉ xem xét các con số) việc vốn được sử dụng thế nào. Các điều khoản tham chiếu chuẩn cần được sử dụng đối với kiểm toán hoạt động để hỗ trợ TFFMU trong quá trình quản lý của mình.	BoD quyết định ngân sách cho TFFMU tổ chức	Cuộc họp BoD lần tới
9	Theo dõi dự án	TFFMU nên có một vai trò tích cực hơn trong việc theo dõi các dự án kết hợp với tăng cường M&E. Thông thường mỗi năm nên tổ chức một đoàn theo dõi giám sát và đánh giá cho từng dự án. Hành động khắc phục nên được đề nghị hoặc yêu cầu khi thích hợp. Các báo cáo của đoàn giám sát cần tóm tắt các kết luận và khuyến nghị.	TFMU	Liên tục
10	Báo cáo TFF	Các báo cáo thực hiện dự án của TFF đã có nhiều cải thiện đáng kể, tuy nhiên chưa hoàn toàn thỏa mãn các tài trợ. Để tiếp tục hoàn thiện báo cáo: (i) cải thiện các dữ liệu thông qua M&E được cải thiện như	TFMU	Liên tục

TT	Vấn đề	Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
		trên, đặc biệt là thông qua việc xác định và sử dụng các chỉ số rõ ràng cho kết quả đầu ra và kết quả chủ yếu (như trên). (ii) Thực hiện các chuyến giám sát thực địa quan trọng đối với các dự án trước khi chuẩn bị báo cáo để có được một sự hiểu biết trực tiếp về tiến bộ và hạn chế và các vấn đề quan trọng. (iii) Nhằm vào mục tiêu cụ thể là nhu cầu của các nhà tài trợ như là "cổ đông" chính của TFF. (iv) Viết báo cáo với một phong cách rõ ràng, khách quan, minh bạch và cân bằng. (v) Đưa vào mỗi báo cáo dự án cần bổ dưới dạng bảng (hoặc phụ lục của báo cáo) những thông tin sau đây: (a) các chỉ số chính (chỉ có kết quả và đầu ra chủ yếu) trong một bảng, (b) nêu bật những thành tựu chính, (c) hạn chế chính, các vấn đề cần được giải quyết và đề xuất hành động khắc phục hậu quả, và (d) báo cáo tài chính nhấn gọn trong một bảng bao gồm giải ngân so với dòng kinh phí dự án đối với từng mức hợp phần dự án.		
11	Xây dựng danh mục dự án	TFFMU nên đảm nhận một vai trò chủ động hơn trong việc kết nối với FSSP và các bên liên quan khác, và xác định các dự án mới phù hợp với trọng tâm chiến lược ngành. TFFMU nên sau đó, như là một vấn đề cấp bách, xem xét tất cả các dự án hiện hành và thực hiện các bước để giảm các cam kết TFF, qua đó giải phóng thêm vốn có thể được sử dụng ở nơi khác. Đồng thời, TFF nên tham khảo ý kiến với các đối tác và đặc biệt thông qua FSSP để xác định những dự án ngắn hạn phù hợp có thể được tài trợ và thông qua Hội đồng quản lý quỹ. TFFMU cần làm việc chặt chẽ với các nhà tài trợ TFF về vấn đề này.	TFFMU	Cuộc họp BoD lần tới
12	Định hướng tương lai TFF	Lĩnh vực trọng tâm cho TFF trong suốt 15 tháng còn lại của Biên bản ghi nhớ cần bao gồm sự phát triển của một VNFF có cơ sở vững chắc và mạnh với sự sát nhập TFF. Cần coi đây là một lĩnh vực đầu tư để xây dựng một VNFF vững mạnh với hỗ trợ cho nghiên cứu, công cụ... TFF cần cung cấp kiến thức và kinh nghiệm cho cán bộ VNFF. Lộ trình chi tiết xem Phụ lục 4. Ngoài các dự án đang thực hiện và 3 dự án TFFMU đã đề xuất, các dự án mới có thể bao gồm nghiên cứu về các chiến lược VFDS và hỗ trợ các sáng kiến phát triển chuỗi giá trị lâm sản ngoài gỗ.	TFFMU đưa ra kế hoạch, BoD quyết định	Cuộc họp BoD lần tới
13	Đánh giá tiến bộ hướng tới kết quả và tác động	Những dự án đồng tài trợ lớn FSDP và FLITCH cần đánh giá tình hình thực hiện hướng tới đạt được kết quả và những mục tiêu tác động. Điều đó bao gồm hiểu biết rõ hơn về ý nghĩa của "tác động", những cơ chế mà qua đó đạt được tác động, và tác động đó được đánh giá thế nào. Sự hiểu biết này cần được sử dụng để "tinh chỉnh" thiết kế dự án và những chiến lược triển khai.	TFFMU FSDP FLITCH	Bắt đầu từ 2012
14	Tích hợp TFF vào quỹ VNFF	Để có một Quỹ TFF hoạt động thực tế, Quỹ TFF phải là một phần của Quỹ VNFF trong tương lai. Để Quỹ VNFF hoạt động đầy đủ, các điều kiện tối thiểu là phải có bảo đảm từ ngân sách nhà nước ban đầu cho chi phí hoạt động của Quỹ VNFF	BTC, Bộ KHĐT, Bộ NN&PTNT	Cuối 2011
15	Các phương thức tài trợ cho TFF/VNFF	TFF có các hình thức tài trợ riêng như viện trợ trực tiếp (chủ yếu pha I) và đồng tài trợ (chủ yếu pha II). Trong tương lai cách hiệu quả và chi phí hiệu quả nhất là nên có cả hai phương thức tài trợ đó trong VNFF đặc biệt là đối với những nhà tài trợ trong nước và quốc tế.	VNFF và Bộ NN&PTNT	Cần có trong kế hoạch VNFF cuối 2011

TT	Vấn đề	Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
16	Giai đoạn kết thúc TFF sát nhập vào VNFF	Đoàn đánh giá lần thứ ba khuyến nghị cần có “giai đoạn kết thúc” vào năm 2012 khi TFF sẽ được sát nhập vào VNFF và quá trình này có thể được hỗ trợ bởi các nhà tài trợ hiện thời. Nguồn vốn đó có thể coi là một phần thuộc Biên bản ghi nhớ lần hai được ký giữa chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ sẽ kết thúc vào cuối năm 2012. Do sự chậm trễ trong quá trình thành lập VNFF và chuẩn bị cho quỹ này hoạt động hoàn toàn, chưa thể thực hiện sát nhập ngay TFF vào VNFF trong năm 2011.	TFFMU đưa ra kế hoạch và ngân sách, BoD quyết định	Cuộc họp BoD lần tới
17	Giai đoạn kết thúc TFF sát nhập vào VNFF	Đoàn đánh giá lần thứ ba muốn chỉ ra rằng điều kiện để các nhà tài trợ hỗ trợ “giai đoạn kết thúc” là chính phủ Việt Nam cam kết thực hiện nghĩa vụ của mình đối với các bước cần thực hiện để quỹ VNFF hoạt động hoàn toàn. TFF cùng với VNFF, hợp tác với Bộ NN&PTNT, cần chuẩn bị kế hoạch và ngân sách cho “giai đoạn kết thúc”.	Bộ NN&PTNT, Bộ Tài chính, Bộ KHĐT	Cuộc họp BoD cuối năm 2011 hoặc đầu 2012
18	TFF tiếp thị để thu hút nhà đầu tư mới	TFF nên rà soát và tăng cường kế hoạch tiếp thị của mình và tích cực hơn nữa trong việc tự quảng bá và tiếp thị để thu hút các nhà tài trợ. Điều này nên bao gồm thường xuyên cập nhật trang web của FSSP/TFF. Các trang web sẽ có ích cho việc tiếp thị của Quỹ TFF nếu được cập nhật thường xuyên, và cũng được tiếp thị tốt hơn với thông tin về những câu chuyện thành công cũng như là tài liệu tham khảo về các dự án hoàn thành tốt, nhấn mạnh phong cách làm việc của Quỹ TFF (thủ tục đáng tin cậy, tuân thủ thông lệ quốc tế cũng như các quy định của Chính phủ Việt Nam). Nếu TFFMU không có kinh phí cho công tác này, thì cũng cần có sự quan tâm của FSSP và Bộ NN&PTNT để đóng góp vào việc cập nhật và tạo ra một trang web TFF hấp dẫn.	TFFMU Bộ NN&PTNT	Ngay và liên tục
19	TFF sát nhập vào VNFF	Đoàn đánh giá lần thứ hai đã khuyến nghị TFF sát nhập vào VNFF trước nửa năm 2011 thuộc VNFF hoặc dưới ô VNFF (hoặc như là một đơn vị độc lập/cửa sổ tài chính trong VNFF) Đoàn đánh giá lần thứ ba ủng hộ khuyến nghị của đoàn đánh giá lần thứ hai với ý nghĩa là sẽ có hai đội ngũ nhân viên, một đội TFF có trách nhiệm với các nhiệm vụ cụ thể liên quan đến TFF, và đội VNFF (độc lập). Hơn nữa, điều này phù hợp với quan điểm của BoD đối với việc sát nhập TFF vào VNFF là giữ nguyên quyền sở hữu, quy định, nguyên tắc hoạt động và nhân viên của TFF. Đoàn đánh giá lần thứ ba cho rằng đây sẽ là một lựa chọn tài trợ như một cửa sổ tuân thủ các quy tắc và các quy định quốc tế nghiêm ngặt như trong TFF. Đây cũng sẽ là một cơ hội đối với các Ủy thác khác như VCF và có thể là một quỹ quốc gia REDD để tích hợp trong VNFF như là một “cửa sổ” tương tự đối với tài trợ từ các nhà tài trợ quốc tế và quốc gia. Do sự chậm trễ trong quá trình sát nhập TFF vào VNFF (vì những lý do như đã nói ở trên), thời gian thực tế nhất đối với sát nhập sẽ vào cuối năm 2012 Lộ trình cho việc sát nhập TFF vào VNFF được trình bày trong Hình 6.	TFF BoD	Cuộc họp BoD lần tới
20	Kế hoạch sát nhập TFF vào VNF	Cần có kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách chi tiết dựa vào các lộ trình cho của đoàn đánh giá lần thứ ba và của TFFMU (Phụ lục 11).	TFFMU	Cuộc họp BoD lần tới

1 GIỚI THIỆU CHUNG

1.1 Cơ sở của đánh giá

Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (TFF) được thành lập ngày 23/6/2004 trên cơ sở Biên bản ghi nhớ được ký giữa Chính phủ Việt Nam và các chính phủ Phần Lan, Hà Lan, Thụy Điển và Thụy Sĩ. Quỹ TFF là một cơ chế tài chính huy động đóng góp của các nhà tài trợ quốc tế để thực hiện các ưu tiên của ngành lâm nghiệp. Mục tiêu tổng thể của Quỹ TFF như Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp (FSSP)¹ nêu rõ:

“Quản lý rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học để đạt được: a) bảo vệ môi trường, b) cải thiện sinh kế của người dân sinh sống tại các khu vực phụ thuộc vào rừng, c) tăng cường đóng góp của ngành lâm nghiệp vào nền kinh tế quốc dân”.

Quỹ TFF có 4 mục tiêu cụ thể:

- *Gắn kết hỗ trợ ODA chặt chẽ hơn với các ưu tiên đã xác định trong Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam;*
- *Cải thiện hiệu quả công tác xoá đói giảm nghèo bằng cách hướng hỗ trợ ODA cho ngành lâm nghiệp;*
- *Hài hoà hoá việc chuyển vốn ODA cho ngành lâm nghiệp thông qua giảm chi phí giao dịch của Chính phủ Việt Nam; và*
- *Hỗ trợ giai đoạn chuyển đổi hướng tới tiếp cận ngành đối với hỗ trợ ODA trong lâm nghiệp.*

Các hỗ trợ của TFF bao gồm hỗ trợ cho ngành lâm nghiệp, tài trợ trực tiếp, đồng tài trợ và viện trợ cho các dự án nhỏ. Ưu tiên hỗ trợ các hoạt động quản lý rừng bền vững hướng tới xoá đói giảm nghèo, hỗ trợ cấp chính sách và thử nghiệm ở cấp triển khai. Biên bản ghi nhớ lần 1 cho “giai đoạn chuẩn bị” từ tháng 6/2004 đến hết năm 2007 và được kéo dài đến 31/12/2008.

Biên bản ghi nhớ lần 2 được ký ngày 18/3/2009 cho “giai đoạn triển khai” kéo dài đến hết năm 2012. Mục đích tổng thể của giai đoạn chuẩn bị được giữ nguyên nhưng có thêm “d) tăng cường đóng góp của lâm nghiệp về giảm thiểu và thích ứng biến đổi khí hậu”. Ba mục tiêu cụ thể đầu cũng được giữ nguyên. Mục tiêu “Hỗ trợ giai đoạn chuyển đổi hướng tới tiếp cận ngành đối với hỗ trợ ODA trong lâm nghiệp” được thay bằng “Đóng vai trò là mô hình thử nghiệm để đúc rút kinh nghiệm và bài học có ích cho việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (VNFF) do Chính phủ Việt Nam hoàn toàn sở hữu và quản lý”². Lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ chuyển sang hỗ trợ các hoạt động quản lý rừng bền vững hướng tới xoá đói giảm nghèo góp phần thúc đẩy phân cấp trong ngành lâm nghiệp và những hành động có tính đến đến chương trình quốc gia về biến đổi khí hậu. Các “chuyên đề ưu tiên” cũng được xác định là (i) quản lý rừng bền vững hướng tới xoá đói giảm nghèo, (ii) bảo vệ môi trường/ biến đổi khí hậu, (iii) cải thiện quản lý ngành lâm nghiệp, và (iv) tăng cường quản lý danh mục dự án TFF. Những ưu tiên này được Hội đồng Quản lý Quỹ (BoD) cập nhật theo thời gian.

Quỹ TFF ban đầu được quản lý trong Văn phòng Điều phối Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp (FSSP-CO). Tiểu ban chuyên môn và Ban điều hành đối tác FSSP chia sẻ trách nhiệm thẩm định và lựa chọn các dự án được tài trợ. Cấu trúc ban đầu của TFF được thay đổi năm 2007. Cấu trúc hiện tại có Cơ quan điều hành nghiệp vụ (CQĐHNV) Quỹ TFF hoạt động dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản lý Quỹ do Thứ trưởng Bộ NN&PTNT phụ trách lâm nghiệp làm Chủ tịch. Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện lãnh đạo một số đơn vị thuộc Bộ NN&PTNT và có một đại diện các nhà tài trợ cho Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định về định hướng và phương thức hoạt động, lựa chọn dự án, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính. TFFMU quản lý toàn diện các hoạt động hàng ngày của Quỹ.

¹ FSSP là Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp do Chính phủ Việt Nam cùng các đối tác quốc tế thành lập và thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

² Quỹ VNFF được Bộ NN&PTNT thành lập năm 2008.

Cho đến cuối năm 2010, tổng số vốn cam kết cho Quỹ TFF là 30,92 triệu euro. Quỹ mới nhận được 19,4 triệu euro bằng khoảng 63% cam kết. Số tiền còn lại 11,5 triệu euro cần được nhà tài trợ giải ngân để sử dụng cho các dự án.

Cho đến nay Quỹ TFF đã tài trợ cho 29 dự án và các hoạt động khác nhau. Có 24 dự án đã hoàn thành, 1 dự án bị đình chỉ, và 4 dự án đang thực hiện. Trong số các dự án đang thực hiện có hai dự án đồng tài trợ lớn: Dự án hỗ trợ phát triển ngành lâm nghiệp (FSDP) đồng tài trợ qua Ngân hàng Thế giới (WB) và Dự án Phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên (FLITCH) đồng tài trợ qua Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Hai dự án này chiếm 21,5 triệu euro, bằng 70% số cam kết tài trợ cho Quỹ TFF.

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam (VNFF) được thành lập theo Quyết định 114/QĐ-BNN ngày 28/11/2008. Mục đích thành lập Quỹ VNFF³ nhằm huy động các nguồn lực xã hội để bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hóa nghề rừng, nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng. Bộ máy quản lý Quỹ VNFF là Hội đồng quản lý Quỹ do Thứ trưởng Bộ NN&PTNT làm chủ tịch, có các ủy viên là lãnh đạo các Vụ thuộc Bộ NN&PTNT, đại diện Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ sẽ đặt tại Tổng cục Lâm nghiệp. Nguồn kinh phí cho Quỹ VNFF bao gồm các khoản đóng góp bắt buộc; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Các khoản chi trả dịch vụ hệ sinh thái (PES) cũng thuộc nguồn của Quỹ VNFF. Hiện nay đang có 2 dự án thí điểm tại 2 tỉnh sử dụng nguồn thu từ chi trả dịch vụ hệ sinh thái. Mặc dù Quỹ VNFF đã được chính thức thành lập nhưng chưa đi vào hoạt động hoàn toàn.

Một trong số các mục đích cụ thể của Quỹ TFF nêu trong Biên bản ghi nhớ lần 2 là mô hình thử nghiệm để đúc rút kinh nghiệm và bài học có ích cho việc thành lập Quỹ VNFF. Hội đồng quản lý Quỹ TFF đã thống nhất là Quỹ TFF sẽ được sát nhập với Quỹ VNFF. Đã có những “lộ trình” khác nhau cho VNFF nhưng đều phải điều chỉnh vì Quỹ VNFF chậm triển khai.

Báo cáo đánh giá chính lần thứ nhất về Quỹ TFF do Đoàn đánh giá hỗn hợp thực hiện tháng 6 năm 2006. Năm 2007 Công ty kiểm toán KPMG Helsinki đã thực hiện Báo cáo đánh giá rủi ro (FRA) để đánh giá tính chất và quy mô rủi ro của cơ chế tài trợ TFF. Báo cáo đánh giá chính lần thứ hai của tư vấn độc lập được thực hiện năm 2009. Một trong mục đích của đánh giá lần hai là rà soát và khuyến nghị về vai trò tương lai của Quỹ TFF trong bối cảnh VNFF. Điều này bao gồm cả đánh giá một số khả năng sát nhập Quỹ TFF vào Quỹ VNFF. Báo cáo đánh giá lần hai đã đưa ra một số khuyến nghị sát nhập Quỹ TFF vào Quỹ VNFF và đưa ra “lộ trình” sát nhập vào giữa năm 2011.

Việc chậm triển khai hoạt động Quỹ VNFF làm cho Quỹ TFF không thể được sát nhập vào Quỹ VNFF theo đúng kế hoạch và làm nảy sinh thêm các câu hỏi về tương lai của TFF. Những mối quan ngại đó cùng với nhu cầu đánh giá giữa kỳ dự án FLITCH dẫn đến việc thành lập hai đoàn đánh giá phối hợp. Đoàn đánh giá thứ nhất (Đoàn A) tiến hành đánh giá chính lần thứ ba Quỹ TFF và đưa ra báo cáo đánh giá này. Đoàn đánh giá thứ hai (Đoàn B) thực hiện đánh giá giữa kỳ dự án FLITCH trong cùng thời gian. Một tư vấn trong nước của Đoàn A cũng tham gia đi thực địa 2 ngày cùng đoàn đánh giá giữa kỳ dự án FLITCH. Ý đồ của việc tổ chức hai đoàn đánh giá đồng thời là để hai đoàn cùng tham dự một số cuộc họp, cùng thảo luận và trao đổi thông tin về các phát hiện và khuyến nghị.

1.2 Các mục tiêu

Mục tiêu tổng thể của Đánh giá chính lần thứ ba Quỹ TFF là “đưa ra quan điểm nhìn từ bên ngoài một cách độc lập và khách quan, thông tin và đánh giá Quỹ TFF” nhằm giúp Bộ NN&PTNT và các nhà tài trợ Quỹ TFF đánh giá tính hiệu quả, bền vững, việc sử dụng nguồn lực đầu tư của Quỹ TFF, và ra quyết định với những thông tin đầy đủ về chiến lược trong thời gian còn lại của giai đoạn hiện tại và khả năng của giai đoạn tiếp theo.

³ Như nêu trong Điều lệ Quỹ VNFF ban hành theo QĐ 128/2008/QĐ-BNN ngày 31/12/2008.

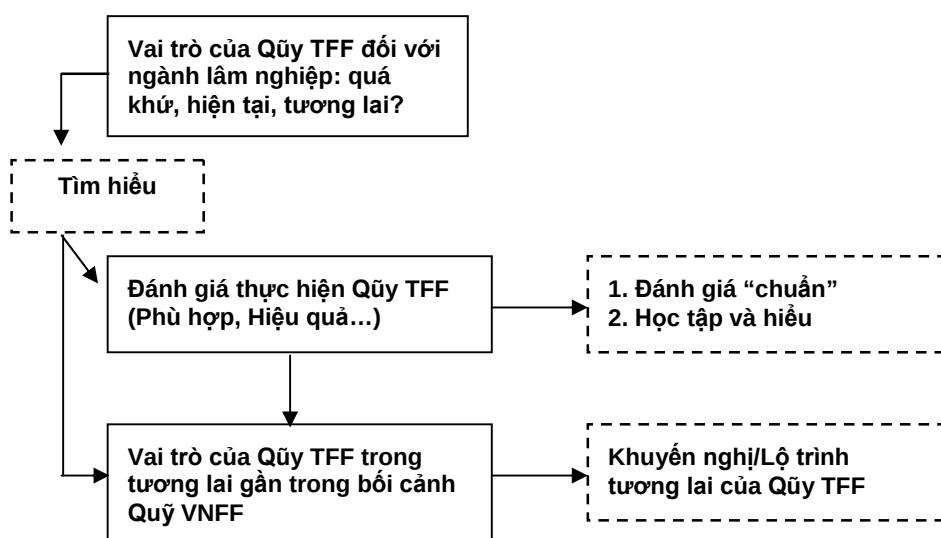
Mục đích của Đánh giá chính lần thứ ba Quỹ TFF là để hỗ trợ Bộ NN&PTNT và các nhà tài trợ Quỹ TFF về ba lĩnh vực hính:

1. Rà soát **vai trò Quỹ TFF đối với ngành lâm nghiệp** Việt Nam bao gồm vai trò trong Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp và rà soát vai trò, lợi ích và giá trị của ngành lâm nghiệp trong bối cảnh chung của nền kinh tế Việt Nam.
2. Đánh giá **thực hiện Quỹ TFF** như cơ chế thu hút vốn so với các mục tiêu và kết quả mong đợi bao gồm hai mức độ: (i) Quỹ TFF như là một công cụ để nâng cao hiệu quả viện trợ và (ii) thực hiện danh mục dự án Quỹ TFF. Đưa ra các khuyến nghị cụ thể và thực tế cho người ra quyết định và các bên liên quan về các biện pháp nâng cao hiệu quả và kết quả của Quỹ TFF về cả hai mức độ nêu trên.
3. Với sự thành lập Quỹ VNFF, đánh giá **vai trò của Quỹ TFF trong tương lai gần** và trung hạn, và khuyến nghị một thể chế thích hợp nhất cho Quỹ TFF nằm trong Quỹ VNFF.

Đề cương tham chiếu Đoàn đánh giá chính quỹ TFF lần thứ ba (Phụ lục 1) cho đầy đủ các mục tiêu bao gồm các vấn đề cụ thể liên quan đến ba lĩnh vực chính nêu trên cần được giải quyết.

1.3 Cách tiếp cận và phương pháp

Hình 1: Tổng quan về các phương pháp tiếp cận đánh giá



Đánh giá tập trung chủ yếu vào ba lĩnh vực chính để tìm hiểu như đã nêu trong Đề cương tham chiếu, và đồng thời xem xét mối liên hệ giữa những lĩnh vực đó và đầu ra từ mỗi lĩnh vực, như Hình 1 trên đây. Việc đánh giá vai trò của Quỹ TFF trong ngành lâm nghiệp sẽ cho ta sự hiểu biết tốt hơn về tính chất của Quỹ TFF và tiềm năng của Quỹ TFF hỗ trợ chiến lược cho ngành lâm nghiệp. Sự hiểu biết được cải thiện này sẽ lại hỗ trợ cho cả đánh giá thực hiện Quỹ TFF và suy nghĩ về những kịch bản có thể đối với tương lai của Quỹ TFF. Các kết quả đầu ra từ ba lĩnh vực tìm hiểu (trong hộp có khung đứt đoạn) sẽ được nêu trong báo cáo đánh giá này.

Một bộ chi tiết các “câu hỏi đánh giá” đã được biên soạn dựa vào ba lĩnh vực cần tìm hiểu và Đề cương tham chiếu. Xem Phụ lục 3.

Có sự kết hợp các phương pháp đã được sử dụng để đánh giá câu hỏi đánh giá khác nhau, xây dựng sự hiểu biết và rút ra kết luận. Các phương pháp đó là:

- Rà soát tài liệu: Đoàn đã được cung cấp nhiều tài liệu chủ yếu là tiếng Anh. Xem phần danh mục tài liệu tham khảo trong báo cáo này.
- Họp và phỏng vấn các bên liên quan: đã có nhiều cuộc họp với nhiều bên liên quan. Xem Phụ lục 2.

- Đi thực địa và cộng tác với đoàn đánh giá dự án FLITCH: một thành viên Đoàn A đã tham gia Đoàn đánh giá giữa kỳ dự án FLITCH trong 2 ngày tại thực địa. Các cuộc họp tại Hà Nội được tổ chức chung cho cả hai đoàn. Các cuộc họp khởi động, báo cáo tóm tắt, và tổng kết cũng được tổ chức chung. Mặc dù lịch làm việc dày đặc, hai đoàn đều giữ liên lạc và trao đổi qua email.
- Thu thập dữ liệu, biên soạn và phân tích: Đoàn đã có các yêu cầu cụ thể TFFMU cung cấp một số dữ liệu nhằm hỗ trợ việc chuẩn bị một số bảng biểu và phân tích hoạt động của Quý TFF.
- Đoàn đã có các cuộc họp và tham vấn thường xuyên với các bên liên quan đã cho phép đoàn đánh giá tập trung kiến thức và ý tưởng cùng nhau, xây dựng sự hiểu biết, đưa ra các kết luận và khuyến nghị.

Một kế hoạch làm việc khá chi tiết đã được chuẩn bị để hướng dẫn đoàn đánh giá qua các giai đoạn đánh giá. Đó là: (i) Nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị, (ii) làm việc, (iii) Tổng hợp và chuẩn bị dự thảo báo cáo, và (iv) hoàn thành báo cáo.

2 VAI TRÒ CỦA TFF TRONG NGÀNH LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

2.1 Giới thiệu tổng quan ngành lâm nghiệp Việt nam

Rừng bao phủ khoảng 13,3 triệu ha (2009) hay 40% tổng diện tích đất của cả nước. Rừng tự nhiên chiếm 76% và rừng trồng 21%. Rừng được phân loại rừng sản xuất (48%), rừng phòng hộ (37%) và rừng đặc dụng (15%). Có 8 vùng sinh thái được công nhận tại Việt Nam.

Tài nguyên rừng phục vụ đời sống của hơn 24 triệu người dân sinh sống trong hoặc gần rừng. Phần lớn diện tích đất rừng nằm ở vùng núi sâu, vùng xa của Việt Nam nơi sinh sống của nhân dân các dân tộc khác nhau. Các khu rừng cung cấp nguồn thực phẩm, gỗ nhiên liệu, vật liệu cho xây dựng nhà, thuốc chữa bệnh, và các nguyên liệu thô cho ngành công nghiệp chế biến lâm sản như giấy, gỗ xẻ, và một loạt các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ như tre, mây, dầu và nhựa cây.

Quy mô sản xuất công nghiệp dựa vào tài nguyên rừng là rất đáng kể với tổng sản lượng công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ ước đạt 5,8 tỷ USD trong năm 2009. Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 2,8 tỷ USD trong năm 2008. Khối lượng thu hoạch được ước tính khoảng 3,8 triệu mét khối vào năm 2008 và ngày càng tăng (VNFOREST, 2011).

Dữ liệu hiện tại được công bố ước tính sự đóng góp của ngành lâm nghiệp cho GDP chỉ hơn 1%. Điều này được cho là thấp vì một số lợi ích khu vực rừng không được tính đến. Nếu tính toán đầy đủ hơn những đóng góp của ngành lâm nghiệp, dựa trên khái niệm về lâm nghiệp theo Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam, thì ước tính đóng góp của lâm nghiệp sẽ là khoảng 3% đến 4% tổng GDP.

Các tài nguyên rừng đóng một vai trò môi trường cực kỳ quan trọng đối với Việt Nam. Tài nguyên rừng cung cấp một loạt các dịch vụ hệ sinh thái nói chung không được hạch toán trong nền kinh tế. Chúng bao gồm môi trường sống của động vật hoang dã, đa dạng sinh học lưu vực nước, hấp thụ/lưu trữ carbon (đối với "giảm thiểu biến đổi khí hậu") và khả năng chống lại các thảm họa tự nhiên (một phần của "thích ứng với biến đổi khí hậu") thông qua bảo vệ cảnh quan/nguồn nước, bảo vệ bờ biển... Việt Nam có một hệ thống toàn diện 164 khu rừng đặc dụng bao gồm 2 triệu ha. Hệ thống này gồm 30 khu vườn quốc gia, 58 khu bảo tồn thiên nhiên, 11 khu bảo tồn loài, 45 rừng lịch sử, tự nhiên và môi trường và 20 khu vực dành cho nghiên cứu khoa học và thử nghiệm.

Từ cuối những năm 1990, chính phủ đã thực hiện bước quan trọng để xây dựng lại tài nguyên rừng sau sự phá hủy do chất độc da cam gây ra trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, và để đảo ngược quá trình mất rừng do quản lý kém khai thác tài nguyên rừng từ áp lực dân số ngày càng tăng và kinh tế tăng trưởng nhanh. Độ che phủ rừng ngày càng tăng (từ 12,6 triệu ha năm 2005 đến 13,3 triệu ha trong năm 2009) và công tác lập kế hoạch, quản lý, quy chế và sử dụng tài nguyên rừng đã được cải thiện. Trọng tâm hiện nay là quản lý rừng bền vững.

Một trong những sáng kiến quan trọng nhất là Chương trình 5 triệu ha rừng (Chương trình 661) từ 1998 đến 2005 (giai đoạn 1) và 2006-2010 (giai đoạn 2). Kết quả đã trồng khoảng 1,3 triệu ha rừng trong giai đoạn 1 và 2,5 triệu ha rừng trong giai đoạn 2.

Chương trình hỗ trợ ngành Lâm nghiệp và Đối tác đã được khởi xướng vào năm 2001 để xây dựng một quan hệ đối tác hợp tác giữa các bên quốc tế và quốc gia liên quan trong ngành lâm nghiệp, và do đó cải thiện đối thoại và hợp tác về các vấn đề quan trọng trong ngành lâm nghiệp. Chương trình này sau đó được thay thế bởi Đối tác hỗ trợ ngành Lâm nghiệp (FSSP) vào năm 2006.

Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam 2006-2020 (VFDS) được Bộ NN&PTNT phát triển với sự hỗ trợ từ FSSP, TFF và các nhà tài trợ khác để cung cấp một cơ sở cho phát triển lâu dài của ngành lâm nghiệp. VFDS có năm chương trình chính:

Các chương trình phát triển:

- Chương trình 1: Quản lý và phát triển rừng bền vững

- Chương trình 2: Bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và dịch vụ môi trường
- Chương trình 3: Chế biến gỗ và thương mại lâm sản

Các chương trình hỗ trợ:

- Chương trình 4: Nghiên cứu, giáo dục, đào tạo và khuyến lâm.
- Chương trình 5: Đổi mới thể chế, chính sách, lập kế hoạch và giám sát ngành lâm nghiệp

Mục tiêu tổng thể của VFDS (2006-2020) là “Thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững 16,24 triệu ha đất quy hoạch cho lâm nghiệp; nâng tỷ lệ đất có rừng lên 42 - 43% vào năm 2010 và 47% vào năm 2020; đảm bảo có sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế và tổ chức xã hội vào phát triển lâm nghiệp nhằm đóng góp ngày càng tăng vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học và cung cấp các dịch vụ môi trường, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống cho người dân nông thôn miền núi và giữ vững an ninh quốc phòng”

Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam (2011-2020) dựa trên VFDS có các mục tiêu phát triển rừng chính như sau:

- Tổng rừng 2.600.00 ha, trong đó trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng 250.000 ha, trồng mới rừng sản xuất 1.000.000 ha và trồng lại rừng sau khai thác 1.350.000 ha
- Khoanh nuôi tái sinh 1.250.000 ha, trong đó khoanh nuôi tái sinh chuyển tiếp 650.000 ha, khoanh nuôi tái sinh mới 600.000 ha
- Cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt 350.000 ha
- Trồng cây phân tán: 500 triệu cây
- Nâng cao chất lượng và làm giàu rừng: đưa tăng trưởng bình quân rừng lên từ 1% hiện nay lên 1,5%; rừng trồng từ 15m³/ha/năm lên 20m³/ha/năm (2015) và 25m³/ha/năm (2010)
- Diện tích rừng được cấp chứng chỉ rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế năm 2015 đạt 30% diện tích rừng có khai thác gỗ, năm 2020 đạt 90% diện tích rừng có khai thác gỗ.

2.2 Tiến độ hướng tới hỗ trợ ngành và giải quyết các ưu tiên ngành

TFF ban đầu có bốn mục tiêu liên quan đến sự liên kết hỗ trợ ODA với các ưu tiên phát triển ngành lâm nghiệp, cải thiện hiệu quả công tác xóa đói giảm nghèo, hài hòa hoá việc chuyển vốn ODA cho ngành lâm nghiệp, và hỗ trợ gián đoạn chuyển đổi hướng tới tiếp cận ngành đối với hỗ trợ ODA trong lâm nghiệp.

Đoàn đánh giá lần thứ nhất đã nhận thấy TFF đã không thể chuyển đổi hướng tới tiếp cận ngành bởi vì mức độ tài trợ ODA trong lĩnh vực này thấp⁴, tài trợ ODA cho lâm nghiệp giảm dần, và ngành lâm nghiệp liên quan đến nhiều thành phần bao gồm cả khu vực tư nhân và công nghiệp. Mục tiêu tiếp cận ngành này đã được loại bỏ trong Biên bản ghi nhớ thứ hai phù hợp với các khuyến nghị từ đánh giá lần thứ nhất. Theo kết luận trong đánh giá lần thứ nhất và đánh giá lần thứ hai thì không có cơ chế tiếp cận ngành cũng như không có quá trình chuyển tiếp sang phương pháp tiếp cận toàn ngành hoặc hỗ trợ khác đối với ngành lâm nghiệp ở Việt Nam ngoài quỹ ủy thác TFF do nhiều nhà tài trợ góp vốn.

Mặc dù mục tiêu tiếp cận ngành (như là một cơ chế hỗ trợ ODA) đã được loại bỏ, TFF luôn dự định phát triển một chiến lược tập trung vào ngành. Những thành công đáng chú ý nhất có được là sự hỗ trợ cho sự phát triển của VFDS và một số quyết định, quy định và tài liệu pháp luật khác (xem Phụ lục 8) đã giúp sự phát triển của những lĩnh vực quan trọng trong ngành lâm nghiệp.

Các cách tiếp cận thụ động ban đầu để tài trợ thông qua "kêu gọi đề xuất" dẫn đến một loạt các dự án không liên kết với các qui mô khác nhau. Đây không phải là cách tốt nhất để phát triển một danh mục dự án liên kết giải quyết các ưu tiên chiến lược của ngành. Việc thẩm định, thủ tục lựa

⁴ Đầu tư TFF ước khoảng 1% đầu tư cho toàn ngành và khoảng 20% ODA cho ngành lâm nghiệp từ 2008 đến 2012 (dữ liệu FORMIS)

chọn cũng tốn rất nhiều thời gian. Vì những lý do này, mục tiêu tiếp cận ngành đã bị bỏ sau khi có khuyến nghị của đánh giá đầu tiên. Đoàn đánh giá lần thứ ba ủng hộ quyết định này.

Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam (2006-2020) chính là khung chiến lược hỗ trợ ngành. Như đã đề cập ở trên, VFDS có năm chương trình chính. Các dự án khác nhau được TFF tài trợ đáp ứng những khía cạnh khác nhau của các chương trình này theo những cách khác nhau. Bảng 1 đưa ra những con số của các dự án (theo phương thức hỗ trợ TFF) góp phần vào các chương trình khác nhau của VFDS. Có thể thấy rằng dự án tập trung chủ yếu vào Chương trình 1 (quản lý và phát triển rừng bền vững) và Chương trình 5 (đổi mới thể chế, chính sách, lập kế hoạch và giám sát). Một tỷ lệ nhỏ các dự án hỗ trợ Chương trình 2 (bảo vệ rừng, đa dạng sinh học và các dịch vụ môi trường) và Chương trình 4 (nghiên cứu, giáo dục, đào tạo và khuyến lâm). Chỉ có một dự án thuộc Chương trình 3 (chế biến gỗ và thương mại lâm sản).

Bảng 1: Đóng góp của các dự án TFF vào các chương trình VFDS

Đóng góp cho CT VFDS		CT 1	CT 2	CT 3	CT4	CT5	Số các dự án
Phương thức tài trợ của TFF							
1	Gói hỗ trợ ngành	0	0	0	0	4	4
2	Hoạt động phi dự án	4	1	0	0	1	6
3	Viện trợ nhỏ	1	0	0	1	4	5
4	Dự án nhỏ	5	0	1	1	6	6
5	Dự án lớn	6	1	0	3	6	6
6	Dự án đồng tài trợ	2	2	0	1	2	2
Số các dự án cho các chương trình khác nhau		18	4	1	6	23	29
% dự án cho các chương trình khác nhau		62%	14%	3%	21%	79%	

Ghi chú: Một dự án có thể đóng góp cho vài Chương trình VFDS do đó tổng số các % của từng Chương trình có thể hơn 100%

Tập trung mạnh mẽ vào quản lý rừng bền vững và phát triển lâm nghiệp phản ánh một cách rõ ràng những ưu tiên hiện nay của Chính phủ Việt Nam được thể hiện qua Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (xem Mục 1.1). Việc tập trung mạnh mẽ vào thể chế và chính sách phản ánh nhu cầu chiến lược để xây dựng những yếu tố nền tảng của VFDS và là ưu tiên của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Việc thiếu tập trung vào chế biến lâm sản và thương mại phản ánh sự tham gia mạnh mẽ của khu vực tư nhân trong lĩnh vực này và ưu tiên tương đối thấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Như trình bày trong phần Giới thiệu tổng quan ngành lâm nghiệp, hơn 24 triệu người được hỗ trợ sinh kế từ rừng của Việt Nam và nhiều người mong muốn có thu nhập từ lâm sản ngoài gỗ. Đây là một phần của mục tiêu vì người nghèo của TFF mà khu vực kinh tế tư nhân và các ngành công nghiệp không quan tâm giải quyết. Do đó có một nhu cầu rất lớn để phát triển sản phẩm quy mô nhỏ (lâm sản ngoài gỗ) từ nguyên liệu đến thị trường: đó là cả một "chuỗi giá trị". Điều này bao gồm sự phát triển các sản phẩm mới, cải thiện chế biến, đào tạo kỹ năng, phát triển thị trường và liên kết người dân với thị trường. Có được thu nhập từ rừng một cách bền vững là trung tâm của việc bảo tồn rừng thông qua các dạng khác nhau của lâm nghiệp cộng đồng và lâm trại.

Các khu vực ưu tiên hiện tại của TFF vẫn là những ưu tiên được quy định trong Biên bản ghi nhớ lần thứ hai. Đó là bốn "chủ đề ưu tiên" (i) quản lý rừng bền vững hướng tới xóa đói giảm nghèo, (ii) bảo vệ môi trường/biến đổi khí hậu, (iii) cải thiện quản lý ngành lâm nghiệp, và (iv) tăng cường quản lý danh mục dự án TFF tài trợ. TFFMU coi những chủ đề này là đủ rộng để bao gồm tất cả các mục tiêu của quỹ. Không thấy có tài liệu chi tiết hóa những ưu tiên của các chủ đề ưu tiên.

Hiện tại danh mục dự án của TFF là tương đối nhỏ, chỉ có bốn dự án. Hai dự án lớn đồng tài trợ (FLITCH và FSDP) có các hợp phần lớn nhằm vào quản lý rừng bền vững vì người nghèo ở cấp địa phương. Dự án cỡ vừa FORMIS thử nghiệm một hệ thống thông tin quản lý ngành lâm

ngành có bản chất chiến lược và có tiềm năng (nếu thành công) cho các hiệu ứng số nhân mạnh mẽ. Những hỗ trợ "phi dự án" cho FSSP-CO sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc thảo luận chiến lược của FSSP. Những dự án đó đều thuộc các lĩnh vực ưu tiên của TFF.

Tất cả các dự án TFF hỗ trợ đã góp phần bằng cách khác nhau vào những ưu tiên VFDS và mục tiêu TFF. Tuy nhiên, các tác động của TFF trong ngành bị giới hạn bởi mức độ đầu tư. TFF có tổng danh mục dự án 30,9 triệu euro (bao gồm cả vốn đã nhận và vốn cam kết) ước tính khoảng 1% tổng mức đầu tư cho lĩnh vực lâm nghiệp, và khoảng 20% hỗ trợ ODA cho ngành lâm nghiệp. Để có tác động nhiều hơn trong lĩnh vực này, TFF cần tập trung một cách chiến lược hơn để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển khu vực phối hợp với VFDS và có đảm nhận vai trò chiến lược hơn. Điều này có thể được xem như giải quyết những khoảng trống quan trọng. Mặc dù các dự án được tài trợ phù hợp với mục tiêu TFF, các lĩnh vực được hỗ trợ phụ thuộc chủ yếu vào cơ hội đầu tư (các dự án). Không phải là dễ dàng để chủ động tập trung vào các lĩnh vực cụ thể trong số những mục tiêu rộng của TFF. Các vấn đề được nêu ở trên sẽ được thảo luận thêm dưới đây.

2.3 Vai trò của Quỹ TFF như là cơ chế thu hút vốn đối với ngành lâm nghiệp

Vai trò của Quỹ TFF trong quan hệ với Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp và Tuyên bố chung Hà Nội

Các mục tiêu tổng thể của Quỹ TFF, Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam, Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp và Tuyên bố chung Hà Nội đều có nhiều điểm chung và liên quan rất chặt chẽ. Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp là một quan hệ đối tác hợp tác giữa các bên liên quan của Việt Nam và quốc tế. Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp tạo ra một diễn đàn hữu ích cho việc chia sẻ kinh nghiệm, đối thoại chính sách và hợp tác về các vấn đề quan trọng trong lĩnh vực lâm nghiệp. Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp không phải là một cơ chế phối hợp cho cách tiếp cận ngành.

Quỹ TFF ban đầu được thành lập thuộc Văn phòng điều phối FSSP (Ban thư ký) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nhưng đã được tách ra từ văn phòng này trong năm 2007. Các nhà tài trợ Quỹ TFF là thành viên của FSSP và TFFMU tham gia trong các cuộc họp FSSP, hội nghị... Điều này tạo ra một cơ chế hữu ích cho việc chia sẻ kinh nghiệm TFF và cho cung cấp những bài học kinh nghiệm của Quỹ TFF cho diễn đàn FSSP để thảo luận chính sách. Điều này cũng cung cấp một cơ chế cho Quỹ TFF để học hỏi từ một loạt các thành viên FSSP và các can thiệp khác nhau hỗ trợ cho ngành lâm nghiệp. Điều này có thể đóng góp cho sự phát triển của Quỹ TFF về chiến lược đầu tư và giúp xác định các sáng kiến quan trọng đối với ngành lâm nghiệp để hỗ trợ thông qua danh mục dự án của Quỹ TFF.

Kể từ khi tách khỏi Văn phòng điều phối FSSP năm 2007, TFFMU tiếp tục tham gia với FSSP. Đoàn đánh giá có cảm tưởng vai trò của Quỹ TFF có xu hướng như một "người tham gia" và mối quan hệ với FSSP đã suy yếu. Đoàn đánh giá nhận thấy rằng có thể làm hơn nữa để tham gia tích cực hơn với FSSP và khai thác tiềm năng cung cấp ý tưởng cho các cuộc thảo luận chính sách, học hỏi từ kinh nghiệm FSSP để cải thiện chiến lược đầu tư TFF, và chủ động xác định các sáng kiến lâm nghiệp quan trọng đối với danh mục dự án của Quỹ TFF. Những vấn đề này được thảo luận thêm dưới đây.

Một trong số các mục tiêu cụ thể của Quỹ TFF là "Hài hoà hoá việc chuyển vốn ODA cho ngành lâm nghiệp..." phù hợp với Tuyên bố Paris và Tuyên bố chung Hà Nội về hiệu quả tài trợ (GoV, 2005). Điều này bao gồm (1) "sở hữu", (2) "gắn kết", (3) "hài hòa và đơn giản hóa", (4) "quản lý vì kết quả", (5) "trách nhiệm chung"; và có các chỉ số và mục tiêu đến năm 2010. "Gắn kết" có nghĩa là các nước tài trợ cùng hướng đến mục tiêu của Chính phủ Việt Nam và sử dụng hệ thống địa phương. "Hài hòa" có nghĩa là các nước tài trợ phối hợp, đơn giản hóa thủ tục và chia sẻ thông tin để tránh trùng lặp. Lý tưởng nhất là đạt được 100% gắn kết và 100% hài hòa. Mục đích là để giảm chi phí giao dịch và cải thiện sử dụng các nguồn lực nhằm đạt hiệu quả viện trợ tối đa.

Báo cáo đánh giá chính lần thứ hai Quỹ TFF đã tiến hành phân tích chi tiết những thành tựu của Quỹ TFF theo các chỉ số của Tuyên bố chung Hà Nội (Indufor/VICA, 2009, tr.14) và tình hình đã không có nhiều thay đổi sau đó. Phân tích các chỉ số HCS cho thấy rằng Quỹ TFF và FSSP có

được thành công ở mức độ rộng, nhưng vẫn còn có một số hạn chế nhỏ. Việc gắn kết với các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và những mục tiêu và chiến lược khác của Chính phủ Việt Nam (thông qua VFDS) là tốt. Một số dự án sử dụng Ban quản lý dự án (một hệ thống song song), và hệ thống mua sắm đấu thầu của Chính phủ Việt Nam là thường được sử dụng, trừ các dự án đồng tài trợ. FSSP cung cấp một nền tảng rất hữu ích cho việc chia sẻ thông tin, phối hợp và thảo luận chính sách. Cơ chế tài trợ của Quỹ TFF tạo nên một sự phối hợp mạnh mẽ cho các nhà tài trợ, tuy nhiên Quỹ TFF đã không thể thu hút thêm thành viên tài trợ vào FSSP để hỗ trợ các dự án VFDS thông qua Quỹ TFF. Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án cũng như các tài liệu khác của Quỹ TFF (theo sát các quy định của và thủ tục của Chính phủ Việt Nam) được sử dụng cho tất cả các dự án, trừ các dự án đồng tài trợ.

Phụ lục 6 cung cấp đánh giá tổng kết về vai trò của Quỹ TFF trong mối quan hệ với VFDS, FSSP và HCS.

Sự cần thiết Quỹ TFF đối với ngành lâm nghiệp

Quỹ TFF được thành lập như là một Quỹ ủy thác để thu hút tài trợ và cung cấp vốn "ngoài ngân sách" cho các ưu tiên được thoả thuận trong khuôn khổ Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp và sau đó trong khuôn khổ VFDS.

Như đã được đề cập trong Báo cáo đánh giá chính lần thứ hai Quỹ TFF "*vốn ngoài ngân sách, chẳng hạn như quỹ ủy thác, dành cho các hoạt động khu vực công đòi hỏi phải có sự biện minh đặc biệt. Theo thông lệ quốc tế, đã có một số giải trình biện minh việc thành lập quỹ ủy thác đặc biệt. Một quỹ ủy thác có thể được coi là phù hợp thì càng phải đáp ứng được nhiều tiêu chí; tuy nhiên, nếu chỉ đáp ứng được một hoặc hai tiêu chí có thể được coi là đủ*".

Đoàn đánh giá chính lần thứ ba Quỹ TFF đồng ý với lập luận này và sử dụng cùng tiêu chí để đánh giá biện minh cho Quỹ TFF. Các tiêu chuẩn thông lệ quốc tế tốt nhất để biện minh cho tài trợ "ngoài ngân sách" (như được sử dụng trong Báo cáo đánh giá Quỹ TFF lần thứ hai) được trình bày trong Bảng 2 cùng các ý kiến của chúng tôi.

Bảng 2: Tiêu chuẩn theo thông lệ quốc tế biện minh cho tài trợ "ngoài ngân sách"

Tiêu chuẩn		Đáp ứng tiêu chuẩn
1	Rất quan trọng: Xác định rõ nhu cầu thành lập quỹ	Đáp ứng: Hoạt động của Quỹ TFF đáp ứng yêu cầu giải quyết các nhu cầu quan trọng trong VFDS mà không dễ dàng giải quyết thông qua ngân sách nhà nước.
2	Phân bổ ngân sách nhà nước thất thường/không an toàn; cần thiết có cơ chế đặc biệt để có nguồn tài chính thường xuyên và biết trước	Đáp ứng một phần: ngân sách Chính phủ Việt Nam đáng tin cậy nhưng lâm nghiệp đôi khi được ưu tiên thấp hơn các nhu cầu khác
3	Những hoạt động quan trọng mang tính thí điểm khó tiếp cận đến ngân sách nhà nước	Đáp ứng: Quỹ TFF đã và phải đóng một vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các sáng kiến thí điểm tại các khu vực quan trọng.
4	Khả năng tiếp cận quỹ từ nhiều nguồn khác nhau, và để huy động nguồn tài trợ	Hiện tại đáp ứng một mức độ nhất định: Quỹ TFF đã đảm bảo có tài trợ nhưng chỉ có hai nhà tài trợ và không lâu dài. Quỹ TFF cần có khả năng thu hút các nhà tài trợ.
5	Nhu cầu đặc biệt cho sự linh hoạt kết hợp với minh bạch	Đáp ứng: tính linh hoạt là cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề quan trọng, và những thủ tục phù hợp đã được phát triển và thực hiện.
6	Cần huy động vốn để tạo ra đổi mới và/hoặc thử nghiệm những ý tưởng mới bên ngoài hệ thống của nhà nước	Đáp ứng: cần thiết có quỹ ngoài hệ thống nhà nước để giữ lại tính linh hoạt để giải quyết kịp thời các vấn đề.

Ghi chú: Những tiêu chuẩn này trích từ Báo cáo đánh giá quỹ TFF lần thứ hai.

Bảng trên cho thấy đủ biện minh cho một cơ chế tài trợ "ngoài ngân sách" như Quỹ TFF nhằm hỗ trợ phát triển và thực hiện các Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam.

Những đặc điểm chính của Quỹ TFF vững mạnh cho ngành lâm nghiệp

Dựa vào những phân tích trên để hiểu Quỹ TFF vững mạnh là thế nào và quỹ cần hoạt động ra sao. Đặc điểm quan trọng cho một quỹ TFF mạnh là gì, quỹ này phù với cái gì và do đó quỹ nên làm gì? Một sự so sánh "tầm nhìn" của một Quỹ TFF vững mạnh mẽ và năng động với Quỹ TFF hiện hành sẽ cho các định hướng để cải thiện Quỹ TFF.

TFF chủ yếu là một cơ chế nhận tài trợ có thể thu hút tài trợ để giải quyết các vấn đề chính của ngành lâm nghiệp (VFDS). Để thực hiện thành công vai trò này, sau đây là những đặc điểm mà Quỹ TFF cần có.

Cần có sự linh hoạt nhất định để có thể hỗ trợ các sáng kiến trong một khoảng thời gian tương đối ngắn (trong chu kỳ lập kế hoạch hàng năm), và hỗ trợ những hoạt động không dễ dàng nhận được kinh phí từ ngân sách nhà nước. Quỹ TFF phải càng được hài hoà với các hệ thống của Chính phủ Việt Nam thì càng tốt, và hoàn toàn gắn kết với chính sách ngành của chính phủ và VFDS. Quỹ TFF cần hỗ trợ "chiến lược" cho VFDS với một danh mục dự án chặt chẽ có hiệu ứng số nhân (tác động mạnh mẽ với số tiền bỏ ra) hoặc có thể huy động tài trợ bổ sung (ví dụ cho các chương trình lớn hơn). Hiệu ứng số nhân có thể đến từ việc hỗ trợ chính sách quan trọng hoặc "công cụ" cần thiết khác để thực hiện VFDS, hoặc giải quyết các vấn đề thực tế thông qua các dự án thí điểm quan trọng để phát triển các phương pháp tiếp cận, phương pháp và hướng dẫn quan trọng. Tầm nhìn ở đây là về cơ bản là Quỹ TFF phải có khả năng giải quyết và làm giảm ách tắc chính (hạn chế) để thúc đẩy việc triển khai VFDS. Một chương trình gắn kết có nghĩa là TFFMU nên tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các mối liên kết và hiệp lực giữa các dự án để xây dựng cách tiếp cận ngành hơn nữa.

Quỹ TFF cũng nên hỗ trợ những hoạt động mà cơ chế, cơ cấu quản lý, kinh nghiệm và năng lực của quỹ thật sự phù hợp. Những hoạt động đó bao gồm:

- Các quyết định, nghị định, chiến lược, hướng dẫn sử dụng, tài liệu đào tạo... quan trọng đối với ngành lâm nghiệp.
- Các thử nghiệm/ thí điểm để phát triển các tiếp cận và phương pháp trong các lĩnh vực chiến lược của ngành.
- Xây dựng năng lực cho việc lập kế hoạch dự án để cải thiện chất lượng của các dự án khác trong VFDS.
- Các dự án nhỏ/trung bình cần được hỗ trợ nếu phù hợp với cách tiếp cận rộng và gắn kết hơn (không rời rạc), bao gồm các dự án liên quan đến biến đổi khí hậu: sử dụng FSSP.
- Các dự án lớn có thể được hỗ trợ để tăng cường lợi ích cộng đồng và lan tỏa tác động, nếu có đủ kinh phí từ Quỹ TFF. Kinh nghiệm cho thấy rằng những dự án này cần phải được thẩm định rất cẩn thận và phải tuân thủ lịch trình khởi động mang tính thực tế. Có những câu hỏi về sự phù hợp của Quỹ TFF khi hỗ trợ các dự án lớn đồng tài trợ và những vấn đề này sẽ được thảo luận trong phần sau.

Một vấn đề quan trọng cho các hoạt động nêu ở trên là có một cơ chế nào đó để chủ động nhận diện "những ách tắc chính" hoặc hạn chế trong VFDS, phát triển và cập nhật kế hoạch chiến lược cho Quỹ TFF. Có nhu cầu đòi hỏi quản lý hiệu quả danh mục dự án một cách chủ động. FSSP cung cấp một diễn đàn rất hữu ích để chia sẻ kinh nghiệm, phối hợp và tham gia vào nhiệm vụ phát triển chính sách và chiến lược. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng cần phát triển quy hoạch chi tiết chiến lược của mình trong chiến lược tổng thể phát triển lâm nghiệp để hướng dẫn quá trình lập kế hoạch. BoD là cơ quan ra quyết định của Quỹ TFF được TFFMU hỗ trợ như ban thư ký. TFFMU cần đề xuất kế hoạch chiến lược của TFF để BoD thảo luận, phát triển và phê duyệt. Một số thành viên BoD giữ những chức vụ quan trọng trong Bộ NN&PTNT và có thể liên kết với quá trình lập kế hoạch của Bộ NN&PTNT. TFFMU cần hỗ trợ quá trình này và tham gia vào các cuộc thảo luận của FSSP và Bộ NN&PTNT.

2.4 Khả năng hỗ trợ trong tương lai đối với Quỹ TFF

Như chúng ta đã biết các nguồn tài trợ ODA đang giảm trong những năm gần đây khi Việt Nam hướng tới vị trí "nước thu nhập trung bình". Tình hình khủng hoảng kinh tế trên thế giới hiện nay đang đặt áp lực lên ngân sách quốc gia tài trợ, trong đó có ODA. Tuy nhiên, nguồn tài trợ từ các quốc gia cho sáng kiến "Biến đổi khí hậu" lại đang tăng lên, và có thể là một nguồn tài trợ tiềm năng cho Quỹ TFF bởi vì có mối liên kết chặt chẽ giữa lâm nghiệp và giảm nhẹ thích ứng với biến đổi khí hậu. Cả Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng như các nhà tài trợ TFF hiện tại đều chưa thành công trong việc thu hút thêm các nhà tài trợ mới để hỗ trợ Quỹ TFF từ nguồn vốn ODA hoặc biến đổi khí hậu.

Căn cứ vào các cuộc phỏng vấn của đoàn đánh giá cũng như xem xét các chiến lược hỗ trợ quốc gia của các nước tài trợ, nguồn tài trợ ODA nói chung sẽ tiếp tục giảm và sẽ giảm hơn nữa bởi suy thoái kinh tế thế giới hiện nay. Có thể một lượng lớn tài trợ sẽ được chuyển qua cơ chế tài trợ đặc biệt như UNREDD hoặc VNREDD. Đã có kế hoạch thành lập một quỹ phụ VNREDD cho Quỹ VNFF. Hiện tại chưa thấy Quỹ TFF có thể thu hút được một phần từ nguồn vốn lớn cho thay đổi khí hậu.

Biên bản ghi nhớ với hai nước tài trợ hiện tại cho Quỹ TFF sẽ kết thúc vào cuối năm 2012. Trong khi cam kết hỗ trợ Việt Nam và ngành lâm nghiệp dường như vẫn tiếp tục, hai nước tài trợ cho Quỹ TFF đang xem xét nghiêm túc liệu có nên tiếp tục hay không tài trợ ngành lâm nghiệp thông qua Quỹ TFF. Có thể thấy rằng các quyết định sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó có chính sách của chính phủ nước tài trợ (chính phủ mới có thể thay đổi chính sách), nhu cầu tiết kiệm ngân sách quốc gia (liên quan đến suy thoái kinh tế thế giới), và sự hài lòng với hiệu quả và kết quả Quỹ TFF như một cơ chế tài trợ. Điều này liên quan đến các vấn đề như giá trị đồng tiền, việc tập trung vào xóa đói giảm nghèo, kết quả đạt được, tính bền vững...

Căn cứ vào quy chế hoạt động, Quỹ VNFF sẽ tiếp nhận các nguồn tài trợ từ các tổ chức quốc tế, NGOs, các đóng góp bắt buộc như chi trả dịch vụ hệ sinh thái (PES) hay dịch vụ môi trường rừng (PFES). Một cửa sổ riêng ("cửa sổ vốn") với mục đích cụ thể của Quỹ TFF bên trong Quỹ VNFF có thể là một cơ chế thu hút được vốn tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các NGO quốc tế và trong nước. Khả năng tài trợ từ các tổ chức quốc tế và trong nước chưa rõ ràng và chưa thực tế trong thời điểm hiện tại.

Một điều rất rõ ràng qua các cuộc trao đổi là nếu không có nguồn tài trợ thì Quỹ TFF trong bối cảnh hoạt động hiện tại không thể hoạt động và sẽ không thể tồn tại. Những vấn đề nêu trên sẽ được đề cập đến trong những chương sau.

Với mục đích thu hút thêm tài trợ, đoàn đánh giá lần thứ hai đã khuyến nghị Bộ NN&PTNT cùng với Quỹ TFF chuẩn bị một kế hoạch tiếp thị chiến lược thu hút tài trợ. Theo quan điểm của đoàn đánh giá lần hai, kế hoạch đó cần có cách tiếp cận mang tính sách lược: (i) tổng hợp những thành công, thành tựu của TFF; (ii) định hướng những vấn đề ưu tiên của TFF vào khu vực mà tài trợ ODA tăng cho ngành lâm nghiệp vào thời điểm hiện nay, đặc biệt vấn đề biến đổi khí hậu và rừng cũng như giảm phát thải do chặt phá rừng và suy thoái rừng (REDD); (iii) tổ chức rộng rãi các hội thảo trao đổi kinh nghiệm Quỹ TFF, tuyên truyền lưu động; đây là diễn đàn mà cả Bộ NN&PTNT và các nhà tài trợ TFF hiện nay có thể gửi một thông điệp rõ ràng rằng: hoan nghênh các đối tác mới đóng góp để đạt được những mục tiêu của Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam bao gồm quản lý rừng bền vững thông qua các biện pháp can thiệp REDD. Đoàn đánh giá lần thứ ba cho rằng ngay cả khi TFF có một vài hành động như tổ chức hội thảo thì cũng không thật hiệu quả và cho đến nay chưa thu hút được thêm nhà đầu tư nào để hỗ trợ TFF. Có vẻ như hợp tác với FSSP chưa hoàn toàn hiệu quả và mối liên kết đó cần được tăng cường nếu muốn thấy được một vài kết quả qua hoạt động tiếp thị này.

Báo cáo đánh giá rủi ro đã đề cập đến trang web mới cho TFF được xây dựng. Báo cáo cho rằng khi trang web của Quỹ TFF được hoàn thành thì những thông tin trọng điểm bao gồm các thủ tục lựa chọn dự án và các báo cáo Quỹ TFF sẽ được cung cấp và cập nhật cho mục đích minh bạch. Quỹ TFF không có trang web riêng mà sử dụng chung trang web FSSP. Chúng tôi nhận thấy rằng trang TFF trong trang web FSSP không có nhiều thông tin và không được cập nhật trong

một thời gian, trừ một số báo cáo hàng năm và các báo cáo khác. Trang web sẽ không hấp dẫn các nhà tài trợ khác nếu thông tin không được cập nhật đầy đủ (Trang “About TFF” bằng tiếng Anh có các thông tin cũ từ 2007, trang tiếng Việt tương ứng “Giới thiệu quỹ” thậm chí không có thông tin gì).

Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
TFFMU nên rà soát và tăng cường kế hoạch tiếp thị của mình và tham gia tích cực hơn nữa trong việc tự quảng bá và tiếp thị để thu hút các nhà tài trợ. Ngoài hợp tác với Bộ NN&PTNT, cần tạo mối liên kết tích cực hơn với FSSP. Cần thường xuyên cập nhật trang web FSSP/TFF. Các trang web sẽ có ích cho việc tiếp thị của Quỹ TFF nếu được cập nhật thường xuyên, và cũng được tiếp thị hơn với thông tin về những câu chuyện thành công cũng như là tài liệu tham khảo về các dự án hoàn thành tốt, nhấn mạnh cách làm việc của Quỹ TFF (thủ tục đăng tin cây, tuân thủ thông lệ quốc tế cũng như các quy định của Chính phủ Việt Nam). Nếu TFFMU không có kinh phí cho công tác này, thì cũng cần có sự quan tâm của FSSP và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để đóng góp vào việc cập nhật và tạo ra một trang web TFF hấp dẫn.	TFFMU	Ngay và liên tục

2.5 Những hạn chế chính, cơ hội và các phương án cho Quỹ TFF trong ngành lâm nghiệp

Những hạn chế và thách thức quan trọng mà Quỹ TFF đối diện để thành công trong vai trò của mình trong ngành lâm nghiệp được tóm tắt trong hình 2 dưới đây. Đó là các miêu tả song song những điểm mạnh chính (Quỹ TFF/cấp ngành), điểm yếu, cơ hội và mối đe dọa (sơ đồ SWOT). Trong chương sau sẽ đề cập chi tiết hơn về những điểm mạnh và yếu ở mức độ hoạt động của quỹ.

Hình 2: Những điểm mạnh, yếu, cơ hội và đe dọa chính của Quỹ TFF

Những điểm mạnh: - TFF được nhiều đối tác trong ngành biết đến, có mạng lưới phù hợp và có uy tín tốt. - Bộ Nông Nghiệp được toàn quyền sở hữu. - TFF tạo ra một cơ chế vốn để các nhà tài trợ khác nhau có thể đóng góp ODA và giảm chi phí giao dịch. - Quỹ TFF hoạt động đầy đủ với BoD, TFFMU, cầm nang vận hành và quản lý quỹ, các hướng dẫn về kế toán, theo dõi, báo cáo... - Hơn 6 năm kinh nghiệm hoạt động. - Quỹ TFF nổi tiếng trong lĩnh vực này, có một mạng lưới mạnh mẽ và được cộng đồng biết đến. - Quyền sở hữu rõ ràng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Những điểm yếu/hạn chế/thách thức: - Phát triển kế hoạch chiến lược Quỹ TFF và xây dựng một danh mục dự án gắn kết. Đây là nhiệm vụ khó và TFFMU cần chủ động và có hệ thống hơn. - Chậm đạt được thỏa thuận chấp nhận các dự án mới (Mục 0). - Khó khăn để theo dõi thật tốt và chủ động hỗ trợ/ quản lý dự án, và quản lý một danh mục dự án đa dạng (Mục 3.1.3). - Báo cáo chưa đầy đủ cho các nhà tài trợ hiện hành (Mục 3.1.3). - Khó khăn để xây dựng mối liên kết và sức mạnh tổng hợp giữa các dự án
Những cơ hội: - Có nhu cầu đối với một loại của quỹ linh hoạt như Quỹ TFF trong ngành lâm nghiệp để “bôi trơn” những hạn chế hoặc ách tắc chính trong sự phát triển ngành lâm nghiệp và làm cho công việc chuyển động một cách chặt chẽ hơn và mang tính tập trung ngành. - Bộ NN&PTNT đã thành lập Quỹ (VNFF) với các mục tiêu tương tự như của Quỹ TFF. Dự kiến TFF sẽ bằng cách nào đó được “tích hợp” trong Quỹ VNFF với mục đích bền vững lâu dài. Những kinh nghiệm, phương pháp, công cụ	Những thách thức: - Số lượng các nhà tài trợ và vốn tài trợ giảm. Sự thay đổi chính sách của nhà tài trợ (chẳng hạn chuyển hướng sang “biến đổi khí hậu”). Các nhà tài trợ chưa hoàn toàn thỏa mãn với hoạt động của TFF. Đây là đe dọa nghiêm trọng vì nếu không có nguồn tài trợ thì TFF không thể tồn tại. - Bộ NN&PTNT sử dụng quỹ TFF để “lấp chỗ trống” mà lẽ ra phải dùng các nguồn

của Quỹ TFF có thể được sử dụng để giúp VNFF phát triển. Có một nhu cầu mạnh để phát triển chuỗi sản phẩm lâm sản ngoài gỗ quy mô nhỏ và liên kết các hộ nhỏ với thị trường để cải thiện thu nhập hộ gia đình. Quỹ TFF (cùng với FSSP) rất phù hợp để hỗ trợ những sáng kiến như vậy	lực của Bộ, và Quỹ TFF mất đi sự tập trung mang tính chiến lược (kêu gọi các nhà tài trợ tiềm năng). Những dự án kém làm xói mòn uy tín và sự tin nhiệm của TFF, đặc biệt là các dự án đồng tài trợ nơi việc kiểm soát bị hạn chế.
---	---

Quỹ TFF có một vai trò quan trọng đối với việc hỗ trợ phát triển ngành lâm nghiệp thông qua việc giải quyết những hạn chế quan trọng của toàn ngành một cách linh hoạt và gắn kết. Quỹ TFF được thành lập và hoạt động đầy đủ và đã tích lũy được một số năm kinh nghiệm và kiến thức.

Tuy nhiên, Quỹ TFF như là một cơ chế nhận tài trợ ODA đang phải đối mặt với mối đe dọa lớn. Nguồn tài trợ đang giảm và ngày càng không chắc chắn. Các nước tài trợ hiện nay có thể sẽ không tiếp tục tài trợ cho Quỹ TFF sau khi Biên bản ghi nhớ hiện tại hết hạn vào cuối năm 2012.

Một trong những mục tiêu cụ thể của TFF, theo Biên bản ghi nhớ hiện hành, là "thí điểm để phát triển kinh nghiệm và bài học có ích cho việc thành lập Quỹ VNFF thuộc sở hữu của Chính phủ Việt Nam". Chính phủ đã thành lập Quỹ VNFF và đang triển khai các kế hoạch để làm cho VNFF hoạt động. Quỹ TFF sẽ được tích hợp bằng cách nào đó bên trong Quỹ VNFF. Việc "hòa nhập" sẽ thông qua việc lồng ghép các mục tiêu, mục đích, chức năng, phương pháp, công cụ, thủ tục... để Quỹ TFF hòa vào Quỹ VNFF. Hoặc thông qua việc thành lập một "cửa sổ tài chính" riêng của Quỹ TFF như một quỹ riêng của VNFF, như vậy vẫn giữ lại các tính năng và chức năng chính của Quỹ TFF. Cách tiếp cận này sẽ là cần thiết để thu hút nguồn vốn cụ thể (chẳng hạn vốn ODA). Trong một nghĩa nào đó, Quỹ TFF như đang hoạt động, đã hoàn thành công việc của mình, và đã đến lúc phải tiến tiếp. Vấn đề này sẽ được thảo luận chi tiết trong chương 4.

Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
Để có một TFF hoạt động thực tế trong tương lai, TFF phải là một phần của VNFF. Để VNFF hoạt động đầy đủ, điều kiện tối thiểu là phải có bảo đảm từ ngân sách nhà nước ban đầu cho chi phí hoạt động của Quỹ VNFF.	BTC, KHĐT, Bộ NN&PTNT	Cuối năm 2011

Việt Nam có Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp (VFDS 2006-20) đang được thực hiện thông qua một loạt dự án khác nhau và với đầu tư đáng kể từ khu vực tư nhân. Ngành lâm nghiệp là lĩnh vực rộng và phức tạp, và luôn có nhu cầu học hỏi, điều phối, gắn kết, và phát triển chiến lược ngành.

Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
TFF đã được đặt vào vị trí phù hợp để hỗ trợ sự phát triển chiến lược và chính sách ngành lâm nghiệp thông qua việc chia sẻ bài học và kinh nghiệm của các dự án được TFF tài trợ, và có khả năng hỗ trợ giải quyết các vấn đề quan trọng trong sự phát triển ngành lâm nghiệp một cách kịp thời. FSSP đã cung cấp một diễn đàn trao đổi về chiến lược và chính sách ngành, tuy nhiên mối liên kết với FSSP đã suy yếu sau khi TFF tách khỏi FSSP. Vì vậy TFFMU (cũng như sự phát triển tiếp theo của TFFMU) cần tham gia tích cực hơn nữa với FSSP, Bộ NN&PTNT và các tổ chức khác để tận dụng những tiềm năng của mình đóng góp vào cũng như học tập từ những cuộc tranh luận chính sách.	BoD TFFMU	Liên tục
Mặc dù việc phát triển chính sách chung của ngành lâm nghiệp đã được hỗ trợ bởi Bộ NN&PTNT, FSSP, TFF và các tổ chức khác, TFF cần phát triển kế hoạch chiến lược riêng của mình. TFFMU cần chủ động xác định và xây dựng danh mục dự án phù hợp với các mục đích và mục tiêu của quỹ, và hỗ trợ sự triển khai VFDS cũng như các dự án khác nhau của VFDS. Điều này đòi hỏi TFFMU và BoD chủ động hơn và liên kết hiệu quả hơn với quá trình lập kế hoạch chiến lược của FSSP và Bộ NN&PTNT. Những chức năng này cần trong suốt quá trình triển khai VFDS và cần tiếp tục khi TFF sát nhập vào VNFF.	BoD TFFMU	Cuộc họp BoD lần tới

Mặc dù TFF cần phát triển kế hoạch chiến lược của riêng mình (đối với danh mục đầu tư), đoàn đánh giá nhận thấy có nhu cầu quan trọng để nâng cao tư duy chiến lược cho toàn ngành. VFDS cung cấp khuôn khổ, nhưng các chi tiết trong phạm vi khuôn khổ này cần được phát triển để đảm bảo rằng các mục tiêu cao hơn (ví dụ như kết quả và tác động) sẽ đạt được một cách thống nhất. Việc hiểu biết còn chưa rộng rãi về tầm quan trọng phải có cái nhìn vượt lên trên các hoạt động và đầu ra để hướng đến những kết quả quan trọng nhất. Các dự án nói chung không hướng tới tầm nhìn này mà tập trung vào các hoạt động. Việc học hỏi và chia sẻ kiến thức trên toàn ngành là chưa đầy đủ.

FSSP cung cấp một diễn đàn rất hữu ích cho nhiều bên liên quan để thảo luận ở cấp chính sách và chiến lược liên quan đến VFDS. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đóng vai trò chủ đạo chính có trách nhiệm cho việc phát triển chính sách, chiến lược và kế hoạch cho toàn bộ ngành lâm nghiệp. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có quy trình riêng cho các nhiệm vụ đó và có sự liên kết với FSSP cũng như các bên liên quan khác. Tuy nhiên có thể thấy rằng vẫn có một nhu cầu hơn nữa để lấp chỗ trống và cung cấp hướng dẫn chiến lược dài hạn.

Một khả năng để bổ sung cho các cấu trúc và quá trình hiện có là có "think tank" đi sâu hơn vào các vấn đề đặt ra và đồng thời xây dựng một sự hiểu biết tổng thể về xu hướng phát triển và các nhu cầu của ngành. Một "Think tank" như vậy cần quy mô nhỏ, với các chuyên gia giỏi, bán thời gian và linh hoạt trong hoạt động, và trả lời trước Bộ NN&PTNT. Hệ thống thông tin lâm nghiệp FORMIS khi hoạt động, sẽ là nguồn tài nguyên rất hữu ích cho "Think tank" đó. "Think tank" có thể cung cấp sự hiểu biết và trí tuệ lãnh đạo để hướng dẫn tư duy như vậy trên toàn ngành, và do đó giúp cải thiện và thực hiện VFDS. TFF sẽ được hưởng lợi lớn từ một đầu tư với một kế hoạch chiến lược như vậy.

Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
Mặc dù FSSP cung cấp một diễn đàn trao đổi chính sách ngành lâm nghiệp, và quá trình giám sát, đánh giá, lập kế hoạch của Bộ NN&PTNT có thể có sự tập trung chiến lược, bản chất phong phú và phức tạp của ngành lâm nghiệp đòi hỏi có sự quan tâm sâu sắc và mạnh mẽ hơn nữa. Vì vậy Bộ NN&PTNT nên xem xét nghiêm túc việc thành lập một "Think tank" quy mô nhỏ gồm các chuyên gia, có khả năng và linh hoạt và nằm trong Bộ NN&PTNT (nhưng có thể bao gồm các chuyên gia từ bên ngoài). Mục đích của "Think tank" này là để phân tích và hiểu theo chiều sâu VFDS đang thực hiện thế nào và làm thế nào để VFDS hướng tới đạt được các mục tiêu (kết quả) và tác động cao hơn mang tính bền vững. "Think tank" này sẽ bổ sung, liên kết và hỗ trợ các chính sách, chiến lược và quá trình lập kế hoạch của Bộ NN&PTNT cũng như FSSP. Dù Bộ NN&PTNT có hạn chế về nguồn lực con người và tài chính thì tầm quan trọng của ngành lâm nghiệp có thể biện minh cho việc đầu tư này.	Bộ NN&PTNT	Cuối năm 2011

3 HOẠT ĐỘNG VÀ DANH MỤC DỰ ÁN CỦA TFF

Chương này đánh giá toàn bộ hoạt động của TFF bao gồm các "công cụ" TFF (TFFMU, bản thân quỹ, việc quản lý và cơ cấu quyết định của BoD), và danh mục các dự án TFF. Các công cụ và danh mục dự án TFF được xem xét đầu tiên một cách riêng biệt bằng cách xem xét thành tích tổng thể, những hạn chế và xem xét các vấn đề cụ thể. Sau đó đánh giá tổng thể TFF về tiêu chuẩn đánh giá chính: sự phù hợp, hiệu quả, hiệu suất, tác động và tính bền vững⁵. Mỗi đánh giá xem xét công cụ và danh mục dự án TFF, và sau đó đến tổng thể TFF.

3.1 Những thành tựu và hạn chế chính của "công cụ" TFF

3.1.1 Tiến bộ với "công cụ" TFF từ tháng 6/2009

Đánh giá chung

Đánh giá TFF lần thứ hai được thực hiện trong tháng 6 năm 2009 và đưa ra một số khuyến nghị sẽ được xem xét chi tiết trong phần sau. Kể từ tháng 6 năm 2009 đã tập trung thực hiện những cải tiến cần thiết cho các hệ thống và thủ tục của TFF để làm cho TFF hoạt động đầy đủ. Những thành tựu chính "ngoài danh mục" về khía cạnh này của TFF được liệt kê dưới đây.

- Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp ban hành theo Quyết định số 2646/QĐ-BNN-LN ngày 21/9/2009.
- Cẩm nang vận hành và quản lý Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp ban hành theo Quyết định số 1602/QĐ-BNN-LÂM NGHIỆP ngày 15/6/2010.
- Trang web mới của TFF (một phần trong trang web của FSSP) được xây dựng và hoạt động. Các báo cáo tiến độ TFF được cập nhật.
- Mẫu biểu kế hoạch mới đã được ban hành phù hợp với nhiệm vụ mới TFFMU theo Biên bản ghi nhớ.
- Mẫu báo cáo mới gọn hơn đã được ban hành. Mẫu này đã được các nhà tài trợ TFF phê duyệt tháng 5 năm 2010. Các mẫu báo cáo dự án cũng đã được điều chỉnh cho phù hợp.
- Công tác giám sát và đánh giá dự án (M&E) đã được cải thiện và mẫu báo cáo được phát triển và tích hợp vào Cẩm nang vận hành và quản lý quỹ TFF. Kế hoạch dự án và báo cáo được lưu trữ trong các "cơ sở dữ liệu TFF".
- "Công cụ quản lý báo cáo theo kết quả và mẫu báo cáo TFF" (TFFMU, 2010) đã được ban hành nội bộ và được sử dụng để đánh giá trong các báo cáo tiến độ.
- Thực hiện đánh giá kết thúc dự án đối với các sự án đã hoàn thành.
- Dự án GA 016 bị đình chỉ và đóng và tháng 7/2009.
- Dự án FORMIS mới được duyệt 5/10/2009 và khởi động.
- Đề xuất hỗ trợ Văn phòng điều phối FSSP được duyệt và bắt đầu.
- Lộ trình để TFF sát nhập và VNFF được chuẩn bị, trao đổi và hoàn thiện.
- Đối thoại không chính thức giữa nhà tài trợ và TFFMU, giữa các nhà tài trợ và Bộ NN&PTNT đã được cải thiện dẫn đến tăng cường hiểu biết lẫn nhau và cải thiện mối quan hệ làm việc.
- TFFMU bắt đầu hội thảo về Quỹ phát triển xã (CDF) để chia sẻ bài học và kinh nghiệm giữa các dự án TFF có hỗ trợ CDF.
- TFF tham gia các hội thảo chuyên đề, diễn đàn và hội nghị cũng như các cuộc họp FSSP.

TFFMU hiện nay đã hoạt động đầy đủ trong các mặt lập kế hoạch, ngân sách, giám sát đánh giá (M&E), báo cáo, quản lý danh mục dự án, quản lý tài chính... Hầu hết các thủ tục hệ thống và công cụ đã qua ít nhất một vòng cải thiện và những đã đạt một mức độ trưởng thành.

⁵ Dựa vào định nghĩa chuẩn của "Các điều khoản trong đánh giá và quản lý dựa trên kết quả", OECD (DAC, 2002)

Tuy nhiên vẫn còn tồn tại các vấn đề như tuyển dụng Cố vấn Tài chính (Cố vấn Tài chính mới được tuyển đã xin thôi việc sau một thời gian ngắn)

Mặc dù các hệ thống và thủ tục đã được cải thiện, một số vấn đề còn tồn tại nhìn từ quan điểm của các nhà tài trợ. Các lĩnh vực quan tâm chính là giám sát đánh giá (M&E), báo cáo, quản lý và phát triển danh mục đầu tư, thẩm định dự án và ra quyết định. Những vấn đề đó sẽ được xem xét trong các phần dưới đây.

Một hạn chế quan trọng nữa là chưa thu hút được thêm nhà tài trợ cho TFF.

Tiến bộ theo các khuyến nghị của Đoàn đánh giá lần thứ nhất:

Đoàn đánh giá lần thứ hai (Indufor/VICA, 2009) đã phân tích những khuyến nghị của đoàn đánh giá lần thứ nhất (MARD, 2006) và thấy rằng phần lớn những khuyến nghị đã được thực hiện, mặc dù có điều chỉnh nhiều do hoàn cảnh thay đổi và điều đó hoàn toàn chấp nhận được.

Một trong các khuyến nghị chính của đoàn đánh giá lần thứ nhất là TFF cần đồng tài trợ cho các dự án đầu tư lớn (của WB, ADB và GEF). Đoàn đánh giá thứ hai đã viết rằng: *“Quyết định đồng tài trợ những dự án như vậy thông qua TFF thực tế đã gây ra nhiều ý kiến trái ngược, những chậm trễ lâu dài (không may đây là thực trạng rất bình thường và ai cũng biết đối với dự án như vậy) trong công tác triển khai dự án hoạt động thực sự. Kết quả là ảnh hưởng đáng kể hiệu quả sử dụng vốn và ảnh hưởng đến công tác giải ngân của toàn Quỹ bởi vì hoạt động tài trợ cho những dự án lớn như vậy đã chi phối toàn bộ vốn phân bổ của TFF. Do đó, TFF và TFFMU đã phải gánh chịu những hậu quả do những quyết định mang tính chất chính trị của các nhà tài trợ mà đánh giá trước đây ủng hộ và được Bộ NN&PTNT phê duyệt.”* Tuy nhiên, đánh giá TFF lần thứ hai đồng ý rằng đồng tài trợ các dự án lớn có khả năng cung cấp giá trị gia tăng đối với sự phát triển ngành lâm nghiệp của Việt Nam, và cụ thể hơn là những yếu tố quan trọng của việc thực hiện VFDS. Đoàn đánh giá lần thứ ba đồng ý với những ý kiến này của đoàn đánh giá lần thứ hai.

Đoàn đánh giá TFF lần thứ ba đã xem xét cẩn thận bằng phân tích những gì đã được thực hiện theo các khuyến nghị từ đoàn đánh giá lần thứ nhất được nêu trong báo cáo đánh giá lần thứ hai và chúng tôi không có bình luận thêm.

Tiến bộ theo các khuyến nghị của Báo cáo đánh giá rủi ro (FRA):

Báo cáo đánh giá rủi ro (10/2007) đã kết luận mức rủi ro tổng thể của TFF là vừa phải do một số yếu kém trong quản lý tài chính và các hệ thống mua sắm đấu thầu cũng như kiểm soát độc lập việc mua sắm hàng hoá và dịch vụ ở cấp độ dự án. Tuy nhiên Báo cáo đánh giá rủi ro cũng chỉ ra rằng những yếu tố mới và mức độ cam kết cao của Chính phủ Việt Nam nói chung và cam kết của Bộ NN&PTNT nói riêng trên mặt trận chống tham nhũng và cải cách hành chính công là cơ sở để lạc quan rằng có thể trông đợi những tiến bộ đáng kể trong một số mặt của rủi ro. Truy nhiên trong phần lớn những rủi ro chính theo Báo cáo đánh giá rủi ro, theo quan điểm của Đoàn đánh giá lần thứ ba, vẫn còn rủi ro và cần có hành động để giảm thiểu rủi ro (xem Phụ lục 9).

Bảng 9 rà soát những thực hiện khuyến nghị của Báo cáo đánh giá rủi ro theo Đoàn đánh giá thứ hai và Đoàn đánh giá lần thứ ba.

Tiến bộ theo các khuyến nghị của Đoàn đánh giá lần thứ hai:

Đoàn đánh giá TFF lần thứ ba đã rà soát các phát hiện và khuyến nghị chính đoàn đánh giá lần thứ hai. Hầu hết các khuyến nghị đã được thực hiện đầy đủ hoặc một phần. Khuyến nghị quan trọng nhất chưa thực hiện (hoặc chỉ thực hiện một phần) liên quan đến tương lai của TFF và quyết định về việc tiếp tục TFF. Hội đồng quản lý quỹ đã quyết định sát nhập TFF vào VNFF, nhưng không phải với hai lựa chọn được đoàn đánh giá thứ hai đề xuất. Các dự án đồng tài trợ quy mô lớn vẫn đang thực hiện và chưa có quyết định không tiếp tục cấp vốn cho những dự án như vậy. Ngoài ra, các khuyến nghị về cải thiện báo cáo cho nhà tài trợ, cải thiện quá trình giám sát và đánh giá, nâng cao chất lượng của kế hoạch hàng năm của dự án đã không được thực hiện đầy đủ. Cần tiếp tục cải thiện hơn nữa.

Phát triển và triển khai các công cụ TFF

Sổ tay quản lý TFF (PIM) được ban hành tháng 9/2007.

Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp được sửa đổi và ban hành theo Quyết định số 2646/QĐ-BNN-LN ngày 21/9/2009.

Cầm nang vận hành và quản lý TFF (OM) và các hướng dẫn được ban hành theo Quyết định số 1602/QĐ-BNN-LN ngày 15/6/2010. Cầm nang vận hành và quản lý quỹ thay đổi mô tả nhiều chức năng được nêu trong Sổ tay quản lý TFF (PIM).

Cần ghi nhận là các Sổ tay quản lý quỹ TFF và Cầm nang vận hành và quản lý quỹ VNFF được biên soạn theo các nguyên tắc hài hòa giữa Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ.

Cả hai tài liệu dự án đều đáp ứng những yêu cầu nêu trong Biên bản ghi nhớ ký ngày 18/3/2009 giữa Chính phủ Việt Nam và các chính phủ Phần Lan, Hà Lan, Thụy Điển và Thụy Sĩ. Hơn nữa các Thỏa thuận Hành chính song phương đã được ký kết với các nhà tài trợ.

Sổ tay quản lý quỹ TFF và Cầm nang vận hành và quản lý quỹ VNFF là các tài liệu đầy đủ, toàn diện, cấu trúc chặt chẽ, với các biểu mẫu chi tiết hướng dẫn thực hiện dự án. Những tài liệu này hoàn toàn phù hợp với các quy định của Chính phủ Việt Nam về quản lý tài chính kế toán, mua sắm đầu thầu và báo cáo.

Định mức chi tiêu TFF tuân theo các nguyên tắc của Hướng dẫn chi phí địa phương trong hợp tác phát triển với Việt Nam của Liên minh Châu Âu. Hướng dẫn của LHQ-EU về Chi phí Địa phương trong Hợp tác Phát triển với Việt Nam được ban hành từ 15/10/2007. Các phụ lục của Hướng dẫn được sửa đổi bổ sung tháng 8/2008. Trong tương lai định mức chi tiêu TFF cần được điều chỉnh cho phù hợp với định mức EU và điều kiện thực tế. Kế hoạch năm 2009 của TFF coi đây là một nhiệm vụ ưu tiên. Định mức EU mới được TFF áp dụng từ tháng 1/2010.

3.1.2 Tổ chức, ra quyết định và cơ cấu quản lý

Vai trò và nhân sự của TFFMU

Tình hình nhân sự hiện tại của TFF như thể hiện trong Bảng 3. Trong khi Giám đốc là người đứng đầu, Phó Giám đốc chịu trách nhiệm hoạt động hàng ngày của TFFMU. Vì vậy Phó Giám đốc có vai trò rất quan trọng là người lãnh đạo và cầm lái "tầm nhìn" của TFF trong công việc hàng ngày. Vị trí này cần cán bộ chuyên trách như nêu trong Cầm nang vận hành và quản lý quỹ. Phó Giám đốc TFF hiện tại đảm nhận 3 chức Phó giám đốc khác nhau: Vụ Kế hoạch Tài chính VNFOREST, VNFF và TFF. Ông không có trách nhiệm thực tế với cương vị tại VNFOREST, và như vậy dành "toàn bộ thời gian" cho TFF và VNFF. Điều này dường như là một sự sắp xếp hợp lý khi nhiệm vụ chính của TFFMU là hỗ trợ hoạt động của VNFF và tích hợp TFF vào VNFF (xem Chương 4). Kinh nghiệm đầy đủ của TFF sẽ được sử dụng để định hình VNFF.

Bảng 3: Hình hình nhân sự hiện tại của TFFMU

Vị trí	Nhu cầu	Nhân sự	Chuyên/bán chuyên	Học vấn	Nguồn	Chi chú
Giám đốc	1	1	Kiểm nhiệm	Tiến sĩ	Cán bộ BNN	
Phó Giám đốc	1	1	Kiểm nhiệm (#1)	Đại học	Cán bộ BNN	Sắp tốt nghiệp IEMBA - AIT
Cố vấn kỹ thuật	1	1	Kiểm nhiệm (#2)	Thạc sĩ	GIZ tài trợ	
Cố vấn tài chính	1		Chuyên trách	Thạc sĩ	GIZ tài trợ	Chưa tuyển
Kế toán trưởng	1	1	Kiểm nhiệm (50%)	Đại học	TFF tuyển	
Kế toán	1	1	Chuyên trách	Đại học	TFF tuyển	
Cán bộ chương trình	2	2	Chuyên trách	Đại học	TFF tuyển	
Trợ lý	1	1	Chuyên trách	Đại học	TFF tuyển	

Nguồn: TFFMU. **Ghi chú:** #1: chia sẻ chủ yếu với VNFF, #2: chia sẻ với FSSP.

Cố vấn kỹ thuật và chuyên gia tài chính là hỗ trợ kỹ thuật do GIZ cung cấp. Cố vấn kỹ thuật được chia sẻ với FSSP dường như là sự sắp xếp hợp lý. Các vị trí cố vấn đóng vai trò rất quan trọng để hướng dẫn sự phát triển cách tiếp cận sáng tạo và định hình các công việc thường xuyên. Khó khăn trong việc tuyển và duy trì cố vấn tài chính một phần do các ứng cử viên có trình độ mong muốn mức lương cao.

Về tổng thể, số lượng nhân viên và trách nhiệm của các vị trí dường như là phù hợp với công việc của TFFMU. Để TFF thực sự hoạt động tốt, TFFMU cần phải là một tổ chức năng động và sáng tạo cố gắng để xây dựng một danh mục dự án chất lượng cao gồm các dự án thành công với trọng tâm là chiến lược ngành với các mối liên kết ngành và sức mạnh tổng hợp. Đây không phải là một nhiệm vụ dễ dàng và thường đòi hỏi nhân viên (toàn thời gian) có kinh nghiệm và tận tâm cống hiến toàn thời gian của họ cho công việc. Điều này không phù hợp với một cách tiếp cận "máy móc" phổ biến trong cơ quan nhà nước, nơi các quy định có thể kiềm chế sự sáng tạo.

Trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ TFF hiện nay là đủ để thực hiện hầu hết các nhiệm vụ ở một mức độ cơ bản. Tuy nhiên cần kinh nghiệm và năng lực kỹ thuật ở mức độ cao hơn để đáp ứng được các tiêu chuẩn cao và thẩm quyền đối với một số lĩnh vực hoạt động của TFF (như xây dựng một danh mục dự án gắn kết và tập trung chiến lược đồng thời có kế hoạch tốt và hỗ trợ M&E, theo dõi và báo cáo với chất lượng cao). Điều này có lẽ là không thực tế khi các cán bộ đến từ Bộ NN&PTNT và mức lương quá thấp để thu hút đội ngũ nhân viên có nhiều kinh nghiệm hơn. Có thể hợp đồng ngắn hạn, chẳng hạn để thực hiện kiểm toán hoạt động. TFF sau khi sát nhập vào VNFF cũng sẽ giống như TFF hiện nay về mặt thu hút nhân viên. Tại thời điểm hiện nay TFF vẫn phải hoạt động với những gì vốn có. Trong bối cảnh đó các cố vấn kỹ thuật đóng vai trò quan trọng trong việc mang lại đổi mới và chất lượng.

Tổ chức, ra quyết định và cơ cấu quản lý

Cơ cấu tổ chức và quản lý TFF rõ ràng và đơn giản. Hội đồng quản lý quỹ (BoD) ra quyết định, TFFMU xử lý công việc hàng ngày và danh mục dự án của TFF. TFFMU chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý quỹ và về phần mình BoD chịu trách nhiệm trước Bộ NN&PTNT. Hội đồng quản lý quỹ dưới sự chủ trì của Thứ trưởng và lãnh đạo các phòng ban và đại diện một nhà tài trợ là thành viên. Hội đồng quản trị họp hai lần mỗi năm. Thông tin chi tiết được quy định trong Cẩm nang vận hành và quản lý quỹ.

Cấu trúc tổ chức rõ ràng và dường như hoạt động theo đúng như chức năng đã định, mặc dù theo báo cáo có sự chậm trễ trong việc đưa ra quyết định và những khó khăn trong việc xác định các dự án mới để hỗ trợ.

Sự chậm trễ xảy ra chủ yếu khi có sự khác biệt ý kiến về các vấn đề cụ thể. Những chậm trễ đó liên quan chủ yếu đến quyết định về việc sử dụng vốn, và nói chung, với những quan điểm khác nhau của một bên là các cán bộ Bộ NN&PTNT và một bên là nhóm các nhà tài trợ. Các nhà tài trợ nói chung đồng ý với nhau thông qua đại diện duy nhất trong BoD. Sự "phân cực" rõ ràng này là do quan điểm chiến lược có phần khác nhau trong ngành lâm nghiệp. Các yếu tố khác nhau trong đó bao gồm tầm nhìn dài hạn so với ngắn hạn, tập trung vào các hoạt động hơn là các kết quả và tác động, và vai trò của chính phủ, xã hội dân sự và khu vực tư nhân. Quan điểm khác nhau về quản lý nguồn vốn ODA trong một "rổ tài trợ" cũng có thể quan trọng (tức là liên quan đến mức độ giám sát của nhà tài trợ). Đây là những sự khác biệt khá nhỏ và "điểm chưa thống nhất" thể hiện trong các chi tiết chứ không phải là vấn đề lớn. Khi tìm hiểu về những nguyên nhân, câu hỏi đặt ra là có thể làm gì để hòa đồng các quan điểm khác nhau và tránh chậm trễ ra quyết định?

Một yếu tố khác có lẽ liên quan đến thông tin về lập kế hoạch và xác định những dự án mới trình lên BoD. Một trường hợp gây sự chú ý của đoàn đánh giá lần thứ ba là những đánh giá vòng đầu tiên các đề xuất bao gồm cả ý kiến của các nhà tài trợ TFF không được tích hợp vào đề xuất cuối cùng được gửi đến BoD. Do đó không thể phê duyệt ngay đề xuất đó mà phải thêm một vòng xem xét nữa.

Cách tiếp cận chính để giải quyết các vấn đề như vậy là để cải thiện trao đổi thông tin. Những khó khăn về thủ tục và quan liêu trước kia (nhà tài trợ - thành viên BoD trao đổi thông tin thông qua các kênh chính thức TFFMU...) đã được giải quyết và việc trao đổi thông tin được cải

thiện nhiều. Hiện nay có thể trao đổi thông tin qua email, điện thoại hoặc gặp trực tiếp và tình hình đã được cải thiện. Nếu hai nước tài trợ đều có đại diện của mình trong BoD thì họ có thể trao đổi và cùng thống nhất ngay trong cuộc họp, nhưng đó lại là bước lùi so với phương pháp tiếp cận "rõ ràng tài trợ" vốn có của một quỹ ủy thác. Khi TFF được sát nhập vào VNFF thì điều này cũng sẽ là không phù hợp.

Với chỉ có hai cuộc họp BoD mỗi năm thì có thể lập luận rằng cần có các cuộc họp bổ sung để giảm sự chậm trễ. Điều này sẽ rất khó khăn vì các thành viên BoD rất bận. Chúng tôi được biết rằng có thể đạt được quyết định của BoD cho các vấn đề khẩn cấp giữa các cuộc họp thông qua tham vấn cá nhân từng thành viên (phương pháp tiếp cận "chuyên môn hóa") do TFFMU thực hiện.

TFF hỗ trợ một loạt các phương thức tài trợ bao gồm cả tài trợ trực tiếp cho các dự án lớn hay nhỏ, "hoạt động phi dự án", và đồng tài trợ. Trước đây (Biên bản ghi nhớ lần 1) TFFMU được phép cấp viện trợ nhỏ nhưng sau đó đã được thay đổi, yêu cầu phải được BoD phê duyệt thông qua kế hoạch hoạt động và ngân sách hàng năm. Điều này nhằm minh bạch hơn và tăng cường cách tiếp cận mang tính chiến lược và gắn kết hơn.

Kết luận chung là hầu hết các vấn đề đã được nhận biết và các bước rõ ràng đã được thực hiện để giải quyết chúng. Đoàn đánh giá lần thứ ba ủng hộ mạnh mẽ các bước thực hiện đó. Trao đổi thông tin và hiểu biết lẫn nhau đã được cải thiện, nhưng vấn đề vẫn tồn tại ở mức độ nhất định. Trao đổi thông tin, sự hiểu biết và thỏa hiệp là những thành phần quan trọng để tiến lên phía trước.

3.1.3 Lập kế hoạch, giám sát, theo dõi và báo cáo dự án

Các nhà tài trợ đã bày tỏ mối quan ngại sâu sắc liên quan đến hoạt động TFF trong lĩnh vực theo dõi và báo cáo, và ở phạm vi nhất định, lập kế hoạch và giám sát dự án.

Giám sát và đánh giá

Căn cứ vào quy định của Bộ NN&PTNT tại Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (2009), trách nhiệm M&E chính thuộc về TFFMU nhưng sử dụng kế hoạch đánh giá độc lập do tư vấn ngắn hạn thực hiện. Hơn nữa, căn cứ vào Cẩm nang vận hành và quản lý quỹ thì các dự án chịu trách nhiệm công tác M&E. TFFMU phải báo cáo kết quả cho các nhà tài trợ và các bên liên quan. Quá trình M&E đã được cải thiện trong năm hiện tại nhưng vẫn chưa hoạt động đầy đủ.

Một hệ thống giám sát và đánh giá (M&E) tập trung và hiệu quả là một thành phần thiết yếu của mọi quỹ ủy thác. Đây là nền tảng cho trách nhiệm giải trình đối với các nhà đầu tư quỹ (các nhà tài trợ TFF), và học hỏi để cải thiện quản lý các dự án và cung cấp thông tin cho các cuộc thảo luận về chính sách và chiến lược. Các nhà đầu tư trong một quỹ ủy thác phải được biết vốn của họ đang được sử dụng trong một cách đúng đắn và hiệu quả. Điều này đòi hỏi giám sát (dựa trên M&E tốt) và báo cáo kịp thời, chính xác và đủ thông tin về việc sử dụng và hiệu quả của vốn của họ (cũng dựa trên M&E tốt).

M&E vốn là một vấn đề tồn tại quan trọng của TFF. Đoàn đánh giá TFF lần thứ hai đã rà soát M&E và đề xuất một số khuyến nghị. TFFMU đã thực hiện một số cải tiến quan trọng bao gồm sửa đổi chương "Giám sát, đánh giá và báo cáo" trong Cẩm nang vận hành và quản lý quỹ (2010), hướng dẫn không chính thức "Báo cáo dựa trên kết quả TFF: Công cụ quản lý và mẫu báo cáo", và cải thiện lưu trữ các báo cáo dự án và các dữ liệu trong "cơ sở dữ liệu" TFF.

Mặc dù hệ thống M&E đã được cải thiện đáng kể nhưng vẫn chưa hoạt động thật tốt, bởi vì các nhà tài trợ TFF lo ngại ở hai lĩnh vực: (i) giám sát các dự án, và (ii) báo cáo TFF. Những vấn đề này sẽ được thảo luận bên dưới.

Khó khăn để thiết lập hệ thống M&E tốt là do một số nguyên nhân đôi khi liên quan đến nhau.

- Chương M&E trong Cẩm nang vận hành và quản lý quỹ mô tả hệ thống cơ bản, và mô tả những nhiệm vụ, trách nhiệm cơ bản... nhưng đó không phải là một tài liệu hướng dẫn "thân thiện với người dùng" làm thế nào để thực hiện công tác giám sát. TFFMU đã hoàn

toàn đúng khi soạn thảo thêm hướng dẫn nội bộ "Báo cáo dựa trên kết quả TFF: Công cụ quản lý và mẫu báo cáo" nhưng tài liệu này là khá phức tạp và chỉ đề cập đến một phần của M&E.

- Hệ thống M&E của TFF phụ thuộc vào các dữ liệu M&E và các báo cáo nhận được từ mỗi dự án. Việc xem xét các dự án đang hoạt động (Phụ lục 4) cho thấy các dự án thiết lập khung logic theo những cách khác nhau và các chỉ số thường không được xác định rõ. Nhiều yếu tố định tính và rất khó để đo lường. TFF quan tâm nhất đến kết quả, các đầu ra quan trọng, và tác động khi có thể được xác định. Tuy nhiên các dự án có xu hướng tập trung vào hoạt động mà không chú trọng đến đánh giá kết quả hoặc tác động. Điều này một phần là do thiếu hiểu biết về kết quả và tác động và khó khăn trong việc đánh giá các chỉ số thường không xác định rõ ràng hoặc chỉ là định tính. Đây chính là vấn đề thiết kế của một số dự án mà không được sửa chữa trong quá trình thẩm định. Đây là vấn đề chung của nhiều dự án chứ không chỉ đối với TFF. Có thể có một số cải thiện nhưng sẽ đòi hỏi thời gian.
- Các báo cáo dự án TFF nhận được có chất lượng không đồng đều và không phải lúc nào cũng chứa nhiều thông tin. Các nguyên nhân có thể bao gồm: (i) khó khăn trong việc đánh giá các chỉ số đầu ra và kết quả như nêu trên, (ii) quá nhiều tập trung vào hoạt động, (iii) phân tích không đầy đủ các vấn đề, (iv) triển vọng quá lạc quan hoặc miễn cưỡng báo cáo những yếu kém... Luôn có mức độ "lọc" trong bất cứ báo cáo nào. Có hai cách chính để chống lại điều đó là (i) đưa ra các chỉ số khách quan có thể kiểm chứng được và được báo cáo một cách minh bạch, và (ii) xác minh tại thực địa.
- TFFMU đã có 4-5 chuyến công tác thực địa đến các dự án đang triển khai trong hai năm qua kể từ năm 2009 (Phụ lục 4). Những chuyến công tác đó có mục đích khác và không có "báo cáo công tác giám sát" cụ thể.
- Các nhân viên thực hiện việc giám sát có thể không đủ năng lực về mặt kỹ thuật trong lĩnh vực đang được giám sát. Các nhân viên đó so với giám đốc dự án, nhất là các dự án lớn, còn rất trẻ. Các nhân viên TFFMU một phần thuộc Bộ NN&PTNT và điều này làm cho họ khó có cái nhìn phê phán đối với các dự án thuộc Bộ NN&PTNT. Điều này có nghĩa rằng các báo cáo không phải luôn luôn xem xét và báo cáo về các vấn đề quan trọng với đủ độ chuyên sâu.

Chìa khóa cho M&E là xác định rõ những chỉ tiêu khách quan kiểm tra được (một phần ở mức kết quả cao hơn), nhưng đó là lĩnh vực khó khăn nhất trong M&E. Điều này cần thực hiện cho từng dự án, vì vậy cần thời gian để có sự cải thiện. Các dự án cũng cần đánh giá và báo cáo về các chỉ số mức cao hơn nhưng thường tập trung vào các hoạt động do đó báo cáo trở nên yếu. Vấn đề trở nên rõ ràng vì các nhà tài trợ TFF muốn có đánh giá chính xác tiến độ ở mức cao và thông thường các dự án không đáp ứng được yêu cầu này. TFF cần thực hiện giám sát tại hiện trường nhưng điều đó đòi hỏi có nhân viên có kinh nghiệm có thể báo cáo những phát hiện. Đây là một thách thức đối với TFFMU, nhất là với các dự án lớn và phức tạp hơn. Do đó có một số nguyên nhân cơ bản đối với các vấn đề của công tác M&E và báo cáo, một phần ở mặt "cung" (khung logic, các chỉ số, theo dõi kết quả dự án...) và một phần ở mặt "cầu" (các nhà tài trợ TFF muốn có đánh giá chính xác và khách quan tiến bộ và hoạt động ở mức cao).

Sau khi chỉ ra những thách thức quan trọng phải đối mặt với công tác M&E của TFF, cần phải nói rằng TFFMU đã có nỗ lực đáng kể vào M&E và đạt được một số cải tiến quan trọng. Dữ liệu giám sát có của tất cả các dự án và những báo cáo đánh giá cuối cùng (do tư vấn độc lập thực hiện) có chất lượng tốt. Tuy nhiên vẫn cần có thêm cải thiện, và chúng tôi khuyến nghị như sau.

Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
TFFMU cần tuân thủ chặt chẽ OM và quy định của Bộ NN&PTNT năm 2009 về báo cáo tóm tắt các kết quả chính cho nhà tài trợ và các bên liên quan. Khuyến nghị bổ sung các báo cáo giám sát đánh giá vào Báo cáo năm gửi	TFFMU	Liên tục

Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
cho nhà tài trợ và các bên liên quan.		
Nền tảng M&E các dự án được tài trợ cần được cải thiện thông qua việc tập trung vào khung logic, các chỉ số và thiết kế M&E trong quá trình thẩm định dự án để nhận tài trợ. Các chỉ số và M&E nên được thiết lập rõ trước khi phê duyệt dự án. Nếu điều này là không thích hợp thì cần chuẩn bị hệ thống M&E chấp nhận được (với các chỉ số được thiết lập rõ) trong giai đoạn khởi động nên được coi một điều kiện để tài trợ đầy đủ/tiếp tục. Các hệ thống M&E và đặc biệt là các chỉ số của các dự án đang được tiến hành nên được xem xét cẩn thận và cải thiện các chỉ số nếu cần thiết để làm cho chúng có thể kiểm chứng được một cách khách quan hơn.	TFFMU và BoD	Cuối năm 2011

Thừa nhận những hạn chế khi sử dụng nhân viên TFFMU/Bộ NN&PTNT vào công tác M&E và đánh giá quan trọng, điều quan trọng là sử dụng thêm những nguồn lực từ bên ngoài

Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
TFFMU nên thực hiện M&E (và theo dõi) một cách hệ thống và có cấu trúc một cách thường xuyên. Tối thiểu mỗi năm một chuyến công tác M&E và một chuyến công tác kết hợp M&E và theo dõi. Những chuyến công tác đó cần rà soát lại tiến độ hướng tới đạt được những kết quả, đầu ra và tác động lớn nếu thích hợp, cùng với một đánh giá chi tiêu và các vấn đề quan trọng được xác định thông qua các báo cáo dự án định kỳ. Một báo cáo M&E và theo dõi của chuyến công tác cần được thực hiện bao gồm khó khăn, yếu điểm và cả những kết quả tốt.	TFFMU	Liên tục

Theo dõi dự án:

Như với mọi quỹ ủy thác, những nhà quản lý quỹ (TFFMU) chịu trách nhiệm sao cho các quỹ được sử dụng phù hợp với các mục tiêu của các nhà tài trợ, và hiệu quả tốt (giá trị đồng tiền). Điều này đòi hỏi rằng TFFMU cần theo dõi và giám sát việc thực hiện. Trong trường hợp cần thiết, kiến nghị và yêu cầu hành động khắc phục cần được cung cấp cho ban quản lý dự án. Cách "theo dõi" này liên quan rất mạnh đến M&E.

Đoàn đánh giá lần thứ ba có cảm tưởng là TFFMU còn thụ động và hiếm khi đề xuất thực hiện công tác theo dõi dự án. Bảng công tác M&E (Phụ lục 7) cho thấy chỉ có một đoàn giám sát dự án PPFP và tham gia vào một đoàn giám sát FSDP với Ngân hàng Thế giới và một đoàn giám sát FLITCH với ADB. Giám sát đòi hỏi một mức độ kinh nghiệm và năng lực kỹ thuật trong lĩnh vực của dự án. Có thể tăng cường năng lực kỹ thuật của nhóm giám sát bằng cách sử dụng các nhân viên giàu kinh nghiệm của Bộ NN&PTNT.

Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
TFFMU nên có một vai trò tích cực hơn trong việc theo dõi các dự án kết hợp với tăng cường M&E. Thông thường mỗi năm nên tổ chức một đoàn giám sát và đánh giá cho từng dự án. Hành động khắc phục nên được đề nghị hoặc yêu cầu khi thích hợp. Các báo cáo của đoàn giám sát cần tóm tắt các kết luận và khuyến nghị	TFFMU	Liên tục

Báo cáo:

Căn cứ vào quy định của Bộ NN&PTNT tại Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (2009), các chủ dự án có trách nhiệm định kỳ báo cáo cho TFFMU và Bộ NN&PTNT (Vụ HTQT và Vụ Tài chính). TFFMU có trách nhiệm chung báo cáo cho các nhà tài trợ và các bên liên quan về các kết quả từ các báo cáo M&E, cũng như các báo cáo tiến độ và tài chính. Cần lưu ý là các báo cáo đã được cải thiện với sự hợp tác của các nhà tài trợ. Hiện tại vẫn còn thiếu các báo cáo tài chính cấp dự án hoặc thông tin về việc đồng vốn đã được sử dụng thế nào so với ngân sách dự án.

Như đã đề cập ở trên, các nhà đầu tư trong một quỹ ủy thác cần được biết vốn của họ đang được sử dụng đúng mục đích và hiệu quả. Báo cáo kịp thời, chính xác và đủ thông tin cung cấp một phương tiện chính để làm điều đó. Các báo cáo phải được dựa trên thông tin đáng tin cậy từ M&E. Các báo cáo phải rõ ràng, súc tích và có mục tiêu hướng tới lợi ích và nhu cầu của người sử dụng cụ thể. Người sử dụng chính bao gồm các nhà tài trợ TFF, thành viên BoD, các quan chức cấp cao Bộ NN&PTNT, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Ban QLDA TFF cấp tỉnh, và các bên liên quan khác. Các nhà tài trợ TFF phải được hài lòng với báo cáo vì các báo cáo là cần thiết để biện minh cho đầu tư với các chính phủ và người nộp thuế của họ. Do đó có thể coi các nhà tài trợ TFF là một nhóm mục tiêu chính cho các báo cáo.

Báo cáo cùng với M&E vốn là lĩnh vực có vấn đề của TFF và là chủ đề của những khuyến nghị và cải tiến khác nhau. Cẩm nang vận hành và quản lý quỹ có một chương về "Giám sát đánh giá và báo cáo" cũng như các mẫu báo cáo theo yêu cầu. TFFMU đã nỗ lực đáng kể vào báo cáo và đã có các báo cáo với cấu trúc tốt, súc tích và chứa đựng nhiều thông tin theo tiêu chuẩn mà nhiều dự án khác sẽ tự hào. Mặc dù có nhiều cải thiện, các báo cáo này vẫn chưa đáp ứng đầy đủ các mong muốn của nhà tài trợ TFF, và đây là một vấn đề quan trọng.

Đoàn đánh giá lần thứ ba đã dành thời gian để rà soát quá trình lập báo cáo, tìm hiểu nguyên nhân những khó khăn đó, và cố gắng tìm cách khắc phục tình hình. Sau đây là những phát hiện chính (đối với các báo cáo năm của TFF)

- Các báo cáo được cấu trúc theo định dạng thống nhất theo quy định trong Cẩm nang vận hành và quản lý quỹ. Các báo cáo bao gồm từ một đến ba trang văn bản cho từng dự án, bốn hoặc năm trang về hoạt động ngoài danh mục và bảng biểu tài chính. Các dữ liệu dự án chủ yếu là lấy từ các báo cáo dự án với một đánh giá của TFFMU về hoạt động và những kết quả đạt được. Báo cáo này được giữ cố tình ngắn gọn và súc tích.
- Các báo cáo dự án là văn bản dày đặc với các dữ liệu trong câu (chứ không phải bảng). Định dạng này không làm cho dễ đọc. Các đánh giá quá lạc quan, cảm tính và không đi sâu vào các vấn đề quan trọng, phản ánh xu hướng tương tự trong các báo cáo dự án mà những đánh giá dựa vào đó. Lập báo cáo từ các báo cáo khác theo cách này là luôn luôn khó khăn. Mọi người, một cách tự nhiên, đều miễn cưỡng khi phê phán, đặc biệt khi đó là một báo cáo của Bộ NN&PTNT về một bộ phận khác cũng thuộc Bộ NN&PTNT: "thực tế" được lọc và làm mềm dần qua mỗi báo cáo.
- Vì vậy, mặc dù các báo cáo đã được cải thiện nhiều, các nhà tài trợ vẫn chưa hài lòng. Thật khó để chỉ chính xác đâu là những thiếu sót, nhưng có thể là do "thực tế" đã được "lọc" và làm mềm hai lần, quan điểm quá lạc quan (thiên vị) và phong cách viết báo cáo.

Những câu hỏi chính lúc này là có thể làm gì để cải thiện hơn nữa báo cáo trong các hạc chế của TFFMU, và liệu sẽ là đủ? Sau đây là khuyến nghị nhưng cũng không chắc chắn khuyến nghị này sẽ là đủ. Các loại báo cáo sâu sắc, xuyên suốt và mở như mong muốn là không dễ dàng và đòi hỏi kỹ năng và kinh nghiệm, cũng như dữ liệu tốt.

Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
Các báo cáo thực hiện dự án của TFF đã có nhiều cải thiện đáng kể, tuy nhiên chưa hoàn toàn thỏa mãn các tài trợ. Để tiếp tục hoàn thiện báo cáo: (i) cải thiện các dữ liệu thông qua M&E được cải thiện như trên, đặc biệt là thông qua việc xác định và sử dụng các chỉ số rõ ràng cho kết quả đầu ra và kết quả chủ yếu (như trên). (ii) Thực hiện các chuyến giám sát thực địa quan trọng đối với các dự án trước khi chuẩn bị báo cáo để có được một sự hiểu biết trực tiếp về tiến bộ và hạn chế quan trọng và các vấn đề. (iii) Nhắm mục tiêu cụ thể là nhu cầu của các nhà tài trợ như là "cỗ đồng" chính của TFF. (iv) Viết báo cáo với một phong cách rõ ràng, khách quan, minh bạch và cân bằng.	TFFMU	Liên tục

Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
(v) Đưa vào mỗi báo cáo dự án những thông tin sau đây: (a) các chỉ số chính (chỉ có kết quả và đầu ra chủ yếu) trong một bảng, (b) nêu bật những thành tựu chính, (c) hạn chế chính, các vấn đề cần được giải quyết và đề xuất hành động khắc phục hậu quả, và (d) báo cáo tài chính nhấn gọn trong một bảng bao gồm giải ngân so với dòng kinh phí dự án đối với từng mức hợp phần dự án.		

Nếu những cải tiến này được thực hiện, báo cáo có thể được tiếp tục được cải thiện. Mặc dù còn hạn chế không tránh khỏi được đề cập ở trên (lọc, làm mềm, các yêu cầu kinh nghiệm...). Phải chờ xem những cải thiện đó liệu có thỏa mãn đầy đủ các nhà tài trợ TFF hay không.

Lập kế hoạch dự án

Vụ Kế hoạch Bộ NN&PTNT chịu trách nhiệm chính việc lập kế hoạch dự án. TFFMU chịu trách nhiệm về kế hoạch tài chính và trình kế hoạch tổng thể cho BoD phê duyệt. Đã có lưu ý kế hoạch dự án trình BoD chưa đầy đủ và do đó việc phê duyệt các dự án mới bị chậm.

Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
Về kế hoạch, Bộ NN&PTNT nên có một vai trò chặt chẽ trong quy hoạch và kiểm soát để các kế hoạch tổng thể được tuân thủ. TFFMU nên đưa ra một danh mục (check list) các nội dung bắt buộc cần chuẩn bị như là phác thảo ý tưởng (concept note) của chương trình/dự án theo mẫu trong Cẩm nang vận hành và quản lý quỹ (OM) trước khi kế hoạch được phê duyệt và sau đó tiếp tục trình BoD để đưa vào tài liệu dự án.	Bộ NN&PTNT TFFMU VNFF MU	Thực hiện ngay

3.1.4 Tài trợ, giải ngân và kế hoạch giải ngân

Chúng tôi được thông báo cho đến nay mới chỉ có Phần Lan đóng góp 4 triệu euro cho năm 2012. Chưa rõ phần đóng góp của Phần Lan và Thụy Sĩ cho 2012. Một phần là do các nhà tài trợ chưa hoàn toàn thỏa mãn với hoạt động dự án từ TFFMU (chẳng hạn chưa đủ thông tin về hoạt động của FLITCH), một phần là do sự thay đổi chính sách của nhà tài trợ.

Chi phí cho TFFMU là chấp nhận được và khá nhỏ, khoảng 3%⁶. Chi phí quản lý của các dự án đồng tài trợ là khoảng 3% cho FLITCH-ADB⁷ và 2,3% cho FSDP-WB⁸

Bảng 4 dưới đây nêu số liệu giải ngân các dự án kể từ lần đánh giá thứ hai năm 2009 và giải quyết các chương trình VFDS chính.

Bảng 4: Tình hình giải ngân các dự án đang hoạt động và các chương trình VFDS

Mã dự án	Tên dự án viết tắt	Đặc điểm	Tình trạng	Đáp ứng VFDS	Số tiền tài trợ	Lũy kế giải ngân	Vốn còn lại
GA 018/07	CBBC	Dự án	Hoàn thành	5,4,1	596.406	593.799	2.607
GA 019/07	Lam Dong	Dự án	Hoàn thành	1,2,4,5	926.092	923.181	2.911
GA 020/08	PPFP	Dự án	Chấm dứt	1,4,5	3.147.755	2.066.124	1.081.631
GA 021/07	FLITCH	Dự án	Đang thực hiện	1,2,5	12.340.000	6.719.646	5.620.354
GA 025/06	FSDP	Dự án	Đang thực hiện	1,2,4,5	9.200.000	7.950.000	1.250.000
GA 029/09	FORMIS	Dự án	Đang thực hiện	1,5	1.798.636	876.194	922.442
GA 030/11	FSSP-CO	Phi dự án	Đang thực hiện	5	100.000	50.000	50.000
Tổng số:					28.108.889	19.178.944	8.929.945

⁶ Khoảng 0,4 triệu Euro của số vốn 13,3 triệu Euro đã giải ngân

⁷ Tổng chi phí đến tháng 6/2011 là 1.909.252,58 USD và phí quản lý của ADB là 2% và phí kiểm toán là 56.085,05USD

⁸ Tổng chi phí dự án tính đến tháng 6/2011 là 7.062.670,24 Euro, và phí của WB trích từ dự án là 158.982,30 Euro.

Ngay cả nếu cam kết của nhà tài trợ là 31 triệu euro, việc các nhà tài trợ giải ngân số tiền còn lại (khoảng 11 triệu euro) cũng chưa chắc chắn, nhất là cho năm 2012. Lý do là một số dự án TFF tài trợ hoạt động không hoàn toàn tốt. Trong cùng thời gian với Đoàn đánh giá TFF lần thứ ba có Đoàn đánh giá giữa kỳ dự án FLITCH (đồng tài trợ với ADB). Các phát hiện của đoàn đánh giá giữa kỳ dự án FLITCH dẫn tới các cuộc thảo luận về việc tiếp tục các dự án đồng tài trợ do hiệu quả kém (không có hỗ trợ kỹ thuật hay hành chính thêm từ TFF) thông qua tài trợ TFF. Hơn nữa, một dự án (PPFP) bị BoD đình chỉ do hoạt động kém.

Hỗ trợ kỹ thuật cho dự án FSDP (đồng tài trợ với WB), theo thông tin chúng tôi nhận được, sẽ kết thúc trong năm 2011. Việc tiếp tục hỗ trợ với ngân sách 2 triệu USD đã được duyệt và chờ quyết định của WB. Dự án FORMIS đang hoạt động và, căn cứ thông tin đoàn đánh giá nhận được, sẽ tiếp tục năm 2012. Dựa trên những thông tin đoàn đánh giá nhận được và danh mục dự án đang thực hiện, số vốn cam kết cho 2012 chỉ khoảng 1 triệu euro. Chưa có thêm dự án mới nào được BoD phê duyệt. Trong số các dự án đề nghị giai đoạn 2011-2012 có 2 dự án, ngoài dự án FSDP kéo dài, với tổng giá trị 2,15 triệu euro.

Những phân tích trên dựa vào các cuộc trao đổi, Báo cáo giữa kỳ dự án FLITCH, và tình hình giải ngân danh mục dự án TFF. Ngoài ra Đoàn đánh giá lần thứ ba cũng đã rà soát các báo cáo năm TFF 2009-2010 và Báo cáo TFF giai đoạn 2004-2010 cũng như Báo cáo đánh giá TFF lần thứ hai vào tháng 6/2009.

Kết luận:

- Đoàn đánh giá lần thứ ba ghi nhận hàng năm có tiến hành kiểm toán (kiểm toán tài chính) độc lập TFF và Báo cáo kiểm toán được chấp nhận toàn phần (không phát hiện sai phạm nghiêm trọng hoặc sử dụng vốn sai mục đích). Dựa vào đó có thể kết luận các Báo cáo tài chính cung cấp bức tranh đáng tin cậy về thông tin tài chính của TFF như một quỹ ủy thác.
- Các báo cáo tài chính TFF chỉ ở mức độ dự án, vì vậy khó phân tích xem các dự án tuân thủ kinh phí và hiệu quả chi phí của kết quả như thế nào (giá trị thực của các thành tích được nêu trong các Báo cáo tiến độ).
- Cần ghi nhận chi phí chuyển giao TFF là thấp. Tuy nhiên cần đánh giá chi phí đó đối với những gì TFF đã đạt được. 70% tổng vốn cam kết dành cho các dự án đồng tài trợ, trong số đó có một dự án bị đình chỉ, và có các cuộc thảo luận về hiệu quả của dự án FLITCH. Điều này cần được đánh giá đến khả năng TFF có được toàn bộ kiểm soát đối với các dự án đồng tài trợ, khi rõ ràng là các dự án đồng tài trợ chịu sự kiểm soát chủ yếu bởi nhà tài trợ chính. Mục đích chính của đồng tài trợ TFF là bù đắp cho phần đóng góp của Chính phủ Việt Nam, căn cứ vào các thỏa thuận cho vay.
- Mức độ giải ngân chậm một phần là do sự chậm trễ trong mua sắm đấu thầu, và một phần là do lập kế hoạch của TFF chưa đầy đủ và chưa thực tế (như đã phân tích chi tiết trên đây). Chậm trễ trong mua sắm đấu thầu chủ yếu là ở các dự án lớn đồng tài trợ.

Bảng 5: Kế hoạch giải ngân

Báo cáo giải ngân từ 2004 đến 31/12/2010 và kế hoạch giải ngân 2011 và 2012 (euro)

Nr	Dự án	Tổng ngân sách cam kết	Giải ngân đến 31/12/2010	Vốn còn lại đến 31/12/2010	Kế hoạch 2011	Kế hoạch 2012	Ghi chú
		1	2	3 = 1 - 2	4	5	
A	Các dự án đã kết thúc	4.425.824					
B	Các dự án đang tiếp tục	25.571.642	12.354.426	13.217.216	8.123.954	4.430.205	
1	GA 019/07 LD	926.092	911.888	14.204	14.204	0	
2	GA 029/09 FORMIS	1.798.636	516.000	1.282.636	769.341	513.295	
3	DOF	250.000		250.000	125.000	125.000	
4	FSSP CO	100.000		100.000	50.000	50.000	
5	CFM Pha 2	1.600.000		1.600.000	800.000	800.000	Theo đề xuất
6	GA 025/06 - VCF kéo dài	840.000		840.000	840.000	0	
7	GA 025/06 - FSDP kéo dài	560.000		560.000	560.000	0	
8	GA 0121 - FLITCH - FA	6.009.644	1.691.262	4.318.382	2.041.946	2.276.436	
9	GA 021 - FLITCH - TA	4.474.715	2.098.517	2.376.198	1.914.705	461.493	
10	GA 025/06 - VCF	5.000.000	3.750.000	1.250.000	300.000	0	Còn lại 950.000 euro
11	GA 025/06 - FSDP	4.200.000	3.900.000	300.000		0	Còn lại 950.000 euro
12	TFMU	738.647	398.647	340.000	170.000	170.000	
13	Dự phòng				552.962	33.981	
Tổng (A + B)		30.923.558	13.266.314	13.231.420	8.138.158	4.430.205	

Tổng ngân sách cho 2011 và 2012:	12.568.363
Số dư đầu kỳ 1/1/2011	1.018.523
Tổng ngân sách đề nghị nhà tài trợ cho 2011, 2012	11.549.840
Giải ngân (Phần Lan) năm 2011	4.000.000
Tổng vốn còn lại so với cam kết tài trợ 8/2011	7.550.000
Tổng cam kết của các nhà tài trợ	30.931.038
Lũy kế giải ngân	21.786.934
Vốn chưa phân bổ	9.144.104
Trong đó vốn cho từng dự án	
FLITCH	5.620.340
FSDP	1.250.000
FORMIS	922.442
FSSP-CO	50.000
Tổng cộng	7.842.782

3.2 Những thành tích và hạn chế chính của danh mục dự án TFF

3.2.1 Tóm tắt những thành tích chính của các dự án do TFF tài trợ

Những thành tựu chính của danh mục dự án dự án TFF kể từ đoàn đánh giá lần thứ hai tháng 6 năm 2009 được thể hiện trong Bảng 6. Điều này cho thấy rằng các dự án đã thành công trong việc đạt được một số kết quả đầu ra quan trọng.

Các dự án GA 018/07 (CBBC) và GA 019/07 (Lâm Đồng) đã được hoàn thành và báo cáo đánh giá dự án cuối cùng được thực hiện. Dự án PPFP đã được chấm dứt trong tháng 2 năm 2010 chủ yếu do sự chậm trễ đáng kể trong tiến độ dự án và giải ngân. Hai dự án đồng tài trợ lớn là FLITCH (ADB) và FSDP (WB) nhìn chung đã hoạt động sau giai đoạn khởi động chậm và khó khăn. Dự án FORMIS và FSSP-CO hỗ trợ hoạt động phi dự án được bắt đầu trong các năm 2009 và 2011. Một phân tích chi tiết hơn về thành tích trong mối quan hệ với các mục tiêu được tóm tắt trong Phụ lục 4 và thảo luận tại Mục 3.3. dưới đây.

Bảng 6: Những thành tích chính các dự án TFF kể từ tháng 6/2009

Mã dự án	Tên dự án	Thành tích chính	VFDS
GA 018/07 2007 - 2010	CBBC: Thí điểm và thể chế hóa chương trình đào tạo quốc gia để nâng cao năng lực các cơ quan bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học và thực thi pháp luật	- Giáo trình đào tạo quốc gia (8 chuyên đề), xây dựng trình khung và biên soạn tài liệu tập huấn. - Đào tạo 13 tiểu giáo viên. - Tập huấn, triển khai thí điểm các hoạt động phối hợp liên ngành ở 3 tỉnh. - Tăng cường năng lực: Đào tạo 65 cán bộ, nhân viên kỹ thuật và kiểm lâm. - Thiết lập M&E.	5,4,1
GA 019/07 2007 - 2011.	Lâm Đồng: Thí điểm phương pháp quản lý rừng đa mục đích ở tỉnh Lâm Đồng	- Năng lực của Sở NN&PTNT Lâm Đồng, Chi cục lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm và các FMU, các huyện, xã được lựa chọn về lập kế hoạch và quản lý, rừng đa mục đích, định giá rừng, và quản lý rừng hợp tác được tăng cao - Quản lý đa mục đích được thí điểm tại 8 FMU đã lựa chọn trong tỉnh. việc thực hiện đầy đủ sẽ phụ thuộc vào việc phê duyệt kế hoạch quản lý rừng - Các cơ chế cho sự tham gia của cộng đồng trong lập kế hoạch, phát triển, quản lý và chia sẻ lợi ích sẽ được thiết lập tại các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng sản xuất được chọn. - Các mô hình thực hành tốt nhất về quản lý rừng đa mục đích được tài liệu hoá và được phổ biến để khuyến khích nhân rộng phương pháp này - Dự án hỗ trợ xây dựng các kế hoạch 5 năm (10 năm trong trường hợp của VQG BD-NB) cho mỗi một trong số 6 FMU	1,2,4,5
GA 020/08 2007 - 2010. Terminated	PPFP: Hướng đến người nghèo vùng sinh thái nông nghiệp Bắc Trung bộ (NCAEZ) Đồng tài trợ: TFF 3,1 triệu euroO, SNV 1 triệu euro, TBI và UQ	- Lập kế hoạch lâm nghiệp cho 3 tỉnh. - Rà soát chiến lược phát triển lâm nghiệp tỉnh. Hội nghị và mua sắm đầu thầu. - Lập kế hoạch lâm nghiệp cho 8 xã - Kế hoạch sử dụng đất cho 2 xã - Xem xét các “mô hình” phù hợp - Mô hình tài chính lâm nghiệp dựa vào cộng đồng được thành lập trong 16 xã. - Đào tạo cho huyện, tỉnh và xã về bảo vệ rừng, quy hoạch phát triển, ứng dụng công nghệ GIS, xây dựng trồng rừng, nông-lâm nghiệp và mô hình lâm sản ngoài gỗ	1,4,5

Mã dự án	Tên dự án	Thành tích chính	VFDS
		- Hỗ trợ mở rộng vào sản xuất nông-lâm nghiệp, lâm sản ngoài gỗ, rừng trồng thương mại, vườn cộng đồng và lâm nghiệp cộng đồng - Ban quản lý dự án được thành lập và các văn bản hướng dẫn thực hiện dự án sản xuất. - Dự án đã được chấm dứt trong tháng 2 năm 2010 chủ yếu do sự chậm trễ đáng kể trong tiến độ dự án và giải ngân	
GA 021/07 2007 - 2012.	FLITCH: Dự án Phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên Đồng tài trợ ADB 45 triệu USD TFF 15,57 triệu USD Chính phủ Việt Nam 18 triệu USD	- Khảo sát thực tế kiểm kê tài nguyên rừng cho 40 xã - Kế hoạch sử dụng đất 48 xã - Kế hoạch đầu tư hoàn thành cho 60 xã - Trồng rừng sản xuất trên 4.006 ha (trông số 18.353ha), nông lâm nghiệp 345/6.900 ha - Cải tiến vườn gia đình: bắt đầu - Trồng rừng sản xuất bởi các doanh nghiệp vừa và nhỏ/lâm trường quốc doanh trên 420/5.250 ha. Bảo vệ rừng có sự tham gia của cộng đồng trên 22.180/98.422 ha - Hỗ trợ kỹ thuật hơn 2.400 ngày công phát triển khả năng ngày trong quản lý và các chủ đề kỹ thuật. 225 khóa học cho các cộng đồng hưởng lợi. 57 khóa học cho các cán bộ dự án ở các cấp độ khác nhau - Hợp tác với Trường Đại học Tây Nguyên và Trường Lâm nghiệp Pleiku đã được bắt đầu - Các cuộc khảo sát của ngành công nghiệp rừng hoàn thành trong tất cả các tỉnh. Mô hình kinh doanh hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ dựa vào rừng đã được xem xét. - Du lịch sinh thái, bảo tồn và các hoạt động phát triển lâm sản ngoài gỗ: hoạt động liên quan đang được thực hiện ở Lâm Đồng và Phú Yên - Du lịch sinh thái phát triển và quy hoạch Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và tính khả thi nghiên cứu phát triển lâm sản ngoài gỗ cho các Khu bảo tồn Krông Trai - TFF cung cấp chủ yếu hỗ trợ kỹ thuật và Quỹ phát triển xã (CDF)	1,2,5
GA 025/06 2006 - 2012.	FSDP: Dự án phát triển ngành Lâm nghiệp Đồng tài trợ WB 39,6 triệu USD. GEF 9 triệu USD TFF 11 triệu USD Chính phủ Việt Nam 4,4 triệu USD	- Nhóm nông hộ trồng rừng (FFG) được thành lập ở cấp làng/xã - Khoảng 37.875 ha rừng trồng được thành lập và quản lý khoảng 37.000 ha đất giao cho nông dân - Giao đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 37.193 ha trên tổng số 55.600 ha - Quy hoạch cảnh quan trồng rừng cấp xã cho 3/113 xã 23.980 lượt hộ (tổng số 1.850 hộ) đã được tập huấn chuyển giao kỹ thuật và nhận các hỗ trợ từ hoạt động khuyến lâm - Thiết kế trồng rừng 41.629/65.600 ha cho 120/120 xã - Trồng rừng: 37.875/65.600 ha - Lập và thực hiện kế hoạch rừng đặc dụng 81 khu - Quyết định về Cơ chế tài chính bền vững đã được trình và đang chờ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, dự kiến trong Q4/2011 - Đào tạo và hướng dẫn về đánh giá tại chỗ cho 40 nhân viên M&E mới - TFF cung cấp chủ yếu hỗ trợ kỹ thuật, các phần cụ thể của Hợp phần trồng rừng và quản lý CPMU	1,2,4,5

Mã dự án	Tên dự án	Thành tích chính	VFDS
GA 029/09 2009 - 2012.	FORMIS: Dự án Phát triển Hệ thống Quản lý Thông tin Ngành Lâm nghiệp Phần Lan (Hỗ trợ kỹ thuật) 2,2 triệu euro TFF 1,8 triệu euro Chính phủ Việt Nam 0,4 triệu euro	- Các tiêu chuẩn cho thông tin kiểm kê rừng (dự thảo), lâm nghiệp, đặc điểm kỹ thuật dữ liệu bản đồ rừng (dự thảo), và metadata (để xuất) - Đầu ra cốt lõi cho FORMIS hoàn thành khoảng 15% và bao gồm nền tảng FORMIS và cổng thông tin, một ứng dụng web cho dữ liệu kiểm kê rừng, dữ liệu kiểm kê rừng, thu thập dữ liệu REDD, phát triển tích hợp dữ liệu FORMIS 6 khóa tập huấn, 14 khóa đào tạo cho 325 người - Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin (2 máy chủ, 3 máy in A3, 8 GPS, 2 thiết bị ngoại vi, và 7 phần mềm) - Báo cáo hoạt động ngành lâm nghiệp 2006-2010 (đã hoàn thành và phổ biến)	1,5
GA 030/11 Non-project activity 2011 - 2012	FSSP-CO: TFF hỗ trợ Văn phòng Điều phối FSSP giai đoạn 2011 – 2012	- Không có thông tin trong các báo cáo TFF. Các kết quả là: - Phối hợp huy động nguồn lực và sử dụng cho ngành lâm nghiệp - Đối thoại chính sách và tham khảo ý kiến các bên liên quan về các vấn đề khu vực rừng quan trọng là tạo điều kiện thuận lợi - Thông tin được cập nhật và chia sẻ giữa các bên liên quan - Hệ thống M&E hoạt động và góp phần để thực hiện chất lượng của VFDS	5

3.2.2 Đóng góp của các dự án TFF vào phát triển ngành lâm nghiệp

Đóng góp tổng thể của TFF vào sự phát triển ngành lâm nghiệp đã được thảo luận trên đây. Đóng góp cụ thể của các dự án TFF kể từ tháng 6/2009 theo các chương trình chính của VFDS được trình bày trong cột cuối cùng của Bảng 6. Những con số VFDS là thứ tự ưu tiên của các chương trình khác nhau. Các chương trình VFDS là:

1. Quản lý và phát triển rừng bền vững
2. Bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, và cung cấp dịch vụ môi trường.
3. Chế biến, kinh doanh lâm sản
4. Nghiên cứu, Giáo dục, Đào tạo và Khuyến lâm.
5. Đổi mới các tổ chức, chính sách, kế hoạch và giám sát lâm nghiệp

Điểm nổi bật trong khía cạnh này bao gồm:

- Dự án CBBC đã hỗ trợ phát triển, thử nghiệm và thể chế hóa chương trình đào tạo ngắn hạn để nâng cao năng lực của kiểm lâm và các cơ quan lâm nghiệp và bảo vệ đa dạng sinh học và thực thi pháp luật. Điều này liên quan mạnh mẽ đến Chương trình 2 (bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học)
- Dự án FLITCH hiện nay đang bắt đầu đạt hai mục tiêu (i) an ninh lương thực cho 80.000 hộ gia đình và (ii) bảo vệ các lưu vực sông quan trọng và đa dạng sinh học. Dự án nhằm mục đích quản lý rừng bền vững trên 1/3 rừng tự nhiên của Việt Nam
- Dự án Lâm Đồng: Dự án đã thực hiện thí điểm một cách tiếp cận "quản lý rừng đa dụng" trong tỉnh Lâm Đồng, qua đó hỗ trợ một phương pháp tiếp cận đa sử dụng lâm nghiệp cho mục tiêu bảo tồn và sản xuất. Quản lý rừng đa dụng đại diện cho một sự thay đổi quan trọng từ quản lý mục tiêu duy nhất và vì vậy đây là một dự án "chiến lược" quan trọng.
- Mục tiêu phát triển của Đối tác hỗ trợ ngành Lâm nghiệp liên quan đến quản lý rừng bền vững để trồng rừng sản xuất nhỏ và bảo tồn rừng đặc dụng, góp phần xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường/đa dạng sinh học và quản lý rừng bền vững.

3.2.3 Quản lý danh mục dự án TFF

Quản lý danh mục dự án TFF bao gồm ba lĩnh vực chính: (i) quản lý hàng ngày, (ii) quản lý các dự án trong danh mục dự án, và (iii) xây dựng và duy trì một danh mục dự án năng động và lành mạnh. Một số trong những vấn đề chính đã được thảo luận và được tóm tắt dưới đây

Quản lý hàng ngày danh mục dự án:

Các quy tắc khác nhau, các quy định, thủ tục và công cụ cần thiết để quản lý danh mục dự án đã được soạn thảo, phê duyệt và đưa vào sử dụng (như Cẩm nang vận hành và quản lý quỹ và các hướng dẫn, định mức chi tiêu...). Các nhân viên TFFMU quản lý danh mục dự án trong công việc hàng ngày như “thợ cơ khí” một cách tương đối có năng lực.

Quản lý các dự án trong danh mục dự án:

Quản lý các dự án khác nhau liên quan đến việc hỗ trợ khởi động và kết thúc, theo dõi và giám sát, đánh giá và hướng dẫn, quản lý vốn và báo cáo. Các vấn đề chính liên quan đến những công việc này đã được thảo luận ở những phần khác của báo cáo. Mặc dù TFFMU đã có thể thực hiện các nhiệm vụ theo các thủ tục quy định, vẫn tồn tại một số hạn chế làm giảm hiệu suất tổng thể. Các vấn đề chính liên quan đến M&E, giám sát và báo cáo như đã nói ở trên. Điểm mấu chốt là TFFMU cần chủ động hơn trong việc theo dõi các dự án (M&E) và trong việc theo dõi và hướng dẫn cho các dự án. Cần phải chủ động hơn đảm bảo rằng vốn được sử dụng đúng mục đích đã thoả thuận, một cách hiệu quả và hiệu suất để đạt được các mục đích. Cần thiết cải thiện báo cáo để chứng minh rõ ràng cho các nhà đầu tư và các bên liên quan khác rằng điều này đang được thực hiện.

Xây dựng và duy trì một danh mục dự án năng động và lành mạnh:

Mục đích ở đây là xây dựng một danh mục dự án lành mạnh và năng động với các dự án đa dạng nhưng thống nhất cùng nhau đóng góp vào chiến lược phát triển ngành lâm nghiệp.

Tổng cộng có 29 dự án khác nhau về loại và quy mô đã được hỗ trợ kể từ khi bắt đầu TFF năm 2004. Trong số này, 22 dự án đã hoàn thành trước tháng 6/2009 (thời điểm báo cáo đánh giá TFF lần thứ hai), thêm hai dự án đã được hoàn thành và một dự án đã bị đình chỉ, và có bốn dự án vẫn còn đang được tiếp tục thực hiện.

Trong số các dự án đang thực hiện có hai dự án đồng tài trợ lớn (chiếm khoảng 69% tổng số vốn nhưng giai đoạn khởi động chậm và khó khăn và vẫn tồn tại các vấn đề đang được khắc phục). Dự án FORMIS (bắt đầu vào năm 2009 và dường như sẽ là đóng góp quan trọng cho ngành lâm nghiệp), và hỗ trợ “phi dự án” cho FSSP-CO bắt đầu trong năm 2010.

Danh mục dự án này không giống như một danh mục dự án rất lành mạnh và năng động và về mặt này thì việc quản lý danh mục dự án chưa thật sự tốt. Cần có sự tiếp cận chủ động hơn đến lập kế hoạch chiến lược (đối với TFF) và xác định các dự án mới. Vấn đề này đã được mô tả ở mục 2.3. Vấn đề cơ bản là không có thêm dự án mới vào danh mục dự án. TFFMU cần có vai trò chủ động mạnh mẽ trong việc xác định và phát triển những ý tưởng và đề xuất mới và trình BoD để xét cấp kinh phí. Đã có báo cáo là có những can thiệp ngành mang tính chiến lược tại FSSP (một diễn đàn chính thảo luận về chính sách và chiến lược ngành) chưa được đưa vào BoD. Lý do một phần là sự hiểu biết chung chưa cao về “lập kế hoạch chiến lược” tại TFFMU (và rộng hơn) và có sự chưa sẵn sàng đảm nhận vai trò chủ động hơn. TFFMU cần hiểu và phân biệt giữa chiến lược tổng thể ngành lâm nghiệp (trong khuôn khổ VFDS) và lập kế hoạch chiến lược định hướng ngành của TFF. Sự phát triển của chiến lược tổng thể ngành lâm nghiệp (sự tiến hóa theo thời gian và chi tiết của VFDS) là trách nhiệm của Bộ NN&PTNT, FSSP và các bên liên quan (không phải BoD và TFFMU). Tuy nhiên TFFMU và BoD cần phát triển kế hoạch đầu tư TFF tập trung vào nhu cầu của ngành trong chiến lược rộng hơn của ngành lâm nghiệp. TFFMU cần chủ động hơn trong công tác này.

TFFMU đưa ra lý do không tiến hành các dự án mới (và có lẽ không cố gắng để xác định các dự án mới) là không còn vốn. Theo TFFMU, kinh phí còn lại đã được cam kết hoàn toàn cho các dự án hiện có và một số những dự án mới bao gồm một phần dự án FSDP kéo dài đang trì trệ. Quan điểm của các nhà tài trợ TFF lại hoàn toàn khác. Các nhà tài trợ cho rằng vốn không sử

dụng hết sẽ được thu hồi (và có cơ chế để thực hiện điều này). Các nhà tài trợ cảm thấy rằng TFFMU nên chủ động hơn trong việc kết nối với FSSP và các bên liên quan khác cùng ngành, xác định và xử lý các dự án mới. Đoàn đánh giá lần thứ ba đồng ý và ủng hộ quan điểm này.

Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
TFFMU nên đảm nhận một vai trò chủ động hơn trong việc kết nối với FSSP và các bên liên quan khác, và xác định các dự án mới phù hợp với trọng tâm chiến lược ngành. TFFMU nên sau đó, như là một vấn đề cấp bách, xem xét tất cả các dự án hiện hành và thực hiện các bước để giảm các cam kết TFF, qua đó giải phóng thêm vốn có thể được sử dụng ở nơi khác. Đồng thời, TFF nên tham khảo ý kiến với các đối tác và đặc biệt thông qua FSSP để xác định những dự án ngắn hạn phù hợp có thể được tài trợ và thông qua Hội đồng quản lý quỹ. TFFMU cần làm việc chặt chẽ với các nhà tài trợ TFF về vấn đề này.	TFFMU	Cuộc họp BoD lần tới

3.2.4 Định hướng tương lai của danh mục dự án TFF

Biên bản ghi nhớ hiện thời về TFF sẽ kết thúc cuối năm 2012. Đến thời điểm đó TFF phải được sát nhập vào VNFF dưới hình thức nào đó (xem Chương 4).

Ước tính vốn tiềm năng có thể dành cho đầu tư mới được trình bày trong Bảng 7. Các nhà tài trợ TFF cam kết tổng số khoảng 31 triệu euro. Tổng cộng có 28 triệu euro được phân bổ cho 29 dự án cho đến nay nhưng mới chỉ có 22 triệu euro đã giải ngân (tính đến tháng 8/2011). Như vậy vẫn còn khoảng 2,8 triệu euro chưa được phân bổ có thể sử dụng. Với tỉ lệ sử dụng vốn hiện tại của các dự án trong danh mục, khoảng 6,3 triệu euro đã phân bổ cho các dự án nhưng sẽ không được sử dụng và do đó có thể dành cho những đầu tư/dự án tiếp theo. Theo Bảng 7, tỉ lệ sử dụng vốn là 60% và như vậy sẽ giải phóng khoảng 2,5 triệu Euro trong tổng số 5,3 triệu euro sẽ có.

Bảng 7. Ước tính vốn tiềm năng có thể sử dụng

Chi tiết		Số tiền (Euro)	Vốn tiềm năng (Euro)
Tổng cam kết của các nhà tài trợ cho TFF	a	30.923.558	
Tổng vốn đã phân bổ cho các dự án	b	28.108.889	
Vốn chưa phân bổ có thể sử dụng	c = a - b		2.814.669
Tổng số tiền đã giải ngân (8/2011)	d	21.786.934	
Vốn đã phân bổ chưa giải ngân	e = b - d	6.321.955	
Dự kiến tỉ lệ sử dụng vốn 60%	f = e * 60%	3.793.173	
Vốn tiềm năng đã phân bổ không sử dụng	g = e - f		2.528.782
Tổng vốn sẵn có và tiềm năng sẽ có			5.343.451

Như đã đề cập ở trên (Mục 3.2.3), TFFMU cần khẩn trương đánh giá bao nhiêu vốn sẽ không được sử dụng và thực hiện các bước để hạn chế phân bổ thêm vốn. Sau đó TFFMU sẽ có thể lên kế hoạch cho các dự án mới trong 15 tháng còn lại của Biên bản ghi nhớ.

TFF đã đề xuất ba dự án mới với tổng giá trị 3,6 triệu euro như thể hiện trong Bảng 7. Những các dự án đó đều phù hợp với các ưu tiên của TFF và được hỗ trợ. Vẫn có khả năng sẽ còn dư nhiều triệu Euro từ nguồn vốn 9 triệu euro đã phân bổ mà sẽ không được sử dụng.

Bảng 8: Những dự án được đề nghị giai đoạn 2011 - 2012

TT	Tên dự án	Loại dự án	Tình trạng	Kinh phí euro
1	Tăng cường Lâm nghiệp cộng đồng tại Việt Nam	Dự án đầy đủ	Ban thẩm định họp tháng 8, VNFOREST đang hoàn thiện tài liệu dự án để phê duyệt.	1.600.000
2	Điều tra, đánh giá tình hình quản lý, sản xuất để hỗ trợ cho phát triển, chính sách quản lý và đề xuất định hướng phát triển cho các công ty lâm nghiệp	Dự án đầy đủ	Đang chuẩn bị đề xuất để gửi BoD	550.000
3	Dự án Phát triển ngành lâm nghiệp - (FSDP) mở rộng	Dự án đầy đủ	WB chậm quyết định do thay đổi tỉ giá	1.450.000 (2 triệu USD)
Tổng số:				3.600.000

Ưu tiên bổ sung có thể sử dụng kinh phí này được đề nghị dưới đây.

- Trọng tâm chính của danh mục dự ánTFF sẽ phải là tích cực hỗ trợ (với vốn đầu tư nếu có thể) sự phát triển của một VNFF tập trung và khả thi, tận dụng tất cả các kiến thức và kinh nghiệm của TFF. Điều này có thể bao gồm hỗ trợ cho các nghiên cứu cũng như phát triển các công cụ, thủ tục... Một nghiên cứu có khả năng hữu ích là nghiên cứu những khả năng cho loại quỹ như vậy và phát triển các chiến lược, dự án có thể, nguồn vốn đầu tư. Điều này có thể sử dụng tốt các kiến thức, kinh nghiệm và công cụ được TFF phát triển, và hỗ trợ sáng kiến quan trọng của Bộ NN&PTNT mang tính quan trọng chiến lược đối với ngành lâm nghiệp.
- Một nghiên cứu về việc thực hiện và phát triển chiến lược của VFDS. Đây sẽ là một dạng tái tập trung của VFDS sau khoảng 5 năm thực hiện và sẽ cung cấp một cơ sở hữu ích cho việc lập kế hoạch chiến lược cho VNFF/TFF. Nhu cầu về vấn đề này đã được thảo luận trong mục 2.2 và 2.5. Điều này có thể liên kết với công việc của FORMIS
- Cũng sẽ là hữu ích để cung cấp hỗ trợ cho các sáng kiến để phát triển chuỗi giá trị lâm sản ngoài gỗ quy mô nhỏ và liên kết các hộ nhỏ với thị trường để cải thiện thu nhập hộ gia đình. FSSP cũng có vai trò xác định các dự án tiềm năng và hỗ trợ các sáng kiến như vậy. Điều này có thể liên kết đến dự án đề xuất thứ hai trong Bảng 8.

Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
Lĩnh vực trọng tâm cho TFF trong suốt 15 tháng còn lại của Biên bản ghi nhớ cần bao gồm sự phát triển của một VNFF có cơ sở vững chắc và mạnh với sự sát nhập TFF. Cần coi đây là một lĩnh vực đầu tư để xây dựng một VNFF vững mạnh với hỗ trợ cho nghiên cứu, công cụ v.v. TFF cần cung cấp kiến thức và kinh nghiệm cho cán bộ VNFF. Lộ trình chi tiết xem Phụ lục 4. Ngoài các dự án đang thực hiện và 3 dự án TFFMU đã đề xuất, các dự án mới có thể bao gồm nghiên cứu về các chiến lược VFDS và hỗ trợ các sáng kiến phát triển chuỗi giá trị lâm sản ngoài gỗ	TFFMU đưa ra kế hoạch, BoD quyết định	Cuộc họp BoD lần tới

3.3 Đánh giá tổng quan về hoạt động

Phần này dựa trên các cuộc thảo luận nói trên và các thông tin khác để đánh giá hoạt động của TFF trong năm tiêu chí đánh giá được quốc tế công nhận⁹: phù hợp, hiệu quả, hiệu suất, tác động và tính bền vững. Công cụ và danh mục dự ánTFF đầu tiên được xem xét một cách riêng rẽ, rồi xem xét cùng nhau cùng nhau để đưa ra đánh giá tổng thể. Thang đánh giá được sử dụng là dựa trên thang đánh giá của Ngân hàng Thế giới công nhận gồm 6 cấp độ¹⁰.

⁹ "Các điều khoản trong đánh giá và quản lý dựa trên kết quả", OECD (DAC, 2002)

¹⁰ (1) Rất tốt, không có yếu điểm, (2) Tốt, có yếu điểm nhỏ, (3) Trung bình, có yếu điểm trung bình, (4) Trung bình kém, với yếu điểm đáng kể, (5) Kém, với yếu điểm lớn, (6) Rất kém, yếu điểm rất lớn.

3.3.1 Tính phù hợp

"Tính phù hợp" liên quan đến TFF phù hợp như thế nào với lợi ích và các chính sách ưu tiên của các bên liên quan. Các khía cạnh khác nhau của TFF có thể được xem xét.

Mục tiêu: Các mục tiêu của TFF (gắn kết, xóa đói giảm nghèo, hài hoà và hướng tới VNFF) đã và đang còn phù hợp với lợi ích của các nhà tài trợ, chính phủ và người dân sinh sống dựa vào lâm nghiệp của Việt Nam.

Bản chất của TFF: cơ chế thu hút vốn phù hợp với lợi ích của nhà tài trợ nhưng trở nên phù hợp do thay đổi chính sách và ưu tiên của các nhà tài trợ. Dự định tập trung chiến lược và mức độ linh hoạt trong quỹ giải quyết nhu cầu thực tế trong việc triển khai VFDS.

Quyền sở hữu: TFF được thành lập và hoạt động thuộc Bộ NN&PTNT và do đó có quyền sở hữu của Bộ NN&PTNT rất rõ ràng. Điều này phù hợp với Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ.

Danh mục dự án: Tất cả các dự án TFF đã hỗ trợ thực hiện VFDS theo những cách khác nhau. Một số dự án đã trực tiếp giải quyết các nhu cầu cộng đồng sinh sống dựa vào lâm nghiệp cũng như các mối quan tâm đến môi trường của các bên liên quan.

Kết luận tổng thể là TFF rất phù hợp đối với đa số các bên liên quan. Khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa VNFF vào hoạt động với các mục tiêu tương tự thì phiên bản hiện tại của TFF không còn thích hợp hoặc phù hợp. Do vậy mục đích là mang kiến thức, kinh nghiệm và các chức năng tích hợp vào VNFF.

3.3.2 Hiệu quả

"Hiệu quả" liên quan đến các nguồn lực đầu vào (vốn, chuyên môn, thời gian...) đã được sử dụng như thế nào để sản xuất đầu ra. Điều này liên quan rất nhiều đến giá trị đồng tiền, thời gian... thường là so sánh với những lựa chọn thay thế.

Chi phí hoạt động của TFFMU khoảng 3% (khoảng 0,4 triệu euro trên tổng vốn đã giải ngân 13,3 triệu euro). Các dự án đồng tài trợ có thêm chi phí quản lý/hành chính 3% (FLITCH/ADB) và 2,3% (FSDP/WB). Chi phí như vậy là chấp nhận được và tương đối thấp so với mức chung quốc tế.

Như đã nói ở trên, TFFMU quản lý quỹ hàng ngày một cách hợp lý có thẩm quyền và kịp thời, nhưng có những hạn chế trong một số lĩnh vực. Những hạn chế đó liên quan chủ yếu là theo dõi, giám sát đánh giá dự án, báo cáo, lập kế hoạch chiến lược và khởi tạo các dự án mới.

Quỹ TFF đã được sử dụng tại các dự án và đã xây dựng tổng cộng 42 công cụ khác nhau liên quan đến chính sách như Nghị định, Quyết định, Thông tư, các chiến lược, cẩm nang, hướng dẫn, chương trình đào tạo (xem phụ lục 8). Những sản phẩm đó thường không phải là rất tốn kém và cho giá trị rất tốt với đồng tiền bỏ ra.

Các kết quả đầu ra của danh mục dự án TFF cho kết quả đầu ra quan trọng nhất của "đầu tư" TFF về mức độ đầu tư. Các dự án đã hoạt động kể từ lần đánh giá thứ hai tháng 6/2009 được đánh giá bằng cách sử dụng các báo cáo của dự án và TFF, bao gồm các Báo cáo đánh giá kết thúc dự án được đánh giá độc lập cho các dự án hoàn thành. Điều này bao gồm các thông tin từ nhóm nghiên cứu thực hiện đánh giá giữa kỳ của dự án FLITCH tại cùng một thời điểm với đoàn đánh giá TFF lần thứ ba. Phân tích này được tóm tắt trong Phụ lục 4. Đánh giá độc lập của Báo cáo đánh giá kết thúc dự án hoặc các thành tích kết quả đầu ra của dự án trong khuôn khổ ngân sách được duyệt và kết thúc đúng thời hạn đã được sử dụng đánh giá hiệu quả tổng thể cho từng dự án đạt mức "trung bình" (mức trung bình theo cấp độ đánh giá của WB), "cao" hoặc "thấp". Thang đánh giá 3 cấp độ này được sử dụng để phù hợp với các đánh giá trước đây và của TFFMU như bảng sau.

Bảng 9: Xếp xỉ tương đương mức đánh giá hiệu quả khác nhau

Cấp WB	Yếu kém	TFFMU	Đoàn đánh giá lần 3
(1) Rất tốt	Không	1. Rất tốt	
(2) Tốt	Nhỏ	2. Tốt	1. Hiệu quả cao
(3) Trung bình	Trung bình	3. Trung bình	2. Hiệu quả trung bình
(4) Trung bình kém	Đáng kể	4. Kém	4. Hiệu quả thấp
(5) Kém	Lớn		
(6) Rất kém	Rất lớn		

Việc xếp hạng hiệu quả đối với các dự án đang hoạt động đã được sử dụng để cập nhật các đánh giá hiệu quả của đoàn đánh giá TFF lần thứ hai đối với phần lớn các dự án (xem Phụ lục 5). Số lượng các dự án có hiệu quả thấp, trung bình hoặc cao được trình bày trong Bảng 9.

Bảng 9 cho thấy rằng 51% của tổng giá trị tài trợ cho đến nay đã được phân bổ cho các dự án đánh giá là hiệu quả thấp. Đó là các dự án PPFP đã bị đình chỉ và dự án FLITCH với một đánh giá giữa kỳ không thuận lợi. Giá trị cao của dự án FLITCH (và FSDP) áp đảo đánh giá dựa trên giá trị tài chính. Dự án FLITCH đã có một sự chậm trễ và khởi động rất khó khăn, bị ảnh hưởng bởi các vấn đề quản lý và triển khai, và bây giờ là bắt đầu đạt được một số kết quả đầu ra/kết quả (xem Bảng 6) do đó các kết quả đầu ra và hiệu quả tổng thể dự án cũng có thể được cải thiện. Tuy nhiên, nếu xem xét về mặt số lượng các dự án thì kết quả tốt hơn, với 15 dự án (71%) được đánh giá là “trung bình” và 4 dự án (19%) được đánh giá là trên mức trung bình.

Bảng 10: Số dự án, giá trị tiền và hiệu quả

Hiệu quả	Số dự án	% giá trị	Giá trị (euro)	Lũy kế giải ngân	Vốn chưa giải ngân	% giải ngân
Cao	4	3%	1,024,092	1,012,884	11,208	99%
Trung bình	15	46%	14,105,367	11,760,286	2,345,081	83%
Thấp	2	51%	15,487,755	8,785,770	6,701,985	57%
	21	100%	30,617,214	21,558,940	9,058,274	70%

Xem đánh giá toàn bộ các dự án từ 2004 tại Phụ lục 5.

Rõ ràng rằng hoạt động của TFF và thực hiện các dự án TFF nói chung đã theo kế hoạch, nhưng đã có một số hạn chế. Do tính chất tiên phong của TFF và khó khăn tương đối trong việc triển khai dự án, đặc biệt là các dự án lớn đồng tài trợ, hạn chế có thể được đánh giá là trung bình và hiệu quả tổng thể là “trung bình”.

3.3.3 Hiệu suất

"Hiệu suất" liên quan đến các mục tiêu kết quả hoặc mục đích đạt được ở mức độ nào. Những thành tựu chính của "mục tiêu cụ thể" và "mục đích" chung của TFF được tóm tắt trong Bảng 10. TFF không có các chỉ số cho các mục tiêu này.

Bảng 11: Thành tích của TFF đạt “mục tiêu cụ thể” và “mục đích”

Mục tiêu của TFF	Thành tích chính
Mục tiêu cụ thể	
(1) Gắn kết hỗ trợ ODA chặt chẽ hơn với các ưu tiên đã xác định trong Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam (2006 - 2020).	Nhìn chung đạt - TFF đóng vai trò chủ đạo với sự phát triển của VFDS. - Tất cả các dự án tài trợ của TFF là phù hợp và đã góp phần vào chương trình khác nhau của VFDS (Bảng 1)

Mục tiêu của TFF	Thành tích chính
	Mặc dù TFF chỉ chiếm khoảng 20% ODA của ngành lâm nghiệp, có khả năng nhiều chương trình, dự án phát triển sẽ gắn kết theo theo khuôn khổ VFDS (được phát triển với tài trợ TFF và các nguồn khác).
2) Cải thiện hiệu quả công tác xóa đói giảm nghèo bằng cách hướng hỗ trợ ODA cho ngành lâm nghiệp	Đạt một phần nhưng khó đánh giá - Một số dự án TFF đã có các thành phần trực tiếp nhằm mục tiêu cải thiện sinh kế, giảm nghèo - TFF đã có một số ảnh hưởng các nhà tài trợ khác của ngành lâm nghiệp thông qua FSSP nhưng có vẻ như không chắc rằng điều này sẽ mang lại các nhà tài trợ khác trong ngành (80% vốn ODA của ngành) - VFDS (được TFF hỗ trợ) quan tâm chương trình xóa đói giảm nghèo và có ảnh hưởng đến việc thiết kế nhiều dự án nhận tài trợ ODA
(3) Hải hòa hoá việc chuyển vốn ODA cho ngành lâm nghiệp thông qua giảm chi phí giao dịch của Chính phủ Việt Nam	Đạt một phần TFF nhìn chung thành công trong việc hải hòa sử dụng ODA từ các nhà tài trợ, nhưng chỉ có khoảng 20% vốn ODA cho ngành lâm nghiệp. Số lượng các nhà tài trợ TFF đã giảm từ 4 xuống còn 2 chủ yếu là vì những lý do liên quan đến thay đổi chính sách của nước tài trợ
(4) Đóng vai trò là mô hình thử nghiệm để đúc rút kinh nghiệm và bài học có ích cho việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (VNFF)	Đạt được - TFF là quỹ ủy thác tiên phong trong ngành lâm nghiệp. Chính phủ đã thành lập VNFF - Các công cụ khác nhau được phát triển bởi TFF đã được và sẽ được sử dụng để giúp VNFF phát triển công cụ riêng của mình - Bài học từ TFF cần được chủ động sử dụng để hỗ trợ sự phát triển của VNFF - TFF sẽ được sát nhập vào VNFF dưới hình thức nào đó.
Mục đích	
Nhằm tạo ra một cơ chế, chính sách và môi trường pháp lý phù hợp để hỗ trợ và thúc đẩy các hoạt động nhằm cung cấp hỗ trợ mang tính chiến lược cho việc thực thi Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam (2006 -2020)	Cơ bản đạt - Cơ chế nhận vốn TFF đã được thành lập và hoạt động - TFF hỗ trợ sự phát triển của VFDS và các văn bản chính sách và quy phạm pháp luật (tổng số 42: xem phụ lục 9) - TFF đã hỗ trợ chiến lược một phần cho việc triển khai VNFF thông qua một loạt các dự án nhưng không phải tất cả các dự án đều mang tính "chiến lược"

Việc đánh giá thành tích đạt được các mục tiêu kết quả và mục đích của các dự án TFF kể từ sau đoàn đánh giá lần thứ hai tháng 6/2009 được thực hiện bằng cách sử dụng các báo cáo TFF, báo cáo đánh giá dự án độc lập cuối cùng (đối với dự án hoàn thành) và đánh giá giữa kỳ dự án FLITCH gần đây. Điều này được tóm tắt trong Phụ lục 4. Hai dự án hoàn thành nhìn chung là thành công trong việc đạt được mục tiêu của dự án, trong khi dự án bị đình chỉ thì không đạt mục tiêu. Còn quá sớm để nói đến mục tiêu đạt được của các dự án đang thực hiện. Tuy nhiên, đối với các dự án đồng tài trợ thì không phải là quá sớm để đánh giá tiến bộ hướng tới những mục tiêu của dự án và hiểu rõ hơn các cơ chế. Mặc dù vậy các dự án đồng tài trợ chưa có kế hoạch để đánh giá như vậy.

Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
Những dự án đồng tài trợ lớn FSDP và FLITCH cần đánh giá tình hình thực hiện hướng tới đạt được kết quả và những mục tiêu tác động. Điều đó bao gồm hiểu biết rõ hơn về ý nghĩa của "tác động", những cơ chế mà qua đó đạt được tác động, và tác động đó được đánh giá thế nào. Sự hiểu biết này cần được sử dụng để "tinh chỉnh" thiết kế dự án và những chiến lược triển khai.	TFFMU FSDP FLITCH	Bắt đầu từ 2012

3.3.4 Tác động

"Tác động" liên quan đến những ảnh hưởng lâu dài hoặc dài hạn (tích cực hay tiêu cực) được sản sinh (trực tiếp hoặc gián tiếp, mong muốn hoặc không mong muốn). Điều này thường liên quan đến mục đích hay mục tiêu tổng thể, nhưng tác động đôi khi cần phải được "giải thích".

Mục tiêu tổng thể của TFF là *"quản lý rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học để đạt được:*

- a) bảo vệ môi trường,*
- b) cải thiện sinh kế của người dân sinh sống tại các khu vực phụ thuộc vào rừng,*
- c) tăng cường đóng góp của ngành lâm nghiệp vào nền kinh tế*
- d) tăng cường đóng góp của ngành lâm nghiệp trong giảm thiểu và thích ứng biến đổi khí hậu"*

Đó là những tác động mức độ cao mà các cộng đồng và các dự án liên quan đến lâm nghiệp cần đóng góp. Bảng 4 tóm tắt đánh giá các dự án hoạt động kể từ lần đánh giá thứ hai tháng 6/2009. Mặc dù các dự án nói chung đóng góp vào các mục tiêu tổng thể, những mục tiêu đó thường quá cao để có thể đánh giá (ngay cả đối với các dự án đã hoàn thành), và quá sớm để đánh giá đối với các dự án đang thực hiện. Như khuyến nghị bên trên, hai dự án lớn đồng tài trợ FSDP và FLITCH cần thực hiện đánh giá sự tiến độ hướng tới đạt được các mục tiêu kết quả và tác động. Thiết kế dự án đôi khi chỉ định những mục tiêu ở mức độ rất cao mà thực tế không thể đánh giá được. Các dự án nên hiểu và xác định mục tiêu có ý nghĩa và tác động có thể đánh giá được. Một khi cơ chế này được hiểu thì dễ dàng hơn để xem liệu dự án có hoạt động tốt hay không và do đó có khả năng đạt được mục tiêu của mình và có ảnh hưởng lâu dài. Điều đó cũng giúp dễ dàng hơn để xem xét nếu dự án không hoạt động tốt và có những hành động khắc phục cần thiết.

Xem xét TFF như một cơ chế góp vốn, có thể nhìn thấy những nơi mà các khía cạnh của TFF sẽ có những lợi ích (tác động) lâu dài.

- TFF đã hỗ trợ sự phát triển của một số lượng lớn các công cụ chính sách và chiến lược (Nghị định, Quyết định, Thông tư, chiến lược, hướng dẫn, chương trình đào tạo...) phần lớn đã được phê duyệt và thực hiện (xem Phụ lục 8). Hỗ trợ đó bao gồm cả VFDS và các công cụ hỗ trợ triển khai VFDS. Những hỗ trợ đó sẽ mang lại lợi ích lâu dài.
- TFF đã đi tiên phong trong việc phát triển của một quỹ ủy thác cho ngành lâm nghiệp. Điều này đã hỗ trợ sự phát triển quỹ VNFF của Bộ NN&PTNT mà TFF sẽ nhập vào. Điều này sẽ mang lại lợi ích và tác động lâu dài.
- Nhiều dự án được TFF tài trợ đã đóng góp theo cách khác nhau để mang lại lợi ích sinh kế cho người dân, rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường... ngay cả khi những lợi ích đó khó đo lường hoặc chưa được đánh giá. Một ví dụ về những cải thiện sinh kế được đưa ra trong Hộp 1.

Hộp 1: Câu chuyện về cải thiện sinh kế của dự án FSDP

Gia đình ông Nguyễn Xuân Bách, huyện Hiệp Đức tỉnh Quảng Nam

Ông Bách 68 tuổi là chủ hộ gia đình với vợ (các con làm việc xa nhà).

- Ông được vay 12 triệu đồng từ Ngân hàng Chính sách Xã hội để trồng 1,2 ha rừng keo. Ông dùng 8 triệu mua phân bón và thuê nhân công trồng keo. Ông tiết kiệm được 4 triệu do tự bỏ sức lao động để trồng keo. Ông dùng 4 triệu đầu tư gia cầm cải thiện cuộc sống và kiếm tiền để trả lãi vay.
- Ước tính sau 6 năm ông có thể thu hoạch 120 tấn keo, giá 600.000 đồng/tấn, thu về 72 triệu đồng. Thu nhập này cao so với thu nhập từ sản xuất nông nghiệp của các hộ khác không tham gia trồng rừng.

Gia đình ông tham gia chương trình phủ xanh đồi trọc từ năm 2008, với 1,2 ha. Ông vay được 12 triệu từ dự án trồng rừng.

Trước khi tham gia dự án phần lớn thu nhập của gia đình là từ lúa trồng trên 1.000 m² ruộng cho thu nhập 7,2 triệu đồng/năm.

Với sự hỗ trợ của dự án, ông được cán bộ khuyến lâm hướng dẫn sau đó ông có thể tự trồng rừng theo

đúng kỹ thuật (trồng, chăm sóc, bảo vệ môi trường)

Lợi ích:

- Nhận thức của nhân dân về vai trò của rừng trong phát triển kinh tế đã được cải thiện
- Bởi vì mọi người đang quan tâm đến trồng rừng, vì vậy áp lực việc bảo vệ rừng trong khu vực giảm.
- Đối với những người, vay vốn để đầu tư vào trồng rừng có hiệu quả hơn nhận được ngân sách cấp như các dự án khác của Chính phủ được áp dụng bởi vì mọi người nhận thức được trách nhiệm đối với khoản vay của mình

Hạn chế:

- Thiếu nhân công trồng và bảo vệ rừng
- Không dễ chọn loại cây trồng thích hợp cho trồng rừng bền vững
- Thị trường đầu ra cho sản phẩm rừng không bền vững (chủ yếu là cho các sản phẩm keo)

Hộp 2: Câu chuyện Nhóm quản lý rừng cộng đồng từ dự án Lâm Đồng

6 Nhóm quản lý rừng (FMG) đã được thành lập dưới sự lãnh đạo chung của Phó Chủ tịch UBND xã và Phó giám đốc của FMU. Các thành viên khác của nhóm (và trách nhiệm của họ) bao gồm:

- Trưởng trạm bảo vệ rừng/trạm kiểm lâm - *Phó trưởng nhóm*
- Trưởng thôn - *Trưởng nhóm tự quản*
- Cán bộ địa chính - *thư ký*
- Cán bộ dân tộc xã - *Các vấn đề về chính sách dân tộc*
- Hội phụ nữ thôn và kế toán xã (có tư cách pháp nhân để giao dịch với ngân hàng) - *Quản lý tín dụng*
- Trưởng công an xã, dân quân xã - *quản lý trật tự xã hội*
- Già làng (người có uy tín trong làng) - *Trợ lý trưởng nhóm*
- Hội Nông dân (một số thành viên nhiệt tình) - *khuyến nông*

Trong một số làng của dự án, người dân địa phương tham gia bảo vệ rừng cũng là thành viên của FMG. FMG tổ chức các cuộc họp hàng quý để xem xét các hoạt động và xác định các khu vực quản lý rừng trong tương lai. Các cuộc họp hàng tháng cũng được tổ chức giữa Kiểm lâm và những người dân địa phương tham gia bảo vệ rừng, mục đích của các cuộc họp này là để xem xét việc thực hiện và bảo vệ kế hoạch hoạt động trong tương lai và các chiến dịch nâng cao nhận thức

FMG đã tăng cường phối hợp công tác bảo vệ rừng giữa người dân địa phương và các cơ quan có thẩm quyền, tuy nhiên FMG vẫn chưa tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia rộng hơn của người dân địa phương trong các hoạt động khác của FMU.

Dự án hỗ trợ công tác quản lý FMG 7 euro/tháng/người. Số tiền này sẽ không có trong trường hợp không có dự án, vì vậy có thể làm giảm tính bền vững của các nhóm.

Lợi ích:

- Bền vững: lôi kéo chính quyền và dân địa phương vào công tác quản lý rừng
- Giảm chi phí bảo vệ rừng
- Rừng tự nhiên được người dân địa phương bảo vệ

3.3.5 Bền vững

"Bền vững" liên quan đến việc tiếp tục những lợi ích sau khi kết thúc tài trợ. Những lợi ích nói chung liên quan đến các kết quả và tác động.

Cách thức mà đầu ra chính, kết quả và lợi ích do tác động mang lại có tính bền vững được thảo luận dưới đây.

- TFF đã được thành lập, hoạt động và sẽ được sát nhập vào VNFF của Bộ Nông nghiệp và PTNT bằng cách này hay cách khác. TFF đóng vai trò rất hữu ích cho việc thành lập VNFF các thông qua việc là một quỹ ủy thác tiên phong trong ngành lâm nghiệp, xây dựng kinh nghiệm về quản lý và sử dụng quỹ ủy thác, và thông qua việc sử dụng trực tiếp các công cụ TFF để tạo ra các công cụ cho VNFF. TFF không có ý định tiếp tục mà sẽ được sát nhập vào VNFF. Hỗ trợ cho sự phát triển và sát nhập vào VNFF sẽ là trọng tâm chính của TFF trong 15 tháng tới.

- TFF hỗ trợ sự phát triển và nhiều chính sách khác và các văn bản chsinh sách và quy phạm pháp luật của VFDS (tổng số 42: xem phụ lục 8). Những văn bản đó cơ bản đã được phê duyệt đưa vào sử dụng và những lợi ích sẽ được bền vững. Trực tiếp quan trọng nhất là sự đóng góp cho VFDS mà đã trở thành định hướng chiến lược cho ngành lâm nghiệp.
- Các dự án khác nhau được hỗ trợ bởi TFF đã tạo ra một số kết quả đầu ra và các loại lợi ích khác nhau cho sinh kế, phát triển rừng, bảo tồn, đào tạo và năng lực, chính sách và chiến lược phát triển... Một số những lợi ích này sẽ bền vững lâu dài và một số thì không.

Về nhiệm vụ của TFF thì cơ bản có thể nói TFF đã được thiết lập, hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ của mình, và bây giờ là lúc bước vào giai đoạn tiếp theo cùng với VNFF. TFF cũng đã đóng góp vào sự phát triển của VFDS và đóng góp đó sẽ vẫn còn cùng với các lợi ích và tác động trên khắp Việt Nam. Đồng thời, đầu tư TFF đã hỗ trợ một số dự án khác nhau mang lại một số lợi ích ngắn hạn và lâu dài cho các bên liên quan khác nhau bao gồm các hộ gia đình nông thôn. Một số những lợi ích này sẽ được bền vững.

3.3.6 Kết luận, các yếu tố thành công và hạn chế

TFF được thành lập vào năm 2004 và hoạt động thành công đến thời điểm hiện tại. TFF đã đạt được nhiều thành tích về mặt quỹ ủy thác tiên phong cho ngành lâm nghiệp, hỗ trợ sự phát triển của VFDS và hỗ trợ tổng cộng 29 dự án có quy mô và loại hình khác nhau. Các dự án này đã góp phần bằng những cách khác nhau để thực hiện VFDS và phát triển ngành lâm nghiệp, và một số đã mang lại lợi ích quan trọng đối với người dân nông thôn mà sinh kế phụ thuộc vào lâm nghiệp. Hoạt động chung và danh mục dự án của TFF đã được đánh giá (về các mặt phù hợp, hiệu quả, tác động, hiệu quả và bền vững) ở mức "trung bình". Điều này có nghĩa là có thiếu sót "vừa phải" trong thành tích của TFF để đạt được mục tiêu, hiệu quả, và những thiếu sót đó cần được được giải quyết.

Các **yếu tố thành công** chính của TFF được tóm tắt dưới đây. Những vấn đề này đã được thảo luận trong báo cáo.

- Có nhu cầu rõ ràng và dễ hiểu cho TFF như là một cơ chế góp vốn với một mức độ linh hoạt và tập trung chiến lược để hỗ trợ việc thực hiện VFDS. Có một số lĩnh vực mà cơ chế, cơ cấu quản lý, kinh nghiệm và năng lực làm cho TFF rất phù hợp.
- TFF có một cấu trúc thể chế đơn giản (BoD và TFFMU) với vai trò và trách nhiệm rõ ràng.
- TFF đã phát triển (theo thời gian) các kênh trao đổi thông tin không chính thức và mức độ minh bạch và tính linh hoạt trong quá trình ra quyết định. Điều này có phần khác với các thủ tục thông thường vốn quan liêu hơn.
- TFF có tài liệu toàn diện và tốt bằng văn bản để hướng dẫn thực hiện dự án (Cẩm nang vận hành và quản lý quỹ và các hướng dẫn, định mức chi phí...).
- Quyền sở hữu: TFF rõ ràng là thuộc sở của Bộ NN&PTNT. Điều này cho phép liên kết chặt chẽ các bộ phận khác nhau và các dự án trên khắp Việt Nam và cho phép TFF đóng góp trực tiếp vào quá trình lập kế hoạch chiến lược của Bộ NN&PTNT.
- TFF cũng đã liên kết chặt chẽ và đóng góp cho FSSP, và học hỏi từ diễn đàn thảo luận chính sách và chiến lược gồm nhiều bên liên quan. Điều này cũng tạo điều kiện liên kết với một số các hoạt động của ngành lâm nghiệp và các nhà tài trợ tiềm năng. Tuy nhiên mối liên kết đã giảm sau khi tách khỏi FSSP và có thể được củng cố.
- TFF đã có uy tín tương đối cao trong ngành lâm nghiệp.

Các **hạn chế chính** của TFF được tóm tắt dưới đây. Những vấn đề này đã được thảo luận trong báo cáo

- Khó khăn để phát triển một kế hoạch chiến lược cho TFF. Điều này phản ánh nhận thức khác nhau về trọng tâm chiến lược thích hợp nhất cho TFF, đặc biệt là giữa các nhà tài trợ TFF và Bộ NN&PTNT. Điều đó đã dẫn đến một số khác biệt trong quan điểm và chậm trễ trong việc đưa ra quyết định.

- Khó khăn để xây dựng một danh mục dự án vững mạnh với sự có mặt của các dự án mới phù hợp với một chương trình thống nhất với một chiến lược tập trung vào lĩnh vực lâm nghiệp. Điều đó chứng tỏ khó khăn thực tế trong việc tìm kiếm các dự án mới phù hợp. TFFMU cần phát triển một kế hoạch chiến lược và chủ động hơn.
- Khó khăn để phát triển mạnh M&E với một loạt các dự án khác nhau với sự hiểu biết thường yếu về M&E và xây dựng không tốt các chỉ số.
- Các vấn đề về báo cáo. Chất lượng không đồng đều của các báo cáo M&E từ các dự án làm cho việc tổng hợp báo cáo trở nên khó khăn. Cách "lọc" báo cáo này kết hợp với một xu hướng tự nhiên để "làm mềm" các vấn đề quan trọng dẫn đến báo cáo không đáp ứng tất cả các bên liên quan và đặc biệt là các nhà tài trợ TFF.
- Các vấn đề của hai dự án đồng tài trợ chiếm gần 69% vốn TFF. Các vấn đề chính liên quan đến khởi động chậm và kết quả giải ngân chậm, M&E, báo cáo, và đóng góp hiệu quả để giám sát và hướng dẫn cho các dự án.
- Cam kết vốn cho các dự án chậm giải ngân: Điều này có nghĩa rằng vốn không thể được sử dụng cho đầu tư/dự án khác, hay nói cách khác là việc sử dụng kém các nguồn lực. Một cơ chế đang được phát triển để "giải phóng" TFF khỏi cam kết đối với các dự án này, nhưng cần thời gian và không làm việc hoàn hảo.
- Tương lai không chắc chắn. Biên bản ghi nhớ lần thứ hai muốn TFF dùng kinh nghiệm để hỗ trợ thành lập VNFF. Điều này đã chuyển thành việc TFF "sát nhập" vào VNFF. Các hoạt động của VNFF là chậm và không rõ ràng và hình thức "sát nhập" là không rõ ràng. Tương lai của TFF khi kết thúc Biên bản ghi nhớ lần hai vào năm 2012 cũng không rõ ràng. Sự không chắc chắn là không tốt cho hầu như tất cả các loại hình tổ chức.

4 TƯƠNG LAI CỦA TFF TRONG VNFF

4.1 Bối cảnh

4.1.1 Sự thành lập VNFF

Về giải pháp về chính sách và pháp luật để thực hiện, Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020 nêu rõ (Phần 4, Chương I):

Đẩy mạnh công tác định giá rừng làm cơ sở cho các giao dịch về rừng. Xây dựng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng của trung ương và địa phương từ các nguồn vốn khác nhau (vốn ngân sách, vốn ODA, các phí dịch vụ môi trường, tín dụng các-bon, du lịch sinh thái, khoản thu xử lý các vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, các đóng góp khác) và có cơ chế quản lý, sử dụng hợp lý quỹ này

Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam nêu rõ cần xây dựng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng. Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05 tháng 02 năm 2007.

VNFF được thành lập theo Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/1/2008 về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng theo đề nghị của Bộ NN&PTNT. Nghị định nêu rõ, “trong trường hợp điều ước hoặc thoả thuận quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước hoặc thoả thuận quốc tế đó” (Mục 2, Điều 1)

Theo Nghị định 05, VNFF sẽ có hai loại quỹ: Quỹ Trung ương và Quỹ cấp tỉnh. Nguồn tài chính của Quỹ Trung ương sẽ được ngân sách nhà nước hỗ trợ ban đầu của đồng 100 tỷ đồng (~ 5 triệu USD) trong vòng hai năm kể từ ngày thành lập Quỹ. Ngoài ra nguồn thu của Quỹ Trung ương còn từ các khoản tự nguyện đóng góp tài chính và tài trợ từ các tổ chức quốc tế và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Các nguồn tài chính của Quỹ cấp tỉnh phải đến từ ngân sách tỉnh hỗ trợ vốn ban đầu khi thành lập của Quỹ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức hỗ trợ theo thẩm quyền. Ngoài các khoản “đóng góp bắt buộc” từ các tổ chức tư nhân và công chúng khai thác tài nguyên rừng trực tiếp hoặc gián tiếp (như Chi trả dịch vụ hệ sinh thái (PES), Chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) và REDD), còn đóng góp tự nguyện và đóng góp tài chính từ các tổ chức quốc tế và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và cả hỗ trợ từ Quỹ Trung ương

Các nhiệm vụ chính của VNFF là: (i) Vận động, tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, uỷ thác của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, (ii) Tổ chức thẩm định, xét chọn chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định hỗ trợ đầu tư, (iii) Hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án

Về tư cách pháp lý, Quỹ là một tổ chức tài chính Nhà nước, chịu sự quản lý của Bộ NN&PTNT. Trách nhiệm của Bộ NN&PTNT căn cứ vào Nghị định 05 là:

- Ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Trung ương và Điều lệ mẫu hoạt động Quỹ cấp tỉnh;
- Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ Trung ương;
- Phê duyệt dự toán, quyết toán hàng năm của Quỹ Trung ương;
- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của Quỹ Trung ương và Quỹ cấp tỉnh;
- Được Chính phủ ủy quyền thực hiện đàm phán và ký kết các thoả thuận hỗ trợ tài chính song phương với các nhà tài trợ quốc tế cam kết đóng góp cho Quỹ theo quy định của pháp luật;

- Hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình hoạt động và kết quả thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án của cả hệ thống Quỹ Trung ương và Quỹ cấp tỉnh

Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

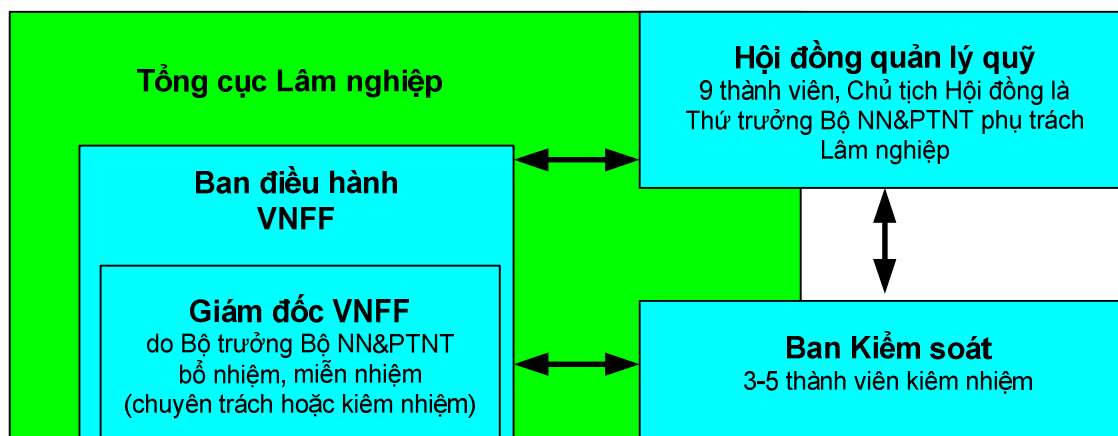
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ ở cấp mình theo Điều lệ mẫu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và phù hợp với quy định của pháp luật.
- Chỉ đạo, kiểm tra Quỹ trong việc huy động, đóng góp bắt buộc, tài trợ nguồn tài chính cho Quỹ cấp tỉnh.
- Triển khai và giám sát chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được hỗ trợ từ Quỹ Trung ương và Quỹ cấp tỉnh trên địa bàn.
- Chỉ đạo cơ quan Quỹ ở cấp tỉnh lập dự toán, quyết toán thu, chi Quỹ và thực hiện chế độ báo cáo cho Ủy ban nhân dân, cơ quan tài chính cùng cấp và Quỹ Trung ương

Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ có một số chức năng hỗ trợ, giám sát và có các đại diện là ủy viên Hội đồng quản lý quỹ.

Căn cứ Nghị định 05, Bộ NN&PTNT đã ban hành những quyết định sau:

1. Quyết định số 114/2008/QĐ-Bộ NN&PTNT ngày 28/11/2008 thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam “để thực hiện chức năng huy động, tiếp nhận và quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính cho hoạt động bảo vệ và phát triển rừng theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP”
 - a. T₂ cách pháp lý của VNFF: “Quỹ là một tổ chức tài chính Nhà nước, chịu sự quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”
 - b. Hội đồng quản lý quỹ VNFF đã soạn thảo Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và trình Bộ NN&PTNT phê duyệt. Bộ NN&PTNT đã có Quyết định số 128/2008/QĐ-Bộ NN&PTNT ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam
2. Sau đó Bộ NN&PTNT ra Quyết định 111/2008/QĐ-BNN ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh với các quy định:
 - a. Quyền nhận được tài trợ từ các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định trong Nghị định 05/2008/NĐ-CP Nghị định của Chính phủ, Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác.
 - b. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và bộ máy điều hành
 - c. Hội đồng quản lý Quỹ có thể ủy quyền cho bộ máy điều hành thực hiện hỗ trợ từ kinh phí VNFF
3. Quyết định số 128/2008/QĐ-BNN của Bộ NN&PTNT Ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam
 - a. Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam
 - b. VNFF có Hội đồng quản lý Quỹ (BoD), Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ, Bộ máy điều hành quỹ.

Hình 3: Tổ chức bộ máy quản lý quỹ VNFF



Ngoài ra Bộ NN&PTNT đã ban hành:

- Quyết định số 1518/QĐ-BNN-TC về định mức tạm thời cho VNFF

Quan sát:

Những gì đã thực hiện và chưa thực hiện liên quan đến sự thành lập VNFF?

Căn cứ vào Nghị định 05, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thành lập VNFF ở cấp trung ương, nhưng VNFF chưa hoạt động đầy đủ. Giám đốc, phó giám đốc và kế toán VNFF đã được bổ nhiệm, nhưng chưa tuyển dụng đủ nhân viên cho VNFF. Kinh phí hoạt động để thành lập và đưa Quỹ vào hoạt động chưa được nhận, và vẫn còn có một số hướng dẫn và quyết định cần được ban hành trước khi Quỹ có thể hoạt động thành công.

VNFF ở cấp tỉnh đã được thành lập trong Sở NN&PTNT. Đã có hai chương trình thí điểm hoạt động trong hai tỉnh (tỉnh Lâm Đồng và Sơn La) với nguồn vốn từ thu phí dịch vụ môi trường

Căn cứ Nghị định 05, nhà nước sẽ cấp kinh phí hỗ ban đầu trong 2 năm sau khi thành lập VNFF nhưng phải bảo toàn vốn nhà nước cấp ban đầu. Mặc dù Nghị định 05 nêu ngân sách sẽ cấp vốn ban đầu thông qua Bộ tài chính, trong cuộc gặp với Bộ tài chính thì được biết nguồn vốn ban đầu của VNFF chưa được đưa vào ngân sách hàng năm. Vụ Tài chính Bộ NN&PTNT cho đoàn đánh giá lần thứ ba biết là đã đưa vào kế hoạch đề nghị ngân sách nhà nước cấp 50 tỉ năm 2012 và 50 tỉ năm 2013 cho VNFF. Đây là vốn ban đầu cần thiết để VNFF hoạt động.

Nghị định 05 cũng ghi ngân sách nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ vốn ban đầu khi thành lập. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Theo thông tin đoàn đánh giá lần thứ ba thu được, cho đến nay chưa có quỹ VNFF cấp tỉnh nào nhận được vốn hỗ trợ ban đầu từ UBND tỉnh.

4.1.2 Tương lai của TFF – sát nhập vào VNFF?

Như đã đề cập trong Biên bản ghi nhớ ngày 18/3/2009, sau 2012 TFF sẽ chấp nhận cơ chế phù hợp nhất để sát nhập hoặc hòa nhập vào VNFF. Bộ NN&PTNT sẽ cung cấp nhân lực và cơ chế phù hợp để cho phép các bài học kinh nghiệm từ TFF được chuyển giao cho VNFF và năng lực được nâng cao thông qua các hoạt động thực tế hàng ngày của TFF. Quá trình và cơ chế nhập TFF vào VNFF sẽ tuân thủ lộ trình do TFFMU đề nghị để thảo luận và quyết định.

Báo cáo của TFF cho giai đoạn 2004-2010 có viết:

Hiện tại VNFF bao gồm một HĐQT Quỹ và HĐQTNV Quỹ gồm một giám đốc và một kế toán. Trong thời gian xem xét các phương án khác nhau, một phương án đó là giám đốc tương lai của VNFF đồng thời cũng là giám đốc của TFF. Hai nhóm đang cùng tồn tại, một nhóm có trách nhiệm cụ thể liên quan đến TFF và một nhóm độc lập là VNFF. Tới nay VNFF đã học hỏi được rất nhiều từ TFF hiện tại đặc biệt về quy chế, nhiệm vụ và chức năng của HĐQT Quỹ và

CQĐHNV Quỹ, bài học kinh nghiệm, đã áp dụng quy chế và Cẩm nang vận hành và quản lý Quỹ. Một thông tư liên Bộ giữa Bộ Tài chính và Bộ NN&PTNT hiện đang được chuẩn bị.

TFF sẽ được sáp nhập vào VNFF vì cả hai quỹ đều có chung mục đích đóng góp vào việc thực hiện CLPTLVN 2006-2020 và tuân theo Tuyên bố chung Hà Nội. HĐQT Quỹ đã đồng ý với khuyến nghị sáp nhập TFF vào VNFF theo cách mà chủ sở hữu, các nguyên tắc và quy chế vận hành cũng như cán bộ TFF vẫn giữ nguyên. Mục đích là để sử dụng vốn nhiều nhất có thể và áp dụng các quy trình và thủ tục quản lý đang được TFF và các dự án do TFF tài trợ cho VNFF sử dụng

4.1.3 Các cơ chế tài trợ khác nhau cho VNFF

Quy định về nguồn vốn quỹ có sự khác biệt đáng kể giữa quỹ trung ương và quỹ cấp tỉnh: Quỹ trung ương sẽ được nhận vốn ban đầu 100 tỷ đồng (khoảng 5 triệu USD) từ ngân sách nhà nước thông qua Bộ NN&PTNT. Ngoài ra, quỹ trung ương có trách nhiệm tiếp nhận đóng góp từ nguồn vốn ODA và các nguồn trong và ngoài nước khác bao gồm các quỹ đã tồn tại như TFF và VCF.

Quỹ cấp tỉnh cũng được vốn ban đầu không xác định từ Ủy ban nhân dân tỉnh và các khoản đóng góp tự nguyện từ các nguồn trong nước và nước ngoài, cũng như vốn hỗ trợ từ Quỹ Trung ương. Quỹ cấp tỉnh có quyền thu các đóng góp bắt buộc (như PES và PFES)

TFF có các phương thức tài trợ khác nhau mà VNFF có thể áp dụng về kinh phí đóng góp tự nguyện từ nguồn vốn ODA và các nguồn trong và ngoài nước; cấp vốn trực tiếp hay đồng tài trợ.

Ưu điểm và hạn chế của các phương thức tài trợ khác nhau của VNFF:

Loại dự án	Ưu điểm	Hạn chế
Cấp vốn trực tiếp	- Chuẩn bị và triển khai nhanh, đáp ứng nhanh - Nhiều khả năng giám sát hơn - Giảm chi phí giao dịch - Điều phối tốt hơn	Cần nhiều thời gian và nỗ lực cho giai đoạn thiết kế
Đồng tài trợ	Cần ít thời gian và nỗ lực cho giai đoạn thiết kế vì nhà tài trợ chính đảm đương	- Chậm chuẩn bị và triển khai, đáp ứng chậm - Chi phí giao dịch cao vì ngoài chi phí quản lý dự án còn phải trả chi phí hành chính cho nhà tài trợ/tổ chức chính - Điều phối thông qua nhà tài trợ chính

4.2 Các phương án, ưu điểm và hạn chế

Có một số phương án như trình bày sau đây. Phương án thứ hai chỉ có khả năng trong điều kiện VNFF hoạt động hoàn toàn.

- Phương án 1: TFF tiếp tục là Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp độc lập.
- Phương án 2: TFF hòa nhập hoàn toàn vào trong VNFF.
- Phương án 3: TFF được sáp nhập vào VNFF như là một cửa sổ thu nhỏ, hay “cửa sổ tài chính” bên dưới ô của VNFF.

4.2.1 TFF tiếp tục là Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp độc lập (Phương án 1)

Với phương án này, TFF tiếp tục như đang tồn tại hiện nay. Tuy nhiên, căn cứ vào chiến lược của các nước tài trợ thì phương án này không thực tế, vì để TFF hoạt động sẽ cần tài trợ ODA của các tổ chức quốc tế hoặc đóng góp từ các nguồn trong nước. Cho đến nay cả TFF cũng như Bộ NN&PTNT chưa thu hút được nhà tài trợ mới để hỗ trợ TFF trong tương lai. Hiện tại chỉ có hai nước hỗ trợ TFF trong năm 2011, và TFF mới chỉ nhận được tiền từ một nước tài trợ.

Nếu TFF được tiếp tục hoặc gia hạn thì điều này có nghĩa là gia hạn Biên bản ghi nhớ hiện tại hoặc ký kết một Biên bản ghi nhớ mới với các nhà tài trợ.

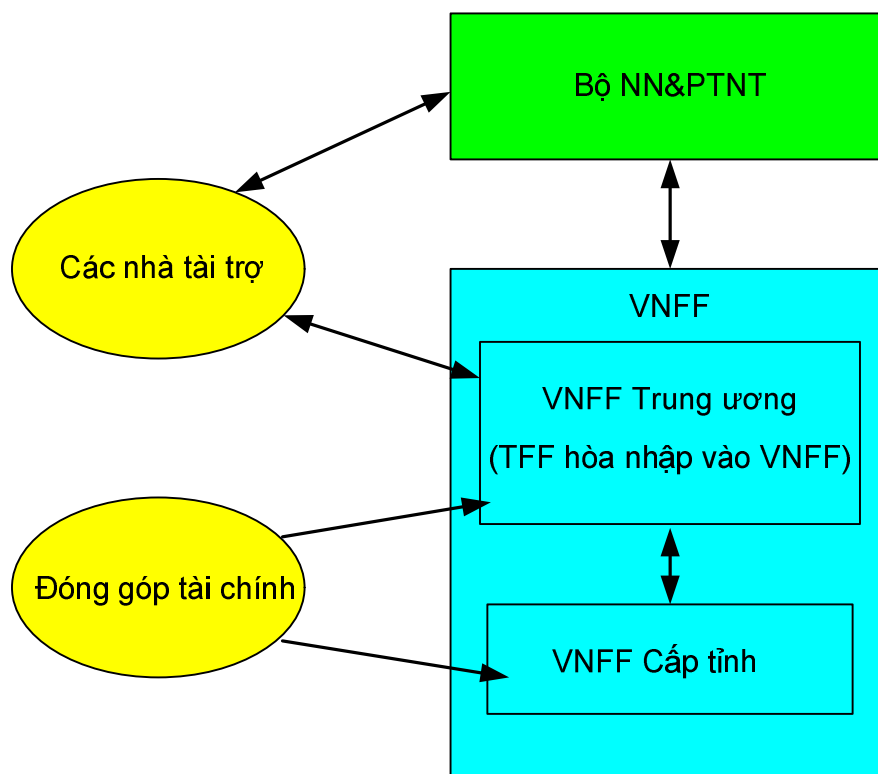
Ưu điểm và Nhược điểm của lựa chọn này, TFF tiếp tục là Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp độc lập:

- Ưu điểm:
 - Đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm, có sẵn chính sách và hướng dẫn để tiếp tục hỗ trợ ngành lâm nghiệp
 - Có chế nhận vốn có sẵn cho các nhà tài trợ để hỗ trợ ngành lâm nghiệp thông qua TFF.
- Nhược điểm:
 - Các nhà tài trợ chưa thỏa mãn hoàn toàn với một số mặt hoạt động của TFF như báo cáo, giám sát đánh giá, giám sát dự án...
 - Khó thuyết phục các nhà tài trợ là cơ chế nhận vốn của TFF được quản lý tốt và hiệu quả: những cố gắng thu hút thêm nhà đầu tư mới chưa thành công.

4.2.2 TFF hòa nhập vào VNFF hoạt động (Phương án 2)

Phương án này đòi hỏi VNFF hoạt động hoàn toàn. TFF hòa nhập vào VNFF và không còn tồn tại như một tổ chức độc lập.

Hình 4: TFF hòa nhập vào VNFF hoạt động



- Ưu điểm:
 - Hỗ trợ ưu tiên ngành lâm nghiệp
 - Cho phép các bên tham gia vào quản lý vốn
 - Sử dụng các công cụ sẵn có của TFF

- Nếu TFF hoạt động như là một bộ phận trong VNFF, TFF có thể độc lập phần nào và có thể được tiếp tục như một quỹ ủy thác để thu hút nhà tài trợ nhằm hỗ trợ ngành lâm nghiệp
- Học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm giữa cán bộ TFF và VNFF có giá trị lớn đối với nhân viên mới của VNFF.
- Nhược điểm:
 - Chưa thấy sự quan tâm của chính phủ đối với một VNFF hoạt động làm việc và hiệu quả; cho đến nay vẫn chỉ là Nghị định 05 và một số quyết định được ban hành, nhưng vẫn không phải là hướng dẫn chi tiết về hoạt động của các quỹ ở cấp trung ương và cấp tỉnh.
 - Vốn ngân sách nhà nước cần có trong vòng hai năm (Nghị định 05 ban hành năm 2008) 100 tỷ đồng theo Nghị định này chưa được Bộ Tài chính đưa vào ngân sách hàng năm.
 - Sẽ có một số hạn chế trong quản lý vì sẽ có định mức chi phí khác nhau và quyền lợi của nhân viên TFF và VNFF trong cùng một chiếc ô

4.3 Kết luận và khuyến nghị về các phương án

Phương án 2 “TFF hòa nhập hoàn toàn vào trong VNFF” là thực tế nhất nếu không có bất kỳ xác nhận tài trợ từ ngân sách Nhà nước hoặc nguồn khác (quốc tế, các khoản thanh toán trong nước hoặc bắt buộc như PES).

Tuy nhiên, nếu VNFF có một khả năng thực tế để thu hút các nhà tài trợ quốc tế, cơ quan quản lý quỹ cần phải khẳng định với các nhà tài trợ là công tác theo dõi, báo cáo giám sát, và kế toán là đầy đủ và đáng tin cậy. Điều này có thể là một “cửa sổ TFF” tài trợ đặc biệt cùng với các quy tắc và quy định của TFF sẽ được áp dụng (là phương án 3). Nó sẽ có giá trị lớn đối với VNFF cho loại hình cửa sổ tài trợ để thu hút vốn của các nhà tài trợ. Ngoài ra điều đó còn quan trọng đối với nhân dân trong tỉnh để đảm bảo rằng VNFF đang hoạt động đầy đủ theo quy định với kiểm soát nội bộ và các khoản tiền đóng góp của người dân được sử dụng đúng mục đích (để đạt được kết quả mong muốn, kết quả và tác động mà người dân sẵn sàng chi tiền, thay vì không biết tiền của mình đi đâu mất). Một điều đặc biệt quan trọng là tất cả các hệ thống, thủ tục, các công cụ tốt và đã được chứng minh do phát triển và sử dụng TFF phải được tiếp tục được áp dụng vào VNFF. Điều quan trọng là các nhà tài trợ hiện hành tính đến điều này và hoàn thành Biên bản ghi nhớ sẽ kết thúc vào năm 2012. Tập trung chính của năm 2012 lúc đó sẽ là hỗ trợ TFF hòa nhập vào VNFF. Có thể coi đây là giai đoạn “kết thúc” của TFF.

Nếu Hội đồng quản lý quỹ TFF, Bộ NN&PTNT và FSSP sẵn sàng để TFF tiếp tục như một đơn vị độc lập/quỹ phụ trong VNFF, quyết định này phải được thực hiện trong năm 2011. Nếu quyết định là tiếp tục TFF như một đơn vị độc lập/quỹ phụ trong VNFF năm 2012 thì công việc thu hút các nhà tài trợ quốc tế và thực hiện một “kế hoạch tiếp thị” các hoạt động phải được đưa vào trong kế hoạch công tác và ngân sách năm 2012. Điều này sẽ bao gồm (i) biên soạn câu chuyện thành công TFF, (ii) nhắm mục tiêu những vấn đề ưu tiên TFF thuộc lĩnh vực mà hỗ trợ ODA đang gia tăng trong lâm nghiệp, đặc biệt là biến đổi khí hậu, lâm nghiệp hướng tới REDD, và (iii) tiếp tục quảng bá tổ chức hội thảo, quảng cáo trao đổi kinh nghiệm (từ TFF) và nhấn mạnh cả Bộ NN&PTNT và các nhà tài trợ TFF hiện tại gửi một thông điệp rõ ràng rằng khuyến khích các đối tác mới để góp phần hướng tới việc đạt được các các mục tiêu VFDS bao gồm biến đổi khí hậu, có thể trong một quỹ REDD.

Khuyến nghị	Đối với	Thời gian
Để có một Quỹ TFF hoạt động thực tế trong tương lai, Quỹ TFF phải là một phần của Quỹ VNFF. Để Quỹ VNFF hoạt động đầy đủ, các điều kiện tối thiểu là phải có bảo đảm từ ngân sách nhà nước ban đầu cho chi phí hoạt động của Quỹ VNFF	Bộ NN&PTNT	Cần có trong kế hoạch VNFF cuối 2011
TFF có các hình thức tài trợ riêng như viện trợ trực tiếp (chủ yếu pha I) và đồng tài trợ (chủ yếu pha II). Trong tương lai cách hiệu quả và chi phí hiệu quả nhất là có cả hai phương thức tài trợ đó trong VNFF đặc biệt là đối với những nhà tài trợ trong nước và quốc tế.	VNFF và Bộ NN&PTNT	Cần có trong kế hoạch VNFF cuối 2011
Đoàn đánh giá lần thứ ba khuyến nghị cần có “giai đoạn kết thúc” vào năm 2012 khi TFF sẽ được sát nhập vào VNFF và quá trình này có thể được hỗ trợ bởi các nhà tài trợ hiện thời. Nguồn vốn đó có thể coi là một phần thuộc Biên bản ghi nhớ lần hai được ký giữa chính phủ Việt Nam, và các nhà tài trợ sẽ kết thúc vào cuối năm 2012. Do sự chậm trễ trong quá trình thành lập VNFF và chuẩn bị cho quỹ này hoạt động hoàn toàn, chưa thể thực hiện sát nhập ngày TFF vào VNFF trong năm 2011.	TFFMU đưa ra kế hoạch và ngân sách, BoD quyết định	Cuộc họp BoD lần tới
Đoàn đánh giá lần thứ ba muốn chỉ ra rằng điều kiện để các nhà tài trợ hỗ trợ “giai đoạn kết thúc” là chính phủ Việt Nam cam kết thực hiện nghĩa vụ của mình đối với các bước cần thực hiện để quỹ VNFF hoạt động hoàn toàn. TFF cùng với VNFF, hợp tác với Bộ NN&PTNT, cần chuyển bị kế hoạch và ngân sách cho “giai đoạn kết thúc”	Bộ NN&PTNT, BTC, Bộ KHĐT	Cuộc họp BoD cuối năm 2011 hoặc đầu 2012
TFF nên rà soát và tăng cường kế hoạch tiếp thị của mình và tham gia tích cực hơn nữa trong việc tự quảng bá và tiếp thị để thu hút các nhà tài trợ. Điều này nên bao gồm thường xuyên cập nhật trang web của FSSP/TFF. Các trang web sẽ có ích cho việc tiếp thị của Quỹ TFF nếu được cập nhật thường xuyên, và cũng được tiếp thị hơn với thông tin về những câu chuyện thành công cũng như là tài liệu tham khảo về các dự án hoàn thành tốt, nhấn mạnh cách làm việc của Quỹ TFF làm việc (thủ tục đáng tin cậy, tuân thủ thông lệ quốc tế cũng như các quy định của Chính phủ Việt Nam). Nếu TFFMU không có kinh phí cho công tác này, thì cũng cần có sự quan tâm của FSSP và Bộ NN&PTNT để đóng góp vào việc cập nhật và tạo ra một trang web TFF hấp dẫn. Đối với những nhà tài trợ có thể đóng góp cho VNFF, điều quan trọng là bổ sung trên trang web này thông tin về việc thành lập VNFF và nhấn mạnh sự tiếp tục của các thủ tục TFF trong VNFF.	TFFMU Bộ NN&PTNT	Thực hiện ngay
Đoàn đánh giá lần thứ hai khuyến nghị TFF sẽ được sát nhập vào VNFF vào giữa năm 2011 theo phương án 2 với TFF là một đơn vị độc lập/cửa sổ tài chính bên dưới ô VNFF. Đoàn đánh giá lần thứ ba ủng hộ khuyến nghị của đoàn đánh giá lần thứ hai với ý nghĩa là sẽ có hai đội ngũ nhân viên, một đội TFF có trách nhiệm với các nhiệm vụ cụ thể liên quan đến TFF, và đội (độc lập) VNFF. Hơn nữa, điều này phù hợp với quan điểm của BoD đối với việc sát nhập TFF vào VNFF là giữ nguyên quyền sở hữu, quy định, nguyên tắc hoạt động và nhân viên của TFF. Đoàn đánh giá lần thứ ba cho rằng đây sẽ là một lựa chọn tài trợ như một cửa sổ tuân thủ các quy tắc và các quy định quốc tế nghiêm ngặt như trong TFF. Đây cũng sẽ là một cơ hội đối với các Quỹ ủy thác khác như VCF và có thể là một quỹ quốc gia REDD để tích hợp trong VNFF như là một "cửa sổ" tương tự đối với tài trợ từ các nhà tài trợ quốc tế và quốc gia. Do sự chậm trễ trong quá trình hội nhập của TFF trong VNFF (vì những lý do như đã nói ở trên), thời gian thực tế nhất đối với sát nhập sẽ vào cuối năm 2012. Lộ trình sát nhập trong Hình 6 dưới đây	BoD	Cuộc họp BoD lần tới
Cần phải lập kế hoạch chi tiết và ngân sách năm dựa trên lộ trình trong bảng dưới đây cũng như lộ trình do TFFMU chuẩn bị (Phụ lục 11)	TFFMU	Cuộc họp BoD lần tới

4.4 Các lộ trình về hành động cần thực hiện

Lộ trình theo đoàn đánh giá lần thứ hai:

Đoàn đánh giá lần thứ ba đã đánh giá sự tiến bộ với lộ trình do đoàn đánh giá lần thứ hai đưa ra và điều này được trình bày trong hình 6. Như có thể thấy trong hình 6, một số các hoạt động được thực hiện vẫn còn chưa thực hiện hay đang tiếp diễn, nhưng một số đã được triển khai thực hiện.

Hình 6: Thực hiện lộ trình do Đoàn đánh giá lần hai khuyến nghị sát nhập TFF vào VNFF

Hoạt động	Thời gian cho các hoạt động quá trình sát nhập										Ghi chú
	Q3-2009	Q4-2009	Q1-2010	Q2-2010	Q3-2010	Q4-2010	Q1-2011	Q2-2011	Q3-2011	Q4-2011	
TFF tiếp tục											TFF vẫn tiếp tục
Hội thảo chuẩn bị sát nhập											Chưa
Sát nhập qua MoU giữa Chính phủ VN và các nhà tài trợ (hoặc quyết định của BoD)											Đã thực hiện (BoD họp 15/7/2009)
Lập tổ công tác chuẩn bị các thủ tục (OM, PIM) của VNFF											Đang thực hiện
Hội thảo hoàn thiện thủ tục											Chưa
Thông qua nguyên tắc và thủ tục											Đang thực hiện
Lựa chọn địa điểm											Đã thực hiện
Tuyển cán bộ											Đang thực hiện
Huy động văn phòng và tổ chức											Đang thực hiện
Tiếp tục các hoạt động TFF sau khi sát nhập với VNFF											BoD đã đồng ý

Lộ trình theo đoàn đánh giá TFF lần thứ ba:

Mặc dù một số các hoạt động để sát nhập TFF vào VNFF đã được thực hiện, có vẫn còn hoạt động phải được thực hiện để VNFF hoạt động đầy đủ, và để TFF sát nhập và hoạt động trong VNFF. Lộ trình do đoàn đánh giá lần thứ ba chuẩn bị trong hình 7 bao gồm các hành động chính cần được thực hiện theo đánh giá của chúng tôi.

Để biết thêm chi tiết về các hành động cần thực hiện, xem lộ trình của TFFMU trong Báo cáo TFF 2004-2011 tháng 5/2011 tại Phụ lục 11 của báo cáo này.

Hình 7: Lộ trình do Đoàn đánh giá lần thứ ba khuyến nghị sát nhập TFF vào dưới ô VNFF

Hoạt động	Thời gian cho các hoạt động quá trình sát nhập									Trách nhiệm
	Q4-2011	Q1-2012	Q2-2012	Q3-2012	Q4-2012	Q1-2013	Q2-2013	Q3-2013	Q4-2013	
50 tỉ được duyệt cho ngân sách 2012										BTC, KHĐT Bộ NN&PTNT
50 tỉ được duyệt cho ngân sách 2013										BTC, KHĐT, Bộ NN&PTNT
Kinh phí nhà nước cấp cho quỹ cấp tỉnh										Sở NN&PTNT
Tuyển dụng cán bộ cho VNFF										Bộ NN&PTNT
Ban hành sổ tay hoạt động quỹ trung ương và cấp tỉnh										Bộ NN&PTNT VNFF TƯ Sở NN&PTNT
Chọn địa điểm làm việc										Bộ NN&PTNT VNFF
Huy động văn phòng và tổ chức										Bộ NN&PTNT VNFF
Tiến hành các hoạt động VNFF ở trung ương và địa phương										Bộ NN&PTNT VNFF, Sở NN
TFF hòa nhập vào VNFF (nếu không có vốn cho TFFMU)										TFFMU cùng VNFF
Tiếp tục các hoạt động TFF như một bộ phận độc lập dưới ô VNFF (phụ thuộc vào nguồn vốn cho TFFMU)										TFFMU cùng VNFF

Các đặc điểm kỹ thuật của hướng dẫn hoạt động cấp trung ương và cấp tỉnh cần thiết để VNFF hoạt động là:

- Hướng dẫn cách đầu tư vốn ban đầu để kiếm được lợi nhuận và lợi nhuận cần được sử dụng ra sao
- Các tỷ lệ và cơ chế để thu thập những đóng góp “giống như thuế” (ví dụ như PES, PFES) cần được Bộ NN&PTNT cùng phối hợp với Bộ Tài chính xác định
- Xây dựng các quy định cụ thể để xác định cụ thể các nhóm đối tượng hưởng lợi đủ điều kiện tại các khu vực ảnh hưởng
- Thông tin chi tiết của phương thức báo cáo và giám sát cần được xác định trong các quy định của Quỹ.
- Các thủ tục được áp dụng tại các Quỹ cấp tỉnh phải được UBND tỉnh hoặc Sở NN&PTNT là chủ sở hữu quỹ ban hành.
- Thông tin chi tiết về tổ chức và hoạt động của Ban điều hành Quỹ VNFF ở cấp quốc gia phải được quy định cụ thể.

4.5 Rủi ro

Ngoài việc theo dõi các khuyến nghị từ Báo cáo đánh giá rủi ro ủy thác được thực hiện trong năm 2007 và phần 3.1.1, đoàn đánh giá lần thứ ba đã thực hiện một đánh giá tổng thể của những rủi ro hiện tại của TFF được xem xét khi VNFF là hoàn toàn được thành lập và hoạt động.

Bảng 12: Định nghĩa rủi ro ủy thác và các mức độ rủi ro

Rủi ro ủy thác	Rủi ro khi quỹ: - không được sử dụng đúng mục đích; - không đạt được giá trị đồng tiền; - Không được báo cáo đúng.
Các mức độ rủi ro	Nghiêm trọng, Lớn, Trung bình, Nhỏ, Không đáng kể.

Bảng 13: Ảnh hưởng: hậu quả của rủi ro

Mức	Mô tả	Tiêu chuẩn xếp hạng
1	Không đáng kể	- Tác động tiêu cực không đáng kể với sự ổn định tài chính tổng thể của tổ chức - Không có tác động về uy tín
2	Nhỏ	- Hậu quả có thể được giải quyết với tác động tối thiểu - Khả năng ảnh hưởng đến uy tín
3	Trung bình	- Hậu quả có thể được giải quyết trong quá trình hoạt động bình thường - Có một số ảnh hưởng về uy tín
4	Lớn	- Hoạt động mang lại thiệt hại đáng kể - Ảnh hưởng uy tín ngắn hạn
5	Nghiêm trọng	- Hoạt động có khả năng mang lại tổn thất lớn và tai hại - Giảm sút uy tín nghiêm trọng

Bảng 14: Đánh giá rủi ro

Loại rủi ro	Đánh giá rủi ro ủy thác (2007)		Hiện trạng	
	Đánh giá	Mức rủi ro	Đánh giá	Mức rủi ro
Pháp lý/ tuân thủ	Chậm trễ trong việc phê chuẩn	Nhỏ	Chậm trễ trong việc ra quyết định và thông tư để VNFF được hoạt động đầy đủ <u>Hành động cần thực hiện:</u> - Thường xuyên liên lạc với các Vụ có liên quan của Bộ NN&PTNT (Pháp chế, Kế hoạch) - Thường xuyên liên lạc với FSSP thông qua BoD của VNFF - Chủ động định kỳ tiếp xúc với những người chịu trách nhiệm ban hành văn bản (quyết định, thông tư) để thúc đẩy	Lớn
Quy trình quản lý/ kế hoạch chiến lược	Nhiệm vụ, mục tiêu và ưu tiên không rõ ràng. Không kịp thời điều chỉnh mục tiêu và ưu tiên TFF khi cần thiết	Trung bình	Vẫn không có thủ tục sửa đổi, ví dụ: kịp thời sửa đổi, bổ sung quy hoạch dự án khi phát hiện thiếu sót. Cũng sẽ có ảnh hưởng đến uy tín và các thành tựu của VNFF <u>Hành động cần thực hiện:</u> - Thường xuyên đối thoại với các bên liên quan liên quan - Kịp thời thực hiện các ý kiến và khuyến nghị	Lớn
Quy trình quản lý / giám sát Chiến lược	Giám sát không hiệu hướng tới đáp ứng các mục tiêu của TFF	Lớn	Một số thay đổi được thực hiện, ví dụ: có kế hoạch giám sát hàng năm. Vẫn cần cải thiện M&E trong vùng dự án. Điều này cũng hợp lệ cho VNFF hoạt động đầy đủ <u>Hành động cần thực hiện:</u> - TFF tuân thủ nghiêm chính sách M&E và đặc biệt là tăng cường giám sát thực địa - Báo cáo định kỳ M&E về các vấn đề và phát hiện chính được đưa vào Báo cáo hoạt động năm và Báo cáo tài chính năm	Trung bình
Kế toán và báo cáo	Danh mục dự án nghèo nàn	Trung bình	Cải tiến đã được thực hiện trong năm 2010 và 2011. Cần chú trọng báo cáo chính xác cũng như quá trình M&E trong TFF. Hết sức khuyến nghị xem xét cho cả VNFF. <u>Hành động cần thực hiện:</u> - Báo cáo kiểm toán hoạt động của các dự án - Báo cáo rõ ràng và minh bạch về thành công cũng như hạn chế và	Trung bình

Loại rủi ro	Đánh giá rủi ro ủy thác (2007)		Hiện trạng	
			điểm yếu • Báo cáo tài chính cho các bên liên quan bao gồm cả chi phí thực tế cho các thành phần chính của dự án và so sánh với ngân sách dự án • Đối với vấn đề cải thiện M&E xem phần trên	
Quy trình quản lý nguồn lực	Thiếu nhân sự phù hợp và năng lực tại các vị trí chủ chốt tại TFF và các dự án	TFF: rủi ro nhỏ Dự án: Rủi ro lớn	Đã có một số cải thiện, tuy nhiên vẫn chưa tuyển được Cố vấn Tài chính Cần lưu ý khi tuyển dụng nhân viên cho VNFF <u>Hành động cần thực hiện:</u> • Kế hoạch tuyển dụng • Đào tạo nhân viên • Quyền lợi mang tính cạnh tranh • Các cán bộ do Bộ NN&PTNT tập trung cho TFFMU	TFF: Trung bình Dự án: Lớn

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam (2006-2020) của Chính phủ (2007): ban hành kèm theo quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 5/2/2007 của Thủ tướng Chính phủ). Văn phòng thủ tướng, Nước CHXHCN Việt Nam.

Chính phủ Việt Nam (2005) Tuyên bố Hà Nội về sự hài hòa và hiệu quả của vốn hỗ trợ. Nhóm tư vấn trung hạn, Chính phủ Việt Nam, Hà Nội

VNFOREST (tháng 3, 2011) Lâm nghiệp Việt Nam: giới thiệu về lâm nghiệp và ngành lâm nghiệp tại Việt Nam. Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam, Bộ NNPTNT, Hà Nội, VN

Kế hoạch phát triển và bảo vệ rừng Việt Nam 2011-2020, Bộ NNPTNT (2011). Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam

Hồ sơ thành lập và hoạt động của TFF:

Bản ghi nhớ chung về thành lập và quản lý Quỹ tín thác lâm nghiệp: 2004-2007 (giai đoạn chuyển giao) Bộ NNPTNT (3 tháng 3, 2004)

Bản ghi nhớ chung hỗ trợ Quỹ tín thác Lâm nghiệp của nước CHXHCN VN, Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam (18 tháng 3, năm 2009)

Quy định về quản lý và sử dụng Quỹ tín thác lâm nghiệp, Bộ NNPTNT (2009) (ban hành kèm theo quyết định số 2646 / QĐ-BNN-LN ngày 21/9/2009 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT), Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam.

Hướng dẫn và cẩm nang hoạt động quỹ tín thác Lâm nghiệp (ban hành kèm theo quyết định số 1602/QĐ-BNN-LN ngày 15/6/2010 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT)

Báo cáo dựa vào kết quả của TFF, TFFMU (tháng 4, 2010): format báo cáo và công cụ quản lý. BQL TFF, Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam.

Cẩm nang thực hiện dự án, Bộ NNPTNT (tháng 9, 2007). Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo TFF:

Báo cáo năm TFF 2009, BQL TFF (tháng 5, 2010), Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo TFF cho giai đoạn 2004-2010, TFFMU (tháng 5, 2011), Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo năm TFF 2010, TFF MU (tháng 6, 2011) Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam.

Kế hoạch công tác năm của BQL TFF 2011, Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam

Công ty Ernst & Young (tháng 5, 2009), báo cáo kiểm toán tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, TFF

Công ty Ernst & Young (15/5/2010), TFF. Báo cáo kiểm toán tài chính, 31/12/2009.

Công ty Ernst & Young (ngày 15/5/2011), TFF, báo cáo kiểm toán tài chính, 31/12/2010.

GTZ REFAS (tháng 11,2005), tài sản phát triển – Những bài học từ việc thực hiện quỹ tín thác lâm nghiệp có nhiều nhà tài trợ & hệ thống thực hành tốt cho quản lý vốn, GTZ REFAS.

Báo cáo đánh giá TFF chính:

Bộ NNPTNT (24 tháng 3 năm 2006) Đánh giá chung Báo cáo TFF, phương án và lộ trình của các quyết định quan trọng: báo cáo cuối cùng (24 tháng 3, 2006), Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam

Indufor / VICA (30 tháng 6/2009) TFF: Báo cáo cuối cùng, đánh giá chính thứ hai, Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam.

KPMG (2/11/2007) Đánh giá rủi ro ủy thác trong quỹ tín thác lâm nghiệp.

Hồ sơ TFF:

Hồ sơ TFF cập nhật giai đoạn 2004, TFFMU (2011) - 2011.

Enters T. và Nguyễn Quang Tân (7/5/2009) chương trình thí điểm quản lý rừng cộng đồng: Báo cáo đánh giá cuối cùng. Cục Lâm nghiệp, Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam

Đoàn Diêm và Phạm Quốc Hùng (tháng 6, 2010) Báo cáo đánh giá cuối cùng: dự án: phát triển, thí điểm và thể chế hóa chương trình đào tạo quốc gia ngắn hạn về tăng cường năng lực cho các cơ quan ngành về lâm nghiệp và bảo vệ đa dạng sinh học và thực thi luật (CBBC). Cục lâm nghiệp, Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam.

Dawson T. và Đoàn Diêm (tháng 4, 2011) dự án thí điểm phương pháp tiếp cận quản lý rừng đa mục đích tại tỉnh Lâm Đồng: báo cáo đánh giá dự án cuối cùng. Cục lâm nghiệp, Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam

Bộ NNPTNT (tháng 4, 2010) Đoàn đánh giá cuối cùng Lâm nghiệp vì người nghèo (PPFP) khu vực nông nghiệp sinh thái Bắc trung bộ (NCAEZ). Cục Lâm nghiệp, Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam

ADB (tháng 8, 2010) Aide Memoire: 2269-VIE dự án Rừng để phát triển sinh kế khu vực Tây nguyên (Flitch) đoàn đánh giá vốn vay, từ 11-17 tháng 8, 2010. Ngân hàng phát triển Châu Á.

Bộ NNPTNT (tháng 12, 2008) Báo cáo giữa kỳ Dự án phát triển ngành lâm nghiệp (FSDP), Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam

Bộ NNPTNT (2010) Báo cáo tiến độ kỹ thuật và tài chính năm 2010: Rừng để phát triển sinh kế khu vực Tây nguyên (Flitch). Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam.

Bộ NNPTNT (2011) Rừng để phát triển sinh kế khu vực Tây nguyên (Flitch): báo cáo tiến độ thực hiện dự án 6 tháng đầu năm 2011. Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam.

AASC (2009) Dự án rừng để phát triển sinh kế khu vực Tây nguyên: báo cáo kiểm toán tài chính dự án giai đoạn từ 1/1/2007 đến 31/12/2008. Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán kiểm toán

AASC (2010) Dự án Rừng để phát triển sinh kế khu vực Tây nguyên: Báo cáo kiểm toán tài chính dự án cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009. Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán kiểm toán

AASC (2011) Dự án Rừng để phát triển sinh kế khu vực Tây nguyên: Báo cáo kiểm toán tài chính dự án cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010. Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán kiểm toán.

Bộ NNPTNT (21/2/2011) Báo cáo tiến độ dự án phát triển ngành lâm nghiệp năm 2010, Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam

Bộ NNPTNT (15/7/2011) Báo cáo tiến độ dự án phát triển ngành lâm nghiệp cho năm (nửa đầu) 2011. Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam

Bộ NNPTNT (12/2010) Dự án phát triển ngành lâm nghiệp, hợp phần rừng đặc dụng, Quỹ bảo tồn Việt Nam: báo cáo tiến độ dự án năm 2010, Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam.

Bộ NNPTNT (tháng 1/2011) FORMIS: Phát triển hệ thống thông tin quản lý cho ngành lâm nghiệp Việt Nam: báo cáo tiến độ năm 2010, Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam

Bộ NNPTNT (tháng 7/2011) FORMIS: Phát triển hệ thống thông tin quản lý cho ngành lâm nghiệp Việt Nam: báo cáo tiến độ một năm 2 lần, tháng 1-6/2011, Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam.

Indufor (2011, Sept) Đánh giá giữa kỳ chương trình phát triển hệ thống thông tin quản lý cho ngành lâm nghiệp Việt Nam (FORMIS)

Các quyết định từ Chính phủ và Bộ NN&PTNT về VNFF:

Bộ NNPTNT (28 tháng 11/2008) Quyết định số 114/2008/QĐ-BNN: thành lập quỹ phát triển và bảo vệ rừng Việt Nam, Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam

Bộ NNPTNT (31/12/2008) Quyết định số 128/2008/QĐ-BNN: về việc ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của quỹ phát triển và bảo vệ rừng Việt Nam(VNFF), Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam.

Chính phủ (2008) Nghị định số 05/2008/ND-CP ngày 14/1/2008, về quỹ phát triển và bảo vệ rừng. Chính phủ Việt Nam, Hà Nội.

MARD (2008, November 18) Quyết định số 111/2008/QĐ-BNN Về việc ban hành các quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển và bảo vệ rừng Việt Nam ở cấp tỉnh, Chính phủ Việt Nam, Hà Nội.

Chính phủ Việt Nam (2/12/2008) Quyết định số: 158/2008/QĐ-TTg về việc phê chuẩn chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, Chính phủ Việt Nam, Hà Nội.

Foerster E. và Fischer M. (24/8/2008) Những đóng góp của lâm nghiệp của Nhóm tư vấn GFA Việt Nam trước những thách thức của biến đổi khí hậu cấp bách

Chính phủ Việt Nam (5/9/2008) Quyết định số 2730/QĐ-BNN-KHCN về việc ban hành chương trình hành động khung thích ứng với biến đổi khí hậu cho các ban ngành liên quan trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trong giai đoạn 2008-2020, Chính phủ Việt Nam, Hà Nội.

Bộ NNPTNT (12/2010) Kế hoạch và dự toán ngân sách phát triển lâm nghiệp 5 năm từ 2011-2015, Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam.

REDD và các sáng kiến biến đổi khí hậu tại Việt Nam

Bộ NNPTNT (16/12/2009)

Quyết định số 2614 /QĐ-BNN- LN về việc thành lập nhóm làm việc và mạng lưới quốc gia về giảm phát thải từ suy thoái và phá rừng (REDD), Chính phủ Việt Nam, Hà Nội.

Bộ NNPTNT (8/3/2008) quỹ đối tác cacbon trong lâm nghiệp (FCPF), Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam.

Bộ NNPTNT (cập nhật) DOF/MARD Yêu cầu cấp vốn cho chương trình quản lý rừng bền vững và REDD quốc gia Việt Nam, Bộ NNPTNT, Hà Nội, Việt Nam

Các tài liệu khác:

DAC (2002) Bảng thuật ngữ về đánh giá và quản lý dựa vào kết quả, Ban Hỗ trợ phát triển, OECD, Pari, Pháp

Foerster E. và Fischer M. (25/8/2008) Đóng góp của lâm nghiệp cho biến đổi khí hậu cấp bách: những thách thức của Việt Nam (báo cáo được TFF ủy thác). Nhóm tư vấn GFA

Phụ lục 1: Đề cương tham chiếu

Đề cương tham chiếu (Đoàn A) Đánh giá chính lần thứ ba Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp

1. Cơ sở của đánh giá

Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (TFF) được thành lập ngày 23/6/2004 trên cơ sở Biên bản ghi nhớ được ký giữa Chính phủ Việt Nam và các Chính phủ Phần Lan, Hà Lan, Thụy Điển và Thụy Sĩ. Quỹ TFF là một cơ chế tài chính mạnh và hiệu quả huy động đóng góp của các nhà tài trợ quốc tế để thực hiện các ưu tiên của ngành lâm nghiệp trên cơ sở quản lý rừng bền vững hướng tới xoá đói giảm nghèo, giảm chi phí hoạt động phù hợp với hệ thống hành chính và kế hoạch của Việt Nam nhằm hỗ trợ thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020. Quỹ TFF nhằm:

- (1) Gắn kết hỗ trợ ODA chặt chẽ hơn với các ưu tiên đã xác định trong Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam
- (2) Cải thiện hiệu quả công tác xoá đói giảm nghèo bằng cách hướng hỗ trợ ODA cho ngành lâm nghiệp;
- (3) Hải hoà hoá việc chuyển vốn ODA cho ngành lâm nghiệp thông qua giảm chi phí giao dịch của Chính phủ Việt Nam; và
- (4) Đóng vai trò là mô hình thử nghiệm để đúc rút kinh nghiệm và bài học có ích cho việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (VNFF)

Mục tiêu tổng thể của Quỹ TFF phù hợp với Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam: “Quản lý rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học để đạt được: a) bảo vệ môi trường, b) cải thiện sinh kế của người dân sinh sống tại các khu vực phụ thuộc vào rừng, c) tăng cường đóng góp của ngành lâm nghiệp vào nền kinh tế quốc dân, và d) tăng cường đóng góp của lâm nghiệp về giảm thiểu và thích ứng biến đổi khí hậu”.

Ngày 23/6/2004 Chính phủ Việt Nam đại diện bởi Bộ NN&PTNT và đại diện các chính phủ Chính phủ Phần Lan, Hà Lan, Thụy Điển và Thụy Sĩ đã ký Biên bản ghi nhớ cho giai đoạn chuyển đổi từ tháng 6/2004 đến 31/12/2007, và kéo dài đến 31/12/2008. Ngày 18/3/2009 Biên bản ghi nhớ cho giai đoạn triển khai Quỹ TFF đã được ký giữa Bộ NN&PTNT là đại diện cho Chính phủ Việt Nam và đại diện các chính phủ Phần Lan, Hà Lan và Thụy Sĩ. Biên bản ghi nhớ này có giá trị đến hết năm 2012.

Năm 2007 cơ cấu tổ chức của TFF cũng đã được thay đổi theo cấu trúc mới như hiện nay, theo đó bao gồm HĐQT và CQĐHNQ. Chủ tịch HĐQT là Thứ trưởng Bộ NN&PTNT phụ trách ngành lâm nghiệp, các ủy viên bao gồm lãnh đạo các Vụ Hợp tác Quốc tế, Vụ Tài chính, Vụ Kế hoạch, đại diện các cơ quan liên quan khác trong Bộ NN&PTNT cùng với một đại diện của các nhà tài trợ TFF. HĐQT nắm giữ vai trò điều hành và chịu trách nhiệm đưa ra các quyết định về các dự án được tài trợ, phương hướng tổng thể đối với danh mục các dự án, tiếp nhận tài trợ và chi tiêu hàng năm của TFF. Hơn nữa, HĐQT cần phải đảm bảo rằng các nguồn vốn được sử dụng đúng theo các mục tiêu đã thống nhất trong Biên bản ghi nhớ. Văn phòng Điều phối FSSP đảm trách vai trò là CQĐHNQ và chịu trách nhiệm thực hiện các quyết định của HĐQT. Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) cung cấp Cố vấn kỹ thuật và Cố vấn tài chính hỗ trợ CQĐHNQ về các vấn đề liên quan đến quản lý quỹ và tăng cường năng lực. Các cố vấn và CQĐHNQ định kỳ trao đổi không chính thức với các bộ phận liên quan thuộc Bộ NN&PTNT cũng như với các nhà tài trợ và GIZ.

Báo cáo đánh giá chính lần thứ nhất về Quỹ TFF do Đoàn đánh giá hỗn hợp thực hiện tháng 6/2006 nhằm đánh giá những kinh nghiệm ban đầu của việc thực hiện Quỹ TFF so với các mục tiêu của Quỹ, xác định và đánh giá những cải tiến trong hoạt động của Quỹ TFF

Công ty kiểm toán KPMG Helsinki đã thực hiện Báo cáo đánh giá rủi ro (FRA) vào tháng 9/2007. Mục đích là (i) đánh giá tính chất và quy mô rủi ro của cơ chế tài trợ TFF đối với các mục tiêu, vốn có thể được phân bổ và sử dụng không hiệu quả hoặc sử dụng không vốn không đúng mục đích, và (ii) Đưa ra các khuyến nghị cụ thể dưới dạng kế hoạch quản lý rủi ro. Báo cáo đánh giá rủi ro kế luận mức tổng thể rủi ro của Quỹ TFF là vừa phải do một số yếu kém trong quản lý tài chính và các hệ thống mua sắm đấu thầu cũng như kiểm soát độc lập việc mua sắm hàng hoá và dịch vụ ở cấp độ dự án.

Tháng 5/2009 có đánh giá chính lần thứ hai Quỹ TFF được thực hiện bởi đoàn đánh giá độc lập do các nhà tài trợ Quỹ TFF tuyển chọn để đánh giá tình hình thực hiện Quỹ TFF ở cả cấp độ quỹ và cấp độ dự án, hiệu quả của cơ chế vốn Quỹ TFF và sự đóng góp vào Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam, và khuyến nghị những ưu tiên cũng như lộ trình cho tương lai của Quỹ TFF.

Các tài liệu hướng dẫn quản lý dự án và tài liệu kỹ thuật chi tiết đã được ban hành phù hợp với các nguyên tắc đã đề ra trong Biên bản ghi nhớ lần thứ nhất. Bộ NN&PTNT đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp, định mức chi tiêu cho Quỹ TFF, cẩm nang vận hành và quản lý Quỹ TFF cho cả CQĐHNH và các dự án do Quỹ TFF tài trợ.

Đến năm 2010 tổng số vốn cam kết cho Quỹ TFF là 30,92 triệu euro. Khoảng 15% (4,7 triệu) vốn ấn định được dành cho các dự án cụ thể. Số vốn Quỹ TFF đã nhận tsinh đến 31/12/2010 là 19,37 triệu euro, số tiền cam kết còn lại là 11,54 triệu euro.

Cho đến nay Quỹ TFF đang quản lý 29 dự án và hoạt động, có 26 dự án và hoạt động đã hoàn thành, 3 dự án đang tiếp tục bao gồm 2 dự án đồng tài trợ lớn là Dự án hỗ trợ phát triển ngành lâm nghiệp (FSDP) đồng tài trợ qua Ngân hàng Thế giới (WB) và Dự án Phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên (FLITCH) đồng tài trợ qua Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

Các dự án đã kết thúc sử dụng 4,42 triệu euro, số vốn cam kết cho các dự án đang thực hiện là 26,49 triệu euro, tổng vốn đã giải ngân cho các dự án tính đến 31/12/2010 khoảng 50% vốn cam kết, với 13,23 triệu euro đã giải ngân, số dư còn lại 13,23 triệu euro. Số vốn còn lại sẽ được giải ngân theo kế hoạch năm 2011 (8,13 triệu euro) và 2012 (4,43 triệu euro).

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam (VNFF) được thành lập ở cấp quốc gia theo Quyết định 114/QĐ-BNN ngày 28/11/2008 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT. Hội đồng quản lý Quỹ gồm do Thứ trưởng Bộ NN&PTNT phụ trách lâm nghiệp làm chủ tịch với các ủy viên là lãnh đạo các Vụ thuộc Bộ NN&PTNT, đại diện Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ban kiểm soát được Bộ trưởng Bộ NN&PTNT chỉ định theo đề nghị của Thứ trưởng Bộ NN&PTNT phụ trách lâm nghiệp. Giám đốc Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ do Bộ trưởng Bộ NN&PTNT chỉ định, có thể làm việc chuyên trách và không nhất thiết là cán bộ của Bộ NN&PTNT. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ VNFF bao gồm vốn tài trợ, quỹ ủy thác và các đóng góp bắt buộc bao gồm thu dịch vụ sinh thái (PES) và thu dịch vụ sinh thái rừng (PFES)

Đã có sự thống nhất Quỹ TFF sẽ được nhập vào Quỹ VNFF do cả hai quỹ này đều có chung mục tiêu đóng góp thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020 và phù hợp với Tuyên bố chung Hà Nội (HCS). Hội đồng quản lý Quỹ đã đồng ý với khuyến nghị nhập Quỹ TFF vào Quỹ VNFF nhưng vẫn giữ nguyên quyền sở hữu, quy chế, nguyên tắc hoạt động và bộ máy của Quỹ TFF. Mục tiêu là sử dụng càng nhiều càng tốt và áp dụng các quy trình và thủ tục quản lý đang được áp dụng bởi Quỹ TFF và dự án do TFF tài trợ trong quá trình phát triển các thủ tục quản lý và hoạt động của Quỹ VNFF.

Với sự cần thiết phải đánh giá lại Quỹ TFF so với các mục tiêu của quỹ và Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020 cũng như các công cụ hoạt động của quỹ, đã đến lúc cần có đánh giá chính lần thứ ba để đánh giá sự tiến bộ của Quỹ TFF và khuyến nghị làm thế nào tốt nhất để Quỹ TFF phát triển đáp ứng được những thách thức mới. Hơn nữa, trong bối cảnh chính sách ngành lâm nghiệp và sự thành lập Quỹ VNFF, bây giờ là lúc thích hợp để thực hiện đánh giá chính lần thứ ba để đưa ra hướng đi mới và tầm nhìn cho Quỹ TFF cũng như các bài học kinh nghiệm của Quỹ TFF có thể được áp dụng cho Quỹ VNFF.

2. Những mục tiêu của đánh giá chính lần thứ ba Quỹ TFF

Mục tiêu tổng thể của đánh giá chính lần thứ ba là đưa ra quan điểm nhìn từ bên ngoài một cách độc lập và khách quan, thông tin và đánh giá Quỹ TFF. Việc đánh giá được dự kiến sẽ cho phép các cơ quan có thẩm quyền (Bộ NN&PTNT và các nhà tài trợ của TFF) đánh giá liệu các phương pháp tiếp cận được lựa chọn có an toàn và bền vững, và liệu các nguồn lực của Quỹ TFF có được sử dụng một cách thích hợp và hiệu quả, và đưa ra quyết định với đầy đủ thông tin về chiến lược trong thời gian còn lại của giai đoạn thực hiện và khả năng của giai đoạn tiếp theo.

Mục đích của Đánh giá chính lần thứ ba Quỹ TFF là để hỗ trợ Bộ NN&PTNT và các nhà tài trợ Quỹ TFF nhằm:

- Xem xét vai trò Quỹ TFF đối với ngành lâm nghiệp Việt Nam bao gồm vai trò trong Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp và rà soát vai trò, lợi ích và giá trị của ngành lâm nghiệp trong bối cảnh chung của nền kinh tế Việt Nam
- Đánh giá thực hiện Quỹ TFF như cơ chế thu hút vốn so với các mục tiêu và kết quả mong đợi bao gồm hai mức độ: (i) Quỹ TFF như là một công cụ để nâng cao hiệu quả viện trợ và (ii) thực hiện danh mục dự án Quỹ TFF. Đưa ra các khuyến nghị cụ thể và thực tế cho người ra quyết định và các bên liên quan về các biện pháp nâng cao hiệu quả và kết quả của Quỹ TFF về cả hai mức độ nêu trên
- Với sự thành lập Quỹ VNFF, đánh giá vai trò của Quỹ TFF trong tương lai gần và trung hạn, và khuyến nghị một thể chế thích hợp nhất cho Quỹ TFF nằm trong Quỹ VNFF

Để thực hiện những mục tiêu nêu trên, cần phải chú trọng những vấn đề sau:

2.1. Đánh giá vai trò của Quỹ TFF đối với ngành lâm nghiệp Việt Nam

- Xác định tiến bộ cho đến nay của Quỹ TFF theo hướng hỗ trợ ngành để giải quyết vấn đề ưu tiên ngành trong Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020 và phân tích các ưu tiên hiện tại của Quỹ TFF cũng như tính phù hợp của các ưu tiên đó đối với các mục tiêu của Quỹ TFF và các ưu của Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam.
- Xem xét các đề xuất tương lai của Quỹ TFF đối với việc hỗ trợ cho ngành lâm nghiệp, có thể xác định thông qua các chiến lược của các nước tài trợ như một phương tiện để xem xét hỗ trợ vốn cho ngành lâm nghiệp trong tương lai.
- Đánh giá vai trò của Quỹ TFF trong mối quan hệ với Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp đặc biệt là giải quyết các ưu tiên ngành, kết hợp hài hòa thủ tục và nâng cao hiệu quả viện trợ theo Tuyên bố chung Hà Nội.
- Trên cơ sở các xem xét và đánh giá trên, xác định cụ thể những hạn chế và những thách thức chính mà Quỹ TFF phải đối mặt trong sự hỗ trợ ngành lâm nghiệp và xác định rõ các lựa chọn để giải quyết những hạn chế đó.

2.2. Đánh giá hiệu quả hoạt động và danh mục dự án của Quỹ TFF

2.2.1. Hiệu quả hoạt động của Quỹ TFF

Xác định và phân tích những thành tựu và điểm yếu chính của Quỹ TFF trong 2 năm qua, kể từ lần đánh giá chính thứ hai. Đánh giá hiệu quả hoạt động của TFF về

- Các kết quả phát triển:
 - o Thành tựu và kết quả (Mức độ tác động, mức độ kết quả, kết quả đầu ra và tiến bộ của các hoạt động cụ thể)
 - o Hiệu quả về chi phí của kết quả

- o Hiệu quả của TFF
- o Mức độ phù hợp của kết quả
- o Tính bền vững của tác động và kết quả
- Các yếu tố thành công:
 - o Quan hệ đối tác/ Quyền sở hữu
 - o Sự phù hợp của thiết kế, bao gồm cả thể chế Quỹ TFF, các quy định của Bộ NN&PTNT, Cẩm nang vận hành và quản lý Quỹ TFF và các tài liệu khác, lập kế hoạch, ngân sách, và báo cáo
 - o Sự phù hợp của việc sử dụng nguồn vốn quỹ
 - o Những hành động với đầy đủ thông tin và kịp thời

Và cụ thể hơn

- Đánh giá việc thực hiện và tiến bộ đạt được đối với những khuyến nghị của Đánh giá chính lần thứ nhất năm 2006, Đánh giá chính lần thứ hai năm 2009, và Báo cáo đánh giá rủi ro năm 2007
- Xem xét sự phát triển và triển khai cá công cụ hoạt động và quản lý bao gồm các quy định của Bộ NN&PTNT, Cẩm nang vận hành và quản lý Quỹ TFF và các tài liệu hướng dẫn khác
- Đánh giá vai trò và nhân sự (cả hỗ trợ kỹ thuật và cán bộ CQĐHNV) của Quỹ TFF về mặt quản lý kỹ thuật và tài chính của cơ chế Quỹ TFF, kết quả báo cáo và trách nhiệm giải trình.
- Đánh giá tổ chức, cấu trúc ra quyết định và lãnh đạo của Quỹ TFF, vai trò của Bộ NN&PTNT, HĐQLQ và CQĐHNVQ.
- Xem xét giải ngân theo các ưu tiên ngành và xem xét lại kế hoạch giải ngân, và
- Đưa ra các khuyến nghị cụ thể và thiết thực cho tất cả các bên liên quan về việc cải thiện hiệu quả hoạt động của Quỹ TFF để mang lại các kết quả cụ thể và đạt được mục tiêu đề ra của Quỹ TFF.

2.2.2. Danh mục dự án của Quỹ TFF

- Đánh giá việc quản lý danh mục dự án với những phát hiện và phân tích cụ thể, những can thiệp cần thiết có thể trong khuôn khổ Quỹ TFF đối với ngành lâm nghiệp và sự phù hợp của các can thiệp đó.
- Đánh giá sự đóng góp với ngành lâm nghiệp của các dự án do Quỹ TFF tài trợ, so sánh với các can thiệp khác trong ngành lâm nghiệp trong giai đoạn tương tự, và
- Đưa ra các khuyến nghị rõ ràng về định hướng tương lai của danh mục dự án của Quỹ TFF.

2.3. Đánh giá vai trò Quỹ TFF trong tương lai gần khi Quỹ VNFF hoạt động

- Đánh giá tổ chức của cơ chế tài trợ của Quỹ VNFF và tính khả thi cho Quỹ TFF sát nhập vào Quỹ VNFF, và
- Đánh giá lộ trình cho Quỹ TFF sát nhập vào Quỹ VNFF.

3. Tiếp cận đối với đánh giá

Đánh giá chính lần thứ ba là cuộc đánh giá độc lập từ bên ngoài. Đánh giá này được xem như quá trình học tập mở, minh bạch, có sự tham gia cho tất cả các bên liên quan/người hưởng lợi. Đánh giá sẽ cho phép đạt được một sự hiểu biết chung về thể chế và môi trường làm việc, tình trạng

hiện tại - những thành tựu, những cam bẫy và những khó khăn cũng như cơ hội và thách thức của Quỹ TFF và danh mục dự án của quỹ.

Trước khi được lựa chọn, đoàn đánh giá sẽ phải trình bày các phương pháp tổng thể mà đoàn sử dụng trong các đánh giá và đề xuất chương trình làm việc chi tiết trong cuộc họp khởi động.

Đoàn đánh giá sẽ thu thập và phân tích thông tin với đại diện của tất cả các đối tác chủ chốt và các đối tượng hưởng lợi bao gồm cả nhà tài trợ song phương và đa phương trong cùng lĩnh vực và/hoặc đồng tài trợ dự án thuộc danh mục Quỹ TFF, các thành viên FSSP cũng như các nhà tài trợ có kinh nghiệm quỹ ủy thác trong các lĩnh vực khác

3.1. Giai đoạn nghiên cứu tài liệu (làm việc tại nhà)

Nhóm đánh giá sẽ bắt đầu với việc nghiên cứu tất cả các tài liệu tham khảo quan trọng, bao gồm nhưng không giới hạn với các tài liệu được liệt kê dưới đây. CQĐHNVQ sẽ cung cấp tất cả các tài liệu cần thiết liên quan đến Quỹ TFF. Nhóm đánh giá sẽ liên lạc chặt chẽ với CQĐHNVQ (qua email) trong giai đoạn nghiên cứu tài liệu để chuẩn bị kế hoạch công tác và lập lịch trình các cuộc họp.

- Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam (2006-2020)
- Tuyên bố chung Hà Nội về hiệu quả viện trợ
- Biên bản ghi nhớ Quỹ TFF (cả hai Biên bản), Quy chế Quỹ TFF Regulations, Cẩm nang vận hành và quản lý Quỹ TFF, Sổ tay quản lý dự án TFF
- Báo cáo năm 2009 và 2010 của Quỹ TFF
- Báo cáo kiểm toán Quỹ các năm 2008, 2009 và 2010
- Báo cáo đánh giá chính Quỹ TFF lần thứ nhất 2006
- Báo cáo đánh giá chính Quỹ TFF lần thứ hai 2009
- Báo cáo đánh giá rủi ro 2007
- Báo cáo về biến đổi khí hậu của Quỹ TFF 2008
- Danh mục dự án Quỹ TFF: tên dự án, mục tiêu, kết quả dự kiến, khung thời gian, tình trạng hiện tại (kết quả đạt được và giải ngân thực tế). Kế hoạch hàng năm, báo cáo hàng năm, báo cáo đánh giá giữa kỳ và báo cáo đánh giá cuối cùng của các dự án trọng điểm thuộc danh mục dự án và báo cáo bất kỳ theo yêu cầu của đoàn đánh giá.
- Tài sản của phát triển - các bài học và thực hành tốt từ thực hiện của Quỹ TFF ở Việt Nam (tài liệu của các cổ vấn của TFF/REFAS GTZ)
- Các quyết định của Chính phủ Việt Nam và Bộ NN&PTNT liên quan đến Quỹ VNFF
- Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu theo Quyết định 158/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ
- Đóng góp của ngành lâm nghiệp đối với thách thức biến đổi khí hậu của Việt Nam. Báo cáo của tư vấn, 2008
- Khung Kế hoạch hành động cho thích ứng với biến đổi khí hậu trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2008-2020
- Kế hoạch 5 năm của Bộ NN&PTNT, 2010-2015
- Các tài liệu khác liên quan đến các sáng kiến RED ở Việt Nam

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, nhóm đánh giá cần kết thúc giai đoạn nghiên cứu tài liệu như sau:

- Xem xét một cách hệ thống các văn bản có liên quan có sẵn.

- Cho ý kiến về các vấn đề/câu hỏi đánh giá hoặc đề xuất một tập hợp các câu hỏi đánh giá cùng với ý kiến giải thích.
- Xây dựng các câu hỏi đánh giá các chỉ số tạm thời, chiến lược phân tích, các câu hỏi, và các nguồn thông tin.
- Chuẩn bị, nếu có thể, câu trả lời sơ bộ, những vấn đề cần quan tâm và các giả định cần kiểm tra, cũng như phương pháp đầy đủ để trả lời các câu hỏi.
- Đề xuất một dự thảo kế hoạch làm việc (bao gồm cả một danh sách người được phỏng vấn, khảo sát cần được thực hiện, các ngày làm việc, lịch trình và tên của thành viên trong nhóm) và lịch trình thời gian các cuộc họp cho thời gian còn lại.

Yêu cầu nhóm đánh giá trình bày các phương pháp tổng thể sẽ được sử dụng trong đánh giá của mình và đề xuất chương trình chi tiết cho công việc.

3.2. Giai đoạn làm việc

Nhóm đánh giá sẽ tổ chức cuộc họp khởi động với sự tham gia của Bộ NN&PTNT, các nhà tài trợ Quỹ TFF, CQĐHNVC, các dự án do Quỹ TFF tài trợ vào ngày làm việc đầu tiên.

Các thành viên của nhóm đánh giá sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo liên lạc đầy đủ và tham khảo ý kiến cùng với sự tham gia của các bên liên quan khác nhau. Các thành viên của nhóm đánh giá cũng sẽ làm việc chặt chẽ với các nhà tài trợ Quỹ TFF, các cơ quan thẩm quyền của chính phủ trong quá trình làm việc.

Các tư vấn sẽ sử dụng nguồn thông tin đáng tin cậy nhất.

Các kế hoạch làm việc cần được áp dụng một cách linh hoạt để ứng phó với mọi khó khăn phát sinh. Nếu có thay đổi đáng kể kế hoạch làm việc như thỏa thuận mà có thể ảnh hưởng đến chất lượng đánh giá thì cần trao đổi ngay với người phụ trách đánh giá.

Khi kết thúc giai đoạn làm việc, nhóm đánh giá cần tổng kết công việc, thảo luận về độ tin cậy và mức độ bao trùm của dữ liệu thu thập được, và trình bày những phát hiện sơ bộ của mình trong cuộc họp tổng kết tại Hà Nội với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các nhà tài trợ Quỹ TFF, CQĐHNVC, các dự án do Quỹ TFF tài trợ dự án và các bên liên quan khác có quan tâm. Mục đích của cuộc họp là để kiểm tra cơ sở thực tế của việc đánh giá, và thảo luận về dự thảo những phát hiện, kết luận và khuyến nghị. Một bản tóm tắt ngắn khoảng 10 trang kết quả, kết luận và kiến nghị cùng với một bài thuyết trình PowerPoint của đoàn đánh giá sẽ được gửi đến các nhà tài trợ Quỹ TFF trước cuộc họp tổng kết. Những phát hiện sơ bộ sẽ được thảo luận với các nhà tài trợ TFF trong cuộc họp trao đổi với các nhà tài trợ Quỹ TFF vào cuối giai đoạn làm việc tại Hà Nội ít nhất 2 ngày làm việc trước cuộc họp tổng kết.

3.3. Giai đoạn tổng hợp

Giai đoạn tổng hợp có thể được thực hiện tại văn phòng của tư vấn. Giai đoạn này chủ yếu dành cho việc chuẩn bị dự thảo báo cáo cuối cùng, kết hợp các ý kiến thu được trong cuộc họp tổng kết. Những ý kiến yêu cầu cải tiến chất lượng phương pháp cần được chú trọng, trừ trường hợp không thể thực hiện, trong trường hợp này nhóm đánh giá cần giải thích đầy đủ. Ý kiến về nội dung của báo cáo có thể được chấp nhận hoặc từ chối. Trong trường hợp từ chối, nhóm nghiên cứu giải thích lý do bằng văn bản.

Báo cáo (cũng như các báo cáo và chi chú trước đây và sau này) phải tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng. Các văn bản của báo cáo được minh họa, nếu phù hợp, với bản đồ, đồ thị và bảng biểu. Các chuyên gia tư vấn sẽ đảm bảo rằng đánh giá của mình là khách quan và cân bằng, các khẳng định chính xác và có kiểm chứng, và các khuyến nghị thực tế. Khi soạn thảo báo cáo, các chuyên gia tư vấn phải biết rõ những thay đổi theo hướng mong muốn được biết đến đã có để tránh gây hiểu lầm không cần thiết.

Báo cáo đánh giá cần nộp cho các nhà tài trợ Quỹ TFF trước 26/9/2011. Các nhà tài trợ Quỹ TFF sẽ có ý kiến về báo cáo đánh giá trong vòng 10 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo.

3.4. Báo cáo cuối cùng

Trên cơ sở ý kiến đóng góp cho dự thảo báo cáo đánh giá, nhóm đánh giá hoàn thiện báo cáo đánh giá lần cuối với các quy tắc áp dụng để tích hợp các ý kiến được nêu trong phần 3.3 và trình các nhà tài trợ Quỹ TFF trước ngày 14/10/2011. Các nhà tài trợ Quỹ TFF sẽ cho ý kiến chấp thuận báo cáo đánh giá trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được phiên bản cuối cùng của báo cáo đánh giá.

4. Thành phần nhóm đánh giá

Hai chuyên gia tư vấn quốc tế và hai tư vấn địa phương có kinh nghiệm và hiểu biết ngành lâm nghiệp, quản lý quỹ ủy thác, phát triển thể chế, giám sát và đánh giá.

Tất cả các thành viên trong nhóm, tư vấn Việt Nam và tư vấn quốc tế, có kỹ năng giao tiếp tốt và thông thạo tiếng Anh.

Nhóm đánh giá sẽ quyết định phân nội bộ nhiệm vụ, trách nhiệm và chương trình làm việc.

Nhóm đánh giá A cần đáp ứng những yêu cầu sau

Chuyên gia 1 (quốc tế)	Chuyên gia theo dõi đánh giá – Trưởng nhóm
Học vấn	• Tối thiểu thạc sĩ
Kinh nghiệm chuyên môn chung	• Chuyên gia theo dõi đánh giá cấp cao về lâm nghiệp có ít nhất 10 năm kinh nghiệm về theo dõi và đánh giá các dự án phát triển thuộc ngành lâm nghiệp
Kinh nghiệm chuyên môn cụ thể	• Có nhiều kinh nghiệm trong lâm nghiệp và các vấn đề liên quan đến kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo và môi trường, ưu tiên ở Việt Nam và khu vực • Có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực chiến lược, chính sách và phân tích thể chế, • Kinh nghiệm trong các chủ đề xuyên suốt bao gồm cả thúc đẩy bình đẳng giới và xã hội, quyền con người và cơ hội tham gia bình đẳng của các nhóm dễ dàng bên lề xã hội, HIV / AIDS là một thách thức phát triển • Kinh nghiệm với các vấn đề xã hội như xóa đói giảm nghèo • Trước kinh nghiệm với các cơ quan chính phủ, song phương và các cơ quan nhà tài trợ quốc tế được xem là một lợi thế • Kinh nghiệm trong việc xây dựng năng lực đánh giá nhu cầu, và thiết kế các can thiệp nâng cao năng lực cho đơn vị quản lý TFF, đơn vị quản lý VNFF và các đơn vị quản lý dự án TFF • Hiểu biết về các vấn đề lâm nghiệp toàn cầu như biến đổi khí hậu, REDD hoặc PES sẽ là một lợi thế.
Trách nhiệm	• Trưởng nhóm có trách nhiệm tổng thể cho các kết quả dự kiến của nhiệm vụ đánh giá. • Trưởng nhóm chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, với sự hỗ trợ từ TFF MU để bố trí tất cả các cuộc họp. • Trưởng nhóm chịu trách nhiệm về phân chia lao động và trách nhiệm, phối

	hợp với các thành viên của nhóm. • Trưởng nhóm chịu trách nhiệm về báo cáo đánh giá cũng như có văn bản báo cáo đánh giá với đóng góp của các chuyên gia tư vấn địa phương.
Chuyên gia 2 (quốc tế)	Chuyên gia kinh tế/tài chính về nguồn lực tự nhiên
Học vấn	• Tốt nghiệp đại học
Kinh nghiệm chuyên môn chung	• Chuyên gia cấp cao về kinh tế hoặc tài chính với ít nhất 10 năm kinh nghiệm làm việc với cơ chế tài chính bền vững và hiệu quả của nguồn vốn ODA
Kinh nghiệm chuyên môn cụ thể	• Có kiến thức và sự hiểu biết quản lý tài chính và quỹ ủy thác • Kinh nghiệm trong ngành lâm nghiệp tại Việt Nam và kiến thức về phát triển cơ chế tài chính bền vững cho ngành lâm nghiệp • Kinh nghiệm trong hiệu quả viện trợ và quản lý quỹ ủy thác • Có kinh nghiệm trong quản lý dự án ODA bao gồm khung logic và chu trình quản lý dự án được coi là một ưu thế • Kinh nghiệm trong giám sát và đánh giá các dự án phát triển ở các nước đang phát triển.
Trách nhiệm	• Tư vấn quốc tế sẽ hỗ trợ trưởng nhóm về quản lý quỹ và dẫn đầu trong các đánh giá về vai trò tương lai của TFF trong VNFF • Tư vấn quốc tế cũng chịu trách nhiệm viết báo cáo đánh giá theo sự phân công của trưởng nhóm với đóng góp của các chuyên gia tư vấn địa phương.

Hai chuyên gia tư vấn địa phương sẽ hỗ trợ hai chuyên gia quốc tế và do đó có yêu cầu về chuyên môn tương tự. Một chuyên gia tư vấn địa phương sẽ là một chuyên gia lâm nghiệp, có nhiều kinh nghiệm về lâm nghiệp, chính sách và tổ chức ngành, xóa đói giảm nghèo, giới tính và các vấn đề dân tộc thiểu số, và theo dõi đánh giá. Chuyên gia tư vấn địa phương thứ hai sẽ là chuyên gia về kinh tế tài nguyên hoặc chuyên gia tài chính, có nhiều kinh nghiệm về quản lý quỹ, quản lý dự án ODA và tài chính khu vực và theo dõi đánh giá. Hai chuyên gia tư vấn địa phương sẽ làm phiên dịch cho các chuyên gia quốc tế khi cần thiết. Họ đều có trách nhiệm xem xét các tài liệu chỉ có thể truy cập bằng tiếng Việt và dịch báo cáo sang tiếng Việt. Họ sẽ hỗ trợ ngôn ngữ cho các chuyên gia tư vấn quốc tế về lâm nghiệp và thay đổi khí hậu.

Các chuyên gia tư vấn quốc tế và địa phương sẽ được các nhà tài trợ Quỹ TFF tuyển dụng trực tiếp.

5. Các kết quả dự kiến

- Tổ chức cuộc họp khởi động tại Hà Nội với tất cả các bên liên quan.
- Báo cáo tóm tắt vào cuối kỳ làm việc tại tỉnh về các vấn đề cụ thể cần quan tâm việc thực hiện danh mục dự án TFF.
- Trao đổi kết quả sơ bộ với các nhà tài trợ TFF ở cuối giai đoạn làm việc tại Hà Nội ít nhất 2 ngày làm việc trước cuộc họp tổng kết.
- Cuộc họp tổng kết sẽ được tổ chức tại Hà Nội với tất cả các bên liên quan bao gồm các nhà tài trợ TFF, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TFFMU, dự án do Quỹ TFF tài trợ trong danh mục dự án TFF.

- Tóm tắt ngắn khoảng 10 trang kết quả, kết luận và khuyến nghị trả lời tất cả các vấn đề được nêu trong phần 2, cùng với một bài thuyết trình PowerPoint của đoàn đánh giá sẽ được trình lên các nhà tài trợ TFF trước khi cuộc họp tổng kết.
- Đánh giá dự thảo báo cáo đó là kết hợp các báo cáo về dự án FLITCH - bằng tiếng Anh và tiếng Việt (bản điện tử) sẽ được gửi cho các nhà tài trợ TFF trước ngày 26 tháng 9 năm 2011. Một bản sao sẽ được gửi đến cơ quan có liên quan để xử lý các dữ liệu thực tế trình bày. Do báo cáo đánh giá là một đánh giá độc lập và trung lập, vì vậy ở giai đoạn này không cần thiết có ý kiến chính thức về báo cáo.
- Phiên bản cuối cùng của báo cáo đánh giá bao gồm tóm tắt chính sẽ được đệ trình bằng tiếng Anh và Việt Nam trong định dạng điện tử cho các nhà tài trợ TFF và các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ trước ngày 14 Tháng Mười 2011. Sau khi hoàn thiện báo cáo, kết luận và khuyến nghị sẽ được thảo luận và hành động đã thỏa thuận trong cuộc họp Hội

6. Dự kiến thời gian và báo cáo

Thời gian thực hiện đánh giá tối đa là 25 ngày làm việc, dự kiến từ ngày 1 tháng 8 năm 2011 đến 14 Tháng Mười 2011. Giai đoạn nghiên cứu tài liệu dự kiến sẽ được bắt đầu từ 01 Tháng Tám 2011, giai đoạn làm việc từ 1 đến 14/9, giai đoạn tổng hợp trong tháng Chín, dự thảo báo cáo dự kiến vào ngày 26 tháng 9 năm 2011 và báo cáo cuối cùng trước ngày 14 Tháng Mười năm 2011.

Nhóm đánh giá bà Lê Thị Thu Hương, điều phối viên chương trình tại Đại sứ quán Phần Lan tại Hà Nội, điều phối, và sẽ báo cáo cho các nhà tài trợ. Các nhà tài trợ TFF sẽ phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đánh giá với sự hợp tác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và hỗ trợ của TFFMU

Phụ lục 2: Chương trình và cán bộ cùng làm việc

Ngày / Thời gian	Cơ quan / hoạt động	Đối tác làm việc
Chủ nhật 4 Tháng 9		
Buổi chiều	Họp nội bộ nhóm A	Nhóm A
Buổi chiều	Họp với nhóm B (nhóm thực hiện FLITCH MTR)	- Steffen Johnsen, Trưởng nhóm và chuyên gia M&E. - Le Thi Thu Huong, Chuyên gia quốc gia 1, M&E. - Nguyen Van Duyen, Chuyên gia quốc gia 2, Nhà Kinh tế học về tài nguyên thiên nhiên.
Thứ 2 5 Tháng 9		
8:30 – 9:30	Làm việc với nhà tài trợ TFF, MFA của Phần Lan và Cục Hợp tác Thủy Sản (họp cùng với nhóm B)	- Katja Hirvonen, MFA của Phần Lan - Le Thi Thu Huong, MFA của Phần Lan - Hoang My Lan, Cán bộ cao cấp chương trình, Cơ quan phát triển Thủy Sản (SDC).
10:00 – 11:00	Làm việc với lãnh đạo và nhân viên BQL TFF (họp chung với nhóm B)	- Pham Hong Luong, Phó giám đốc của DPF, TFF và VNFF. - Ivo Litxenberg, Chuyên gia tư vấn cấp cao. - Nguyen Chien Cuong, Cán bộ chương trình. - Pham Van Trung, Cán bộ chương trình. - Nguyen Phuong Linh, Kế toán. - Phan Thi Quyoh Hoa, Cán bộ hỗ trợ.
14:00 -15:30	Làm việc với STIC, VNFOREST, MARD. (làm việc cùng nhóm B)	Nguyen Tuong Van, Phó giám đốc STIC và FSSP
Thứ 3 6 Tháng 9		
8:00 – 11:00	Gặp mặt với BQL trung ương dự án FLITCH (làm việc cùng nhóm B)	- Dinh Duc Thuan, Trưởng Ban. - Tran Cong Hung, Phó trưởng ban. - Nguyen Trang Giang, Phó trưởng ban. - Nguyen Van Son, Trưởng phòng Tài chính / Kế toán trưởng. - Pham Manh Dong, Cán bộ dự án.
13:30 - 17:30	Họp khởi động với MARD (Họp chung nhóm B)	- Họp khởi động về đánh giá TFF (nhóm A) và Báo cáo giữa kỳ FLITCH (nhóm B) - Chủ trì: Tran Kim Long - Vụ phó vụ Hợp tác quốc tế
Thứ 4 7 Tháng 9		
8:30 – 9:30	Làm việc với Bộ Tài chính (làm việc chung nhóm B)	- Pham Thi Hong Van, Phó trưởng phòng Hợp tác đa phương - Khue Thu Phuong, Cán bộ phòng đa phương.
10:00 – 11:00	Làm việc với Cục Xây dựng và quản lý công trình, MARD	Nguyen Song Lam, Cục Xây dựng và quản lý công trình, MARD
14:00 -15:00	Làm việc với Thứ trưởng, MARD	- Hua Duc Nhi, Thứ trưởng, MARD (và là chủ trì BoD). - Nguyen Tuong Van, STIC (như trên). - Pham Ngoc Mau, Phó phòng hợp tác đa phương, Vụ hợp

Báo cáo chính lần 3 Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (Dự thảo lần cuối 23/10/2011)

Ngày / Thời gian	Cơ quan / hoạt động	Đối tác làm việc
		tác quốc tế. Pham Hong Luong (như trên).
15:30 – 17:00	Làm việc với Quỹ bảo tồn Việt Nam (Hợp phần FSDP)	- Nguyen ThiThu Thuy, Quản lý. - Christopher Turtle, Trưởng nhóm TA.
Thursday 8 September		
8:00 – 9:30	Làm việc với Ban quản lý dự án FSDP	- Vu Xuan Thon, Giám đốc dự án. - Nguyen Tien Hai, Phó giám đốc dự án. - Nguyen Thi Kim Dung, Kế toán dự án. - Tran Thu Ha, Kế toán Ban. - Le Thi Thuy, Phiên dịch.
15:30 – 17:00	Làm việc với Vụ kế hoạch, Tài chính, VNFOREST, MARD	Nguyen Nghia Bien, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và tài chính. (và thành viên TFF BoD).
Friday 9 Tháng 9		
8:30- 9:30	Làm việc với Vụ Tài chính, MARD.	Nguyen Van Ha, Phó vụ trưởng Vụ Tài chính (thành viên TFF BoD).
11:30 to 12:30	Làm việc với MFA Phần Lan: chị Hương	Le Thi Thu Huong, MFA của Phần Lan.
13:00 - 14:00	Các cuộc họp tiếp theo với lãnh đạo và nhân viên BQL TFF	Pham Hong Luong và cán bộ như trên
14:30 - 15:30	Làm việc với Vụ Kế hoạch, MARD	Pham Xuan Thinh, chuyên gia vụ kế hoạch (phụ trách các dự án lâm nghiệp).
Monday 12 Tháng 9		
8:30 – 10:00	Làm việc với văn phòng dự án FORMIS	- Bui Chinh Nghia, Phó giám đốc. - Tapio Leppanen, CTA.
10:00 – 11:30	Văn phòng GIZ, Hà Nội	- Juergen Hess, Chương trình quản lý tài nguyên và đại diện GIZ (TFF TA đồng tài trợ) - Rosemarie Metz, CTA, Chương trình bảo tồn đa dạng sinh học ở hệ sinh thái rừng - Ivo Litxenberg, tư vấn cao cấp TFFMU (như trên).
13:30 – 15:00	Làm việc với Bộ Kế hoạch và đầu tư, Cục Kinh tế nông nghiệp	- Dinh Ngoc Minh, Phó Cục trưởng (quản lý các dự án lâm nghiệp) - Doan Chien Dung, Cục Kinh tế nông nghiệp
15:30- 16:30	Làm việc với Cục Kiểm lâm, VNFOREST, MARD	"Nguyen Huu Dung, Cục Trưởng.
Tuesday 13 Tháng 9		
10:30 – 11:30	Làm việc với VNFOREST	Nguyen Ba Ngai, Phó Cục trưởng VNFOREST (giám đốc TFF).
13:30- 15:00	Làm việc với đại sứ quán Hà Lan	Pham Minh Uyen, Cán bộ chính sách/ Kinh tế

Báo cáo chính lần 3 Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (Dự thảo lần cuối 23/10/2011)

Ngày / Thời gian	Cơ quan / hoạt động	Đối tác làm việc
15:30 - 17:00	Họp tiếp với lãnh đạo và nhân viên BQL TFF	Pham Hong Luong và nhân viên như trên.
Wednesday 14 Tháng 9		
All day	Họp nhóm nội bộ nhóm A	Nhóm A
Thursday 15 Tháng 9		
09:30 - 11:00	Họp nhanh với nhà tài trợ TFF (tại Đại sứ quán Phần Lan, MFA Phần Lan và Cơ quan hợp tác Thụy Sĩ)	- Katja Hirvonen, MFA của Phần Lan. - Le Thi Thu Huong, MFA của Phần Lan - Samuel Walty, Trưởng cơ quan hợp tác Thụy Sĩ - Pascal Raess, Phó trưởng cơ quan, SDC. - Hoang My Lan, Cán bộ cao cấp chương trình, SDC. - Tran Nam Binh, Tư vấn NRM và biến đổi khí hậu, SDC.
13:30 - 17:00	Họp nhanh với BQL TFF (tại văn phòng ban quản lý), (họp chung nhóm B)	- Pham Hong Luong, Phó giám đốc (DPF, TFF, VNFF). - Ivo Litxenberg, Tư vấn cấp cao. - Nguyen Chien Cuong, Cán bộ chương trình. - Pham Van Trung, Cán bộ chương trình. - Nguyen Phuong Linh, Kế toán. - Phan Thi Quyoh Hoa, Cán bộ hỗ trợ.
Friday 16 September		
13:30 - 17:30	Họp tổng kết với MARD (họp chung nhóm B)	- Họp tổng kết đánh giá TFF (nhóm A) và đánh giá giữa kỳ FLITCH (nhóm B) - Đồng chủ trình: Katja Hirvonen, MFA của Phần Lan. Nguyen Ba Ngai, Phó cục trưởng, VNFOREST.
Từ 17/9 Đến 14 Tháng 10		
17 to 29 Sep.	Chuẩn bị dự thảo báo cáo	Cả nhóm
10 to 14 Oct.	Chuẩn bị dự thảo báo cáo	Cả nhóm

Phụ lục 3: Câu hỏi đánh giá

Vấn đề / câu hỏi (dựa trên TORs)	Chi tiết câu hỏi	Nguồn thông tin/ phương pháp
1. Vai trò của Quỹ ủy thác ngành lâm nghiệp (TFF) đối với ngành lâm nghiệp Việt Nam		
<i>Về tổng thể, chức năng tổng thể của TFF đã, đang và sẽ là gì; tại sao nó lại đã, đang và sẽ là cần thiết</i>		
TFF sẽ tiến xa tới đâu để giải quyết các vấn đề ưu tiên của ngành theo Đề án phát triển ngành lâm nghiệp 2006-2020?	- Những ưu tiên của ngành là gì trong Đề án phát triển ngành lâm nghiệp 2006-2020 (MARD)? - Những ưu tiên của TFF hiện tại là gì đối với hoạt động đầu tư thực tế? - Làm thế nào để đạt được những ưu tiên của TFF và ưu tiên ngành theo Đề án? - Ưu tiên/ đầu tư thực tế của TFF gắn với các mục tiêu của ngành như thế nào?	Rà soát tài liệu, họp, phỏng vấn những người chủ chốt
Tương lai khả quan của việc tài trợ từ TFF/VNFF thông qua các chiến lược hỗ trợ quốc gia là gì?	- TFF có hỗ trợ thông qua chiến lược hỗ trợ quốc gia không? Các lĩnh vực “truyền thống” có bị giảm lợi ích tài trợ không? - Tiềm năng đối với hỗ trợ các hoạt động về biến đổi khí hậu - Có các nguồn lực hỗ trợ khác của TFF/VNFF không?	Rà soát tài liệu, họp, phỏng vấn những người chủ chốt
Tuyên bố Chung Hà Nội Vai trò của TFF trong mối liên hệ với FSSP là gì đặc biệt trong việc giải quyết những ưu tiên, quy trình hài hòa và cải thiện hiệu quả hỗ trợ theo đúng Tuyên bố Chung Hà Nội	- Thủ tục TFF có đồng hành và hài hòa với chính phủ và các thủ tục khác như thế nào? - Hiệu quả hỗ trợ liên quan TFF theo thuật ngữ trong Tuyên bố Hà Nội là gì? - Vai trò của TFF trong FSSP?	Rà soát tài liệu, họp, phỏng vấn những người chủ chốt
Những khó khăn chính và thách thức chính phải đối mặt để TFF hỗ trợ cho ngành lâm nghiệp và các phương án giải quyết?	Khám phá và tiếp cận với những khả năng và giải pháp: - Cơ chế hoạt động và tài trợ - Chậm giải ngân - Chậm đạt được thỏa thuận và ra quyết định - Các nguồn lực có sẵn (vd nhân lực) - Khác	Chất lọc các ý kiến trên

Vấn đề / câu hỏi (dựa trên TORs)	Chi tiết câu hỏi (#2)	Nguồn thông tin/ phương pháp
Hoạt động của TFF và danh mục dự án của TFF		
>>> Đánh giá tổng thể hoạt động của TFF và danh mục dự án kể từ 6/2009 (đánh giá cuối cùng)		
• “Tác động” và “Hiệu quả”: Thành tựu của các kết quả (mức độ tác động; mức độ hiệu quả; mức độ đầu ra; kết quả và tiến độ của các hoạt động cụ thể, bao gồm “chi phí – hiệu quả” của kết quả. • Hiệu quả của TFF (đánh giá kết quả đầu ra – chất lượng và số lượng – trong mối quan hệ với đầu vào) • Tính tương thích của kết quả (làm thế nào TFF phù hợp với mục tiêu và chính sách của các bên liên quan) • Tính bền vững của tác động và kết quả (làm thế nào tiếp tục sau khi nguồn vốn tài trợ kết thúc; cần hiểu ý nghĩa của vấn đề này.	Trước tiên, hãy xem xét độc lập: • Hoạt động của quỹ TFF, và • Hoạt động của danh mục dự án TFF trong các dự án; Và xem xét chúng cùng nhau như một sự đầu tư TFF tổng thể • Tiếp cận các hoạt động tiếp theo và tiến trình thực hiện những kết quả tìm thấy và những khuyến cáo - o Đánh giá tổng thể đầu tiên trong năm 2006, - o Đánh giá tổng thể thứ 2 trong năm 2009 - o Đánh giá rủi ro tín dụng (ủy thác) • Đánh giá sự phát triển và thực hiện các công cụ hoạt động và quản lý bao gồm các quy định của MARD, Sổ tay hướng dẫn thực hiện và các hướng dẫn khác • Các quy định, PIM, chúng hoạt động tốt như thế nào, vấn đề khó khăn là gì, vấn đề gì? (BQL TFF, FSSP, 3 dự án gặp nhau) • Đánh giá vai trò và nhân viên (cả TA và nhân viên BQL TFF) của BQL TFF liên quan tới quản lý kỹ thuật và tài chính của cơ chế TFF, kết quả báo cáo và hoạt động kế toán) • Đánh giá xấp sếp tổ chức TFF, ra quyết định, cơ chế quản lý, vai trò của MARD, BOD và QBL TFF. • Rà soát hoạt động giải ngân so với các ưu tiên của ngành và rà soát giải ngân của dự án • Chuẩn bị những khuyến cáo cụ thể và thực tế cho các đối tác liên quan trong việc cải thiện hoạt động của TFF nhằm mang lại những kết quả hữu hình và đạt được mục tiêu đề ra.	• Rà soát tài liệu • Họp • Phỏng vấn cán bộ chủ chốt • Câu hỏi đơn giản • Xây dựng và phân tích số liệu • Phân tích và tổng hợp toàn bộ

Vấn đề / câu hỏi (dựa trên TORs)	Chi tiết câu hỏi	Nguồn thông tin/ phương pháp
Hoạt động của các danh mục dự ánTFF - Đánh giá sự đóng góp của dự án do TFF tài trợ đối với sự phát triển của ngành, so sánh với các hoạt động can thiệp khác trong ngành lâm nghiệp trong cùng giai đoạn - Đánh giá quản lý danh mục dự án của TFF với những phân tích cụ thể và nguồn vốn đầu tư cho các hoạt động can thiệp tiềm năng có thể được hình thành trong khung TFF cho ngành lâm nghiệp và liên quan tới những hoạt động can thiệp như vậy - Cung cấp những khuyến cáo cụ thể về định hướng tương lai của danh mục dự ánTFF	- Tập trung vào những kết quả tổng thể so với tổng chi phí - Chỉ đối với những dự án đang diễn ra và gần đây trong 2 năm và đã có báo cáo kết thúc - Thành công của danh mục dự ánTFF so với thành tựu tổng thể của các dự án/ hoạt động can thiệp điển hình đối với ngành lâm nghiệp trong cùng giai đoạn.	- So sánh các bảng tổng kết từ báo cáo và dữ liệu có sẵn khác - Kiểm tra chéo thông qua các cuộc họp, phỏng vấn
Nhân tố thành công. Những nhân tố thành công chính là gì đối với những thành tựu trên.	Xây dựng những nhân tố thành công chính trong suốt quá trình phân tích trên - Tính phù hợp của thiết kết, bao gồm thực trạng cơ quan, quy định MARD, sách hướng dẫn hoạt động TFF và tài liệu hướng dẫn khác, kết hoạch, giải ngân và báo cáo. - Tính phù hợp của sử dụng nguồn lực - Thông tin và hành động kịp thời	Đúc rút từ những phân tích trên
Vai trò ngắn hạn của TFF với VNFF trong hoạt động		
- Đánh giá sự cấu thành thể chế hiện tại của cơ chế tài chính VNFF và tính khả thi của TFF được lồng ghép trong VNFF - Các tiếp cận thay thế khả thi là gì - Đánh giá lộ trình hiện tại của TFF để phát triển nó trong bối cảnh của VNFF	- Phân tích và đánh giá cơ chế tài chính của VNFF - Phân tích và đánh giá cơ chế tài chính TFF và tính khả thi cho sự lồng ghép với VNFF (được khuyến cáo) - Đánh giá lộ trình/ kế hoạch hiện tại của TFF để phát triển (lồng ghép) với VNFF	- Rà soát tài liệu - Họp - Phỏng vấn cán bộ chủ chốt - Phân tích và tổng hợp tổng thể

Phụ lục 4: Đánh giá danh mục dự án TFF hoạt động kể từ tháng 6/2009

Mã số	Tên dự án	Phương thức hỗ trợ của TFF	Phù hợp VFDS	Những thành tựu và khó khăn chính	Tổng giải ngân (euro, %)	Đánh giá hiệu quả tổng thể (Kết quả đầu ra với chi phí hợp lý)	Đánh giá hiệu suất tổng thể Khả năng tác động
GA 018/07	CBBC: Phát triển, thí điểm và thể chế hóa chương trình đào tạo ngắn hạn nhằm tăng cường năng lực cho các bộ ngành về bảo vệ rừng và đa dạng sinh học và tăng cường hiệu quả luật pháp	Dự án toàn quy mô 2007 - 2010 Đã hoàn thành	5,4,1	Kết quả 1: Tài liệu tập huấn quốc gia (8 modules) và khung và tài liệu tập huấn được xây dựng, thử nghiệm và Bộ thông qua Kết quả 2: Tập huấn cho 13 tiểu giáo viên mặc dù tỷ lệ vượt qua khóa học thấp do lựa chọn đầu vào chưa chất lượng Kết quả 3: Hình thành 3 nhóm chiến lược liên ngành, với những hướng dẫn, hội họp, hội thảo... Kết quả 4: Năng lực: tập huấn cho 65 cán bộ và nhân viên kỹ thuật và kiểm lâm Kết quả 5: hình thành M&E.	593.799 Cấp 100%	Hiệu quả: Theo đánh giá kết thúc dự án (PTE) kết quả đầu ra đã hầu như đạt được trong nguồn ngân sách được phân bổ, cho dù tỷ lệ học viên vượt qua khóa học thấp (một vấn đề nghiêm trọng). Dự án bắt đầu chậm 10 tháng và được ra hạn 3 tháng, nhưng hầu hết 100% vốn đã được giải ngân. PFE đánh giá hiệu quả ở mức “trung bình” và điều này dường như là hợp lý và phù hợp với đánh giá gần đây nhất của BQL TFF.	Tính hiệu quả: Mục tiêu ngắn hạn là tăng cường năng lực hoạt động của các cơ quan thi hành pháp luật, trong khi mục tiêu dài hạn là góp phần cải tiến tình hình thực hiện pháp lý. Theo PFE, cả mục tiêu ngắn hạn và dài hạn đã đạt được cho dù rất khó để xác định số lượng. Vì thế dự án hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra. Tác động: PFE xác định một số tác động khả thi. Tài liệu và giáo trình tập huấn cho cán bộ kiểm lâm đã được thể chế hóa vì vậy tác động và tính bền vững là rất tốt (nếu như những công cụ này được cập nhật thường xuyên)
GA 019/07	Lâm Đồng: Thử nghiệm phương thức quản lý rừng đa thành phần (MUFM) ở Lâm Đồng	Dự án toàn quy mô 2007 - 2011. Đã hoàn thành	1,2,4,5	Kết quả 1 (Năng lực của Sở NNPTNT Lâm Đồng, Chi cục Kiểm lâm, BLQ rừng, các huyện và xã thuộc MUFM...). Kết quả đầu ra đã đạt được (#1). Năng lực về lập kế hoạch, quản lý lâm nghiệp, đánh giá, sự tham gia của cộng đồng... các nhóm mục tiêu đã được tăng cường. Kết quả 2 MUFM thí điểm 6 ban quản lý rừng ở Lâm Đồng: Kết quả đầu ra đã đạt được đặc biệt trong khâu thử nghiệm (#1). Thử nghiệm	923.181 Cấp 100%	Hiệu quả: Theo đánh giá kết thúc dự án, các kết quả đầu ra của dự án đã đạt được theo đúng tiến độ và ngân sách được giao. Ngoài ra còn có khoản tiết kiệm cho kết quả bổ sung. Cho dù không được PFE đánh giá cao,	Tính hiệu quả: Dự án được đánh giá là hiệu quả đạt được mục tiêu thử nghiệm cách tiếp cận đa chiều trong lâm nghiệp nhằm các mục tiêu bảo tồn và sản xuất. MUFM cho thấy sự chuyển đổi quan trọng từ quản lý mục tiêu đơn lẻ và đây là dự án chiến lược quan trọng. Tuy nhiên

Báo cáo chính lần 3 Ủy Ủy thác Lâm nghiệp (Dự thảo lần cuối 23/10/2011)

Mã số	Tên dự án	Phương thức hỗ trợ của TFF	Phù hợp VFDS	Những thành tựu và khó khăn chính	Tổng giải ngân (euro, %)	Đánh giá hiệu quả tổng thể (Kết quả đầu ra với chi phí hợp lý)	Đánh giá hiệu suất tổng thể Khả năng tác động
		thành		MUFM ở 8 BQL rừng. Kết quả sẽ phụ thuộc vào việc thông qua kế hoạch và một vài điều chỉnh trong khung pháp lý (#1). Kết quả 3 (Tham gia của cộng đồng trong việc lập kế hoạch, phát triển, quản lý và chia sẻ lợi nhuận). Sự tham gia của cộng đồng đã được cải thiện nhưng còn hạn chế về phương thức chia sẻ lợi nhuận, thể chế, năng lực và động cơ của cộng đồng cùng các nhà quản lý của BQL rừng (#1). Kết quả 4 (Tài liệu phương pháp thực hành tốt MUFM đã được xây dựng và phát hành). Kết quả này đã đạt được. 3 cuốn hướng dẫn về MUFM cho 3 loại rừng, chính sách được tổng kết, và bài học kinh nghiệm được rút ra. Kết quả 5 (Bổ sung 2010: các dự án hỗ trợ trong MUFM): Chuẩn bị các kế hoạch 5 năm và 10 năm		Điều này chỉ thấy rằng mức hiệu quả của dự án là đạt mức “cao” (1 trong 3). Điều này phù hợp với đánh giá gần đây nhất của BQL TFF	khung pháp lý đã làm hạn chế việc thực hiện đầy đủ kế hoạch đề ra và việc tham gia của người dân địa phương, điều này làm hạn chế công tác bảo vệ rừng (#1) Tác động Mục tiêu tổng thể là tối đa hóa mức đóng góp của 3 loại rừng ở VN trong việc xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế. Điều này vẫn chưa được đánh giá
GA 020/08	PPFP: Dự án lâm nghiệp cho người nghèo ở vùng núi sinh thái nông nghiệp Bắc Trung bộ (NCAEZ) (đồng tài trợ bởi TFF 3,1 triệu euro và (chủ yếu cho	Dự án toàn quy mô. Đồng tài trợ 2007 - 2010. Kết thúc	1,4,5	Kết quả 1 (. Hệ thống lập kế hoạch lâm nghiệp cộng tác đã được thành lập ở 4 tỉnh và 8 huyện miền núi) Dự thảo kế hoạch lâm nghiệp cho 3 tỉnh. Rà soát các chiến lược phát triển lâm nghiệp. Hội thảo và thu mua. Kết quả 2 (Chính quyền và làng xã chấp nhận sự phân bổ đất có sự tham gia và SFM để nâng cao thu nhập) lập kế hoạch rừng cho 8 xã, 2 xã có kế hoạch sử dụng đất. những mô hình tồn tại liên quan được rà soát. Mô hình rừng dựa vào cộng đồng được hình thành ở 16 xã. Kết quả 3 (cơ cấu lại SFEs): Tập huấn cho tỉnh, huyện và xã về rừng phòng hộ, xây dựng kế hoạch, ứng dụng công nghệ GIS, xây dựng	2.066.124	Hiệu quả: Dự án kết thúc tháng 2/2010 do hoạt động yếu kém. Các vấn đề liên quan tới sở hữu và thông tin (3 tổ chức TA với dự tham gia không đầy đủ của chính quyền tỉnh và địa phương), quản lý (lập kế hoạch và giám sát) và bổ sung tác động (#1). Trong khi đó vẫn có một vài thành công về mặt xây dựng mô hình, biên soạn tài	Tính hiệu quả: Mục đích dự án (các cơ quan và cộng đồng lâm nghiệp thực hiện lồng ghép NRM cho mục tiêu xóa đói giảm nghèo) không thể đạt được kết quả bởi vì dự án đã kết thúc, cho dù PFE đã phát hiện và tài liệu hóa rất nhiều bài học kinh nghiệm. Vì vậy tính hiệu quả của dự án được đánh giá ở mức thấp hoặc yếu kém (mức 3 trong 3)

Báo cáo chính lần 3 Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (Dự thảo lần cuối 23/10/2011)

Mã số	Tên dự án	Phương thức hỗ trợ của TFF	Phù hợp VFDS	Những thành tựu và khó khăn chính	Tổng giải ngân (euro, %)	Đánh giá hiệu quả tổng thể (Kết quả đầu ra với chi phí hợp lý)	Đánh giá hiệu suất tổng thể Khả năng tác động
	TA) 1 triệu euro từ SNV, TBI và UQ.)			mô hình trồng rừng, mô hình nông lâm và NTFP. Hỗ trợ khuyến nông về nông lâm kết hợp, NTFP, trồng rừng thương mại, ươm cây cộng đồng và lâm nghiệp cộng đồng. Quản lý dự án: Ban quản lý dự án được thành lập và tài liệu hướng dẫn thực hiện dự án được xây dựng		liệu tập huấn và mua sắm, những kết quả đầu ra này không đạt được như mong đợi. Chính vì thế hiệu quả dự án được đánh giá ở mức độ “thấp” (cấp 3 trong 3)	Tác động: PPFP có 4 mục tiêu liên quan đến (i) sinh kế, (ii) năng lực tổ chức, (iii) hoạt động kinh tế và (iv) SFM. Dự án không thể đạt được tác động mong muốn.
GA 021/07	FLITCH: Dự án lâm nghiệp cải thiện sinh kế ở khu vực Miền trung, Tây Nguyên. Đồng tài trợ bởi vốn vay ADB \$45 triệu USD. TFF \$15,57 triệu USD và đối ứng chính phủ \$18 triệu USD	Dự án toàn quy mô. Đồng tài trợ Với ADB 2007 - 2012. Đang thực hiện	1,2,5	FLITCH được thực hiện ở 6 tỉnh, 22 huyện và 60 xã, có khoảng 11,7 triệu người hưởng lợi. Kết quả đầu ra chính của toàn bộ dự án bao gồm (#2,3) Kết quả 1 (Quản lý rừng bền vững): Khảo sát thực tế kiểm kê nguồn lợi rừng hoàn thành ở 40 xã. LUP hoàn thành ở 48 xã. CIP hoàn thành ở 60 xã Kết quả 2 (Phát triển nguồn lợi rừng) Trồng rừng sản xuất trên 4,006 (trong tổng số 18,353) ha, nông lâm kế hợp 345 (trong tổng số 6,900) ha. Cải tạo vườn gia đình: đã bắt đầu. Trồng rừng sản xuất do SME/SFE trên 420 (trong tổng số 5,250) ha. Bảo vệ rừng cộng đồng có sự tham gia 22.180/98.422 ha. Kết quả 3 (Nâng cao năng lực). TA đã cung cấp hơn 2.400 người ngày nâng cao năng lực trong quản lý và các chủ đề kỹ thuật. 225 khóa tập huấn cho các xã hưởng lợi. 57 khóa tập huấn cho cán bộ dự án các cấp. Hợp tác với ĐH Tây Nguyên, trường Trung học Lâm nghiệp Pleiku đã bắt đầu. Kết quả 4 (Phát triển kinh doanh): Khảo sát ngành rừng đã hoàn thành ở các tỉnh. Mô hình	6.719.646 Cấp 54%	Hiệu quả: Dự án khởi đầu ở mức thấp và khó khăn, với TA không ở đúng vị trí cho tới 01 năm sau khi dự án bắt đầu. TFF MTR gần đây, đã nảy sinh các vấn đề nghiêm trọng về dự án và sự đóng góp của TFF. Trong khi TA đang làm việc chăm chỉ nhằm hỗ trợ dự án nó bị hạn chế bởi sự cần thiết phải xây dựng hướng dẫn phát triển dự án và hỗ trợ hoạt động (không phải nhiệm vụ TA) và hiệu quả với công tác quản lý. Quy trình dự án (mua sắm,) tuân theo cả quy định của ADB và chính phủ là rất khó khăn Quỹ hỗ trợ CDF không dựa trên một mô hình	Tính hiệu quả: Mục tiêu của dự án liên quan đến (i) xóa đói giảm nghèo, (ii) năng lực quản lý rừng đặc biệt đối với các xã, (iii) SFM và bảo tồn đa dạng sinh học, (iv) nâng cao khả năng cung ứng lâm sản, (v) cải thiện cơ sở hạ tầng và (vi) cải thiện sinh kế. Về tổng thể, vẫn còn quá sớm để nói rằng sẽ đạt được các mục tiêu ở mức cao (có sự lẫn lộn với mục tiêu tổng thể phía dưới). Nếu có vấn đề trong việc đạt được các kết quả đầu ra theo gợi ý của TFF MTR thì sẽ có vấn đề trong việc đạt được mục tiêu và tính hiệu quả sẽ rất thấp. Tác động: Mục tiêu tổng thể liên quan đến (i) cải thiện nguồn lợi rừng và cung cấp lâm sản, (ii) an ninh lương thực cho 80.000 hộ nông dân, (iii) bảo vệ các rừng đầu nguồn quan trọng và đa

Báo cáo chính lần 3 Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (Dự thảo lần cuối 23/10/2011)

Mã số	Tên dự án	Phương thức hỗ trợ của TFF	Phù hợp VFDS	Những thành tựu và khó khăn chính	Tổng giải ngân (euro, %)	Đánh giá hiệu quả tổng thể (Kết quả đầu ra với chi phí hợp lý)	Đánh giá hiệu suất tổng thể Khả năng tác động
				hỗ trợ kinh doanh cho các SME dựa vào lâm nghiệp đã được rà soát. Du lịch sinh thái, bảo tồn và các hoạt động phát triển của NTFP: các hoạt động liên quan đã được triển khai chỉ ở Lâm Đồng và Phú Yên. Phát triển và lập kế hoạch du lịch sinh thái ở Vườn quốc gia Núi Ba và nghiên cứu khả thi NTFP ở khu bảo tồn Krong Trai Quỹ TFF Cung cấp chủ yếu cho TA và Quỹ Phát triển xã (CDF). TA đã đặt đúng chỗ và đã góp phần cho việc hình thành dự án (chuẩn bị hướng dẫn dự án... tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật như trên. 60 CDF sẽ nhận được 5.000 USD mỗi đơn vị (1,2 triệu USD), tỷ lệ giải ngân 93%		hiệu quả từ bối cảnh của thiết lập thể chế, năng lực, chống chéo với những nỗ lực khác (VNBSF)... và khuyến cáo MTR là sẽ dừng lại. do có những khó khăn của dự án, TA sẽ xem xét các vấn đề để cung cấp các nguồn đầu vào theo kế hoạch, Theo TFF MTR, thì CDF sẽ có vấn đề lớn trong việc hoạt động và thực hiện các kết quả đầu ra mong đợi theo phương thức hợp lý nhất. Vì thế đánh giá tổng thể về hiệu quả của đóng góp TFF là thất (mức 1/3). Hiệu quả của dự án cũng không được đánh giá đặc biệt tuy nhiên điều này có vẻ đáng nghi ngờ.	dạng sinh học. Một kết quả đầu ra cụ thể là để có SFM cho 1 trong 3 rừng tự nhiên của VN. Còn quá sớm để khẳng định những mục tiêu tổng thể này sẽ đạt được. Dự án chưa có kế hoạch đánh giá kết quả và tác động.
GA 025/06	FSDP: Dự án phát triển ngành lâm nghiệp Đồng tài trợ từ vốn vay WB \$39,6 triệu.	Dự án toàn quy mô. Đồng tài trợ từ vốn vay WB,	1,2,4,5	Dự án hỗ trợ các công việc trồng rừng tại 4 tỉnh ở miền trung Việt Nam (mục tiêu ban đầu là 65.000 ha tại 120 xã của 21 huyện) Công việc bảo tồn tập trung vào 50 rừng đặc dụng có mức đa dạng sinh học cao (SUF) trên khắp VN. Những kết quả đầu ra chính bao gồm: Hợp phần 1 (Phát triển tổ chức): 505 (trong	7.950.000 Cấp 86%	Hiệu quả: Dự án đã không thực sự bắt đầu cho đến khi TA đến vào năm 2007, khoảng 2 năm sau khi chính thức thông qua. Khi những khó khăn	Tính hiệu quả: FSDP có 4 mục tiêu trung gian liên quan (i) rừng sản xuất có năng suất cao đáp ứng được nhu cầu, (ii) khuyến lâm và gói hỗ trợ cho hộ gia đình nhỏ lẻ, (iii) quản lý và bảo tồn rừng

Báo cáo chính lần 3 Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (Dự thảo lần cuối 23/10/2011)

Mã số	Tên dự án	Phương thức hỗ trợ của TFF	Phù hợp VFDS	Những thành tựu và khó khăn chính	Tổng giải ngân (euro, %)	Đánh giá hiệu quả tổng thể (Kết quả đầu ra với chi phí hợp lý)	Đánh giá hiệu suất tổng thể Khả năng tác động
	GEF \$9 triệu. TFF \$11 triệu Chính phủ \$4,4 triệu TFF đã thông qua và gia hạn tuy nhiên đã bị dừng lại cho chậm trễ từ Ngân hàng thế giới do các vấn đề về biến đổi khí hậu và tỷ lệ lãi suất	GEF. 2006 - 2012. Đang thực hiện		tổng số 950) nhóm trang trại lâm nghiệp (FFG) được thành lập ở cấp thôn/xã Hợp phần 2 (Trồng rừng cho các hộ gia đình quy mô nhỏ): Khoảng 37.875 ha rừng trồng và quản lý; khoảng 37.000 ha đất được phân bổ cho nông dân. Phân đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 37.193 ha (trong tổng số 55.600 ha) Xây dựng kế hoạch về cảnh quan cấp xã cho 3 (trong tổng số 113) xã. 23.980 (19.000) lượt hộ gia đình được tập huấn về chuyển đổi kỹ thuật. Thiết kế trồng rừng cho 120 /120 xã và 41.629 (65.600) ha. Trồng rừng 37.875 (65.600) ha Hợp phần 3 (Rừng đặc dụng: được thực hiện tại VN thông qua quỹ Bảo tồn VN (VCF). 81 khu vực bảo tồn tự nhiên và rừng quốc gia được hỗ trợ. Quyết định về cơ chế tài chính bền vững (sẽ được Thủ tướng thông qua) về NRA và NP được trình và chờ xem xét thông qua, hy vọng trong quý 4/2011. Hợp phần 4 (Quản lý dự án và M&E): tập huấn và hướng dẫn về đánh giá thực địa cho 40 nhân viên M&E mới. Quỹ TFF Được cung cấp chủ yếu cho TA, những phần đặc biệt của Hợp phần trồng rừng và hoạt động quản lý của BQL trung ương và nguồn vốn riêng biệt (tương tự trong TFF) cho VCF để hỗ trợ bảo tồn các rừng đặc dụng.		trước khi thực hiện dự án được quản lý, thì tiến độ dự án đã được đẩy mạnh nhanh chóng. Tuy nhiên dự án vẫn vướng phải những thủ tục hành chính quan liêu (về mua sắm, ví dụ) với cả các quy định của WB và chính phủ VN. Báo cáo cho thấy rằng việc thực hiện đã được cải thiện rõ rệt và dự án đã đạt được một vài kết quả theo kế hoạch. Tuy nhiên không có một báo cáo rà soát từ bên ngoài nào (MTR vẫn là nội bộ) và không có đủ thời gian để đánh giá chi tiết. Tuy nhiên dường như đóng góp của TFF để đạt được thành công của dự án là rất lớn và có thể được xem xét ở mức độ hợp lý là “hiệu quả” trong việc sử dụng các nguồn lực. Một sự đánh giá so sánh về những dự án đã kết thúc khác có lẽ đánh giá hiệu quả ở mức “trung bình” 2/3). Điều này cho thấy sự cải tiến trong hoạt	đặc dụng và (iv) thể chế và thị trường. Dự án dường như không có một đánh giá tiến độ khả quan nào về các kết quả nhằm đạt được mục tiêu trung gian. Tác động: Phát triển mục tiêu liênquan tới SFM đối với trồng rừng sản xuất cho các hộ nhỏ lẻ và bảo vệ rừng đặc dụng, để góp phần xóa đói giảm nghèo, và bảo vệ môi trường/ đa dạng sinh học. Còn sớm để đánh giá đầy đủ làm thế nào đạt được những mục tiêu và những tác động thực sự của dự án Các mục tiêu trung gian ở mức tương đối thấp và có thể được đánh giá ở các giai đoạn sớm. Quan trọng là cần hiểu rõ cơ chế tác động và làm thế nào để đạt được chúng. Chính vì vậy có khuyến cáo cho rằng dự án nên có kế hoạch đánh giá phù hợp và phương pháp thực hiện hiệu quả.

Báo cáo chính lần 3 Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (Dự thảo lần cuối 23/10/2011)

Mã số	Tên dự án	Phương thức hỗ trợ của TFF	Phù hợp VFDS	Những thành tựu và khó khăn chính	Tổng giải ngân (euro, %)	Đánh giá hiệu quả tổng thể (Kết quả đầu ra với chi phí hợp lý)	Đánh giá hiệu suất tổng thể Khả năng tác động
						động đánh giá lần 2 TFF và phản ánh sự cải tiến trong việc thực hiện dự án từ chương trình FSDP sau khi có một khởi đầu chậm chạp.	
GA 029/09	FORMIS: Quản lý hệ thống thông tin đối với ngành lâm nghiệp Directly and jointly financed by được tài trợ bởi MFA Phần Lan (TA) 2,2 triệu euro và TFF 1,8 triệu euro. Chính phủ VN 0,4 triệu euro	Dự án toàn quy mô. 2009 - 2012. Đang thực hiện	1,5	FORMIS sử dụng cách tiếp cận theo giai đoạn để thiết kế, phát triển và hoạt động hệ thống thông tin quản lý rừng hiện đại. Đã thực hiện mô hình thí điểm ở 3 tỉnh. Có 5 kết quả đầu ra được phân bổ theo các giai đoạn. Kết quả 1 (Quy trình, tiêu chuẩn và cơ chế truyền thông tin): Các tiêu chuẩn được chuẩn bị để thông tin kiểm kê rừng (dự thảo), chi tiết số liệu bản đồ rừng (dự thảo) và metadata (để xuất dự án) Kết quả 2 (Hệ thống báo cáo hoạt động cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác). Kết quả quan trọng này của FORMIS đã hoàn thành xấp xỉ 15% và bao gồm cơ sở nền FORMIS và cổng điện tử portal, ứng dụng dựa trên web cho số liệu kiểm kê rừng, thu thập số liệu REDD và phát triển dữ liệu FORMIS và tích hợp. Kết quả 3 (Năng lực quản lý và thu thập thông tin): 6 khóa tập huấn 14 sự kiện tập huấn cho 325 người. Kết quả 4 (Cơ sở hạ tầng IT): 100% hoàn thành theo kế hoạch (2 máy chủ, 3 máy in A3, 8 GPS, 2 phụ kiện và 7 phần mềm) Kết quả 5 (Năng lực của MARD để giám sát VFDS) Báo cáo hoạt động ngành lâm nghiệp	876.194 49% of Grant	Hiệu quả: Nói chung tiến độ của dự án dường như ở mức tốt và nhóm cảm thấy đang theo đúng kế hoạch đề ra. Báo cáo giữa kỳ gần đây (dự thảo sơ bộ) đã tìm thấy những vấn đề (i) thiếu rõ ràng trong khung giám sát và chỉ số đã khiến việc đánh giá gặp nhiều khó khăn, (ii) việc thực hiện rất chuyên nghiệp và theo kế hoạch đề ra, (iii) chất lượng công việc phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và (v) hoạt động giải ngân chậm (nhưng hy vọng sẽ đẩy nhanh trong thời gian tới) Một cuộc đánh giá so sánh như trên có thể đánh giá được hiệu quả ở mức “trung bình” cho dù vẫn còn nhiều tranh	Tính hiệu quả: Mục đích của dự án là “xây dựng dữ liệu quản lý rừng chính xác và sẵn có để đưa ra các quyết định”. Điều này có thể được đánh giá khi hệ thống hoạt động và đang được thử nghiệm một cách tích cực. Nhóm FORMIS rất lạc quan Tác động: Mục tiêu tổng thể của dự án là xây dựng một hệ thống thông tin rừng hiện đại nhằm hỗ trợ việc ra quyết định từ cấp trung ương đến địa phương. Còn quá sớm để đánh giá thành công của mục tiêu tổng thể và tác động của dự án

Báo cáo chính lần 3 Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (Dự thảo lần cuối 23/10/2011)

Mã số	Tên dự án	Phương thức hỗ trợ của TFF	Phù hợp VFDS	Những thành tựu và khó khăn chính	Tổng giải ngân (euro, %)	Đánh giá hiệu quả tổng thể (Kết quả đầu ra với chi phí hợp lý)	Đánh giá hiệu suất tổng thể Khả năng tác động
				(2006-2010) đã hoàn thành và phát hành		cải về mức độ thành công của dự án hệ thống IT vì mới ở giai đoạn đầu.	
GA 030/11	FSSP-CO: TFF tài trợ cho Văn phòng Điều phối Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm Nghiệp để hoạt động 2011 – 2012'	Hoạt động phi dự án. 2011 - 2012 Đang thực hiện	5	Không có thông tin để đánh giá Dự kiến kết quả đầu ra như sau: Kết quả 1: Huy động và sử dụng nguồn lực cho ngành lâm nghiệp được điều phối một cách hiệu quả Kết quả 2: Đối thoại chính sách và tư vấn với các bên liên quan về các vấn đề quan trọng của ngành lâm nghiệp được thúc đẩy, nhằm mục đích phát triển thể chế và chính sách của ngành lâm nghiệp Kết quả 3 Thông tin về ngành lâm nghiệp Việt Nam và thế giới được cập nhật và chia sẻ hoàn tất và chính xác giữa các bên liên quan Kết quả 4 Hệ thống M&E được củng cố hiệu quả và duy trì nhằm góp phần nâng cao chất lượng thực hiện của VFDS và những quyết định chỉ đạo dựa trên cơ sở thực tế của các hoạt động can thiệp trong FSSP.	50.000 50% hỗ trợ	Hiệu quả: Không có thông tin để đánh giá	Tính hiệu quả: Mục đích liên quan tới quan hệ đối tác hiệu quả giữa các bên liên quan đối với VNFDs (bằng cách tăng cường chia sẻ thông tin, đối thoại chính sách, hợp tác...). Còn sớm để đánh giá điều này. Tác động: Mục tiêu tổng thể là góp phần thực hiện hiệu quả VNFDs với chất lượng cao. Còn quá sớm để đánh giá điều này
Tổng phân bổ:					19,1 m	(68% hỗ trợ)	

Nguồn thông tin:

Table is based mostly on TFF data unless specified otherwise in Notes.

Những bảng thông tin hầu hết dựa trên số liệu của TFF ngoại trừ một số thông tin bên ngoài theo chú thích

#1: Nguồn thông tin từ báo cáo đánh giá kết thúc dự án

#2: Nguồn thông tin từ báo cáo hàng năm gần đây nhất của TFF và báo cáo tổng kết TFF giai đoạn 2004-2010 (dự thảo)

#3: Nguồn thông tin từ BQL TFF tổng kết danh mục dự án giai đoạn 2004-2011 và các bảng số liệu khác được chuẩn bị cho đoàn công tác.

Phụ lục 5: Tổng kết đánh giá hiệu quả của toàn bộ danh mục dự án

Mã	Tên rút gọn	Tình trạng (#i)	Giá trị vốn tài trợ (euro)	% giải ngân	Đánh giá hiệu quả tổng thể		
					đánh giá lần 2 (#ii)	đánh giá lần 3 (#ii)	Sau lần 3 (#iv)
GA 001/05	Khảo sát về giới	Hoàn thành	50,000	92%	n/a		
GA 002/05	FPD luật-FD	Hoàn thành	42,000	82%	Hiệu quả		2
GA 003/05	Khái niệm VFDS	Hoàn thành	50,000	102%	n/a		
GA 004/05	Hội nghị Uni	Hoàn thành	8,000	96%	Hiệu quả		2
GA 005/05	FPD Luật-FPD	Hoàn thành	81,036	81%	Hiệu quả		2
GA 006/05	FPD Luật-FD	Hoàn thành	70,541	96%	Hiệu quả		2
GA 007/05	FPD Luật-LD	Hoàn thành	85,202	79%	Hiệu quả		2
GA 008/05	VFDS đầy đủ	Hoàn thành	260,000	74%	Hiệu quả		2
GA 009/06	Tam Dao	Hoàn thành	31,539	89%	Hiệu quả		2
GA 010/06	Chính sách sản xuất	Hoàn thành	39,500	91%	Hiệu quả		2
GA 011/06	Dự án giống	Hoàn thành	48,000	91%	Tốt		1
GA 012/06	Khảo sát vùng cao	Hoàn thành	42,500	88%	Hiệu quả		2
GA 014/06	CFM	Hoàn thành	1,463,000	99%	Hiệu quả		2
GA 015/06	SLM	Hoàn thành	377,007	93%	Hiệu quả		2
GA 016/06	Cải cách SFE	Hoàn thành	50,000	40%	n/a		
GA 017/06	Bach Ma	Hoàn thành	40,000	90%	Tốt		1
GA 018/07	CBBC	Comp. 07	596,406	100%	Tốt	T/bình	2
GA 019/07	Lam Dong	Comp. 11	926,092	100%	Tốt	cao	1
GA 020/08	PPFP	Term. 10	3,147,755	66%	Thấp	Thấp	3
GA 021/07	FLITCH	Đang thực hiện	12,340,000	54%	Thấp	Thấp	3
GA 022/07	Desert W/shop	Hoàn thành	10,000	100%	Hiệu quả		2
GA 023/07	FD-Thailand	Hoàn thành	1,423	100%	n/a		
GA 024/05	FOMIS	Hoàn thành	50,000	100%	n/a		
GA 025/06	FSDP	Đang thực hiện	9,200,000	86%	Low	T/bình	2
GA 026/07	FD-Tây ban nha	Hoàn thành	2,401	100%	n/a		
GA 027/08	Đề xuất MIS	Hoàn thành	10,000	70%	n/a		
GA 028/08	Hội thảo rừng ngập mặn	Hoàn thành	10,000	100%	Tốt		1
GA 029/09	FORMIS	Đang thực hiện	1,798,636	49%	n/a (#1)	T/bình	2
GA 030/11	FSSP – CO	Đang thực hiện	100,000	50%	n/a	n/a	

Ghi chú:

#i: "Comp." = hoàn thành: "Term." = đã kết thúc.

#ii: Đánh giá hiệu quả tổng thể do Báo cáo đánh giá lần 2 của TFF, dựa trên (i) sử dụng đúng thời điểm nguồn quỹ TFF, (ii) những dự án tương tự /có liên quan đạt được kết quả tương tự nhanh hơn, và (iii) liệu đã có những kết quả tương tự từ những dự án không phải do TFF tài trợ ở Việt Nam hay không?

#iii: Cập nhật báo cáo đánh giá lần 3 dựa trên đánh giá tổng thể của Báo cáo đánh giá kết thúc dự án và/hoặc những thành tựu tổng thể của kết quả đầu ra với nguồn ngân sách sẵn có (xem Phụ lục 4)

#iv: 1 = hiệu quả cao: 2 = hiệu quả trung bình: 3 = hiệu quả thấp theo mức đánh giá tương đối

Phụ lục 6: Xem xét vai trò của TFF trong mối liên hệ với VFDS, FSSP và HCS

Theo mục tiêu của TFF	So với chiến lược của VFDS	So với mục tiêu của FSSP	So với HCS
Những ưu tiên ngành			
Quản lý rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học nhằm đạt được: a) bảo vệ môi trường, b) cải thiện sinh kế cho người sống ở khu vực phụ thuộc vào rừng, và c) tăng cường sự đóng góp của rừng vào nền kinh tế quốc gia	Các hoạt động sản xuất rừng phải được dựa trên một nền tảng quản lý bền vững, thông qua lập kế hoạch bảo vệ rừng và phát triển và nhằm mục tiêu tiếp tục nâng cao chất lượng rừng. Bảo tồn, bảo vệ và phát triển phải được kết hợp hài hòa với nhau với việc khai thác và sử dụng rừng hợp lý. Trồng rừng, khoanh vùng tái sinh rừng, trồng rừng lại, và làm giàu rừng cần được liên kết với công tác bảo vệ rừng hiện có. Ngành lâm nghiệp nên được khuyến khích như ngành nông nghiệp, thủy sản và các ngành nghề nông thôn khác. Trồng rừng nhiều mục đích nên được khuyến khích mạnh mẽ với sự kết hợp bảo vệ rừng. Phát triển lâm sản, lâm sản ngoài gỗ nên được kết nối với phát triển chế biến lâm sản, vì vậy giúp đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế, môi trường và phát triển bền vững quốc gia.	Cam kết về quản lý rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học nhằm đạt được: (a) bảo vệ môi trường; (b) cải thiện sinh kế cho người sống trong khu vực trồng rừng và (c) tăng cường sự đóng góp của rừng vào nền kinh tế quốc gia	Hiệu quả vốn tài trợ phải tăng đáng kể để hỗ trợ những nỗ lực của VN nhằm tăng cường thể chế, nâng cao chất lượng thực hiện và tăng cường kết quả đầu ra
Hài hòa các thủ tục			
Quy Ủy thác có 4 mục tiêu cụ thể: (1) cùng với hỗ trợ ODA giải quyết tốt hơn những ưu tiên đã được xác lập trong khung FSSP; (2) cải thiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo trong chương trình hỗ trợ ODA cho ngành lâm nghiệp, đồng nhất với CPRGS; (3) hài hòa phân bổ vốn viện trợ từ ODA cho ngành lâm nghiệp thông qua giảm các chi phí giao dịch của chính phủ; (4) hỗ trợ chuyển giao hướng tới ngành áp dụng rộng rãi sự hỗ trợ của ODA cho ngành lâm nghiệp	Bảo vệ và phát triển rừng và xóa đói giảm nghèo ở khu vực miền núi nông thôn đã nhận được những sự hỗ trợ đặc biệt từ cộng đồng quốc tế	TFF cùng với hỗ trợ ODA giải quyết tốt hơn những ưu tiên đã được xác lập trong khung FSSP Chính phủ VN và các đối tác quốc tế nhận thấy sự cần thiết phải minh bạch giữa chiến lược phát triển ngành lâm nghiệp và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của quốc gia giai đoạn 2001-2010. Điểm nhấn về tăng trưởng kinh tế ở khu vực nông thôn, công nghiệp hóa và sự cần thiết phải quản lý môi trường bền vững là gắn kết với mục tiêu đã được tuyên bố của ngành lâm nghiệp, được hình thành trong mối quan hệ Đối tác này.	Các nhà tài trợ dựa trên các thảo luận về chương trình nghị sự xóa đói giảm nghèo và phát triển được đề xuất trong Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm (SEDP) Chính phủ VN và các nhà tài trợ cùng thực hiện và sử dụng những rà soát cốt lõi có hệ thống như Đánh giá khả năng tin cậy tài chính quốc gia, Rà soát chỉ tiêu công (PER), Báo cáo đánh giá các hoạt động thu mua quốc gia (CPAR).... Và chính phủ VN cùng các nhà tài trợ chia sẻ các quan điểm khác và thực hiện chung việc rà soát Chính phủ VN và các nhà tài trợ cùng sử dụng khung đánh giá hoạt động thực hiện hướng tới kết quả để tối đa hóa hiệu quả viện trợ và quản lý thực hiện SEDP và các kế hoạch của quốc gia, khu vực, tỉnh, ngành có liên quan
Nâng cao hiệu quả viện trợ			
Ưu tiên sẽ được dành cho việc cung cấp các hoạt động hỗ trợ giúp giải quyết các cách tiếp cận dành cho người nghèo và bền vững để đối với quản lý rừng ở cấp độ chính sách và thí điểm ở cấp độ thực hiện	Lâm nghiệp không chỉ tạo ra lâm sản như các loại hàng hóa và dịch vụ đóng góp vào nền kinh tế quốc gia, mà còn đóng một vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường như bảo vệ rừng đầu nguồn, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia cũng như các khu vực biên giới, hải đảo, và có sự đóng góp quan trọng nhằm cải thiện sinh kế và xóa đói giảm nghèo cho người dân sống trong khu vực nông thôn và miền núi	Việc ký kết đối tác đã hướng đến những hỗ trợ toàn diện và hiệu quả, xem xét đến các điều kiện về chính sách và cơ cấu tổ chức của ngành cũng như việc nâng cao năng lực trong nước cần thiết	Sự can thiệp của nhà tài trợ được điều phối với những chính sách của chính phủ và khung phát triển ngành, bao gồm phương thức hỗ trợ ngân sách và dự án tổng thể/ ngành

Phụ lục 7: BQL TFF giám sát các dự án từ tháng 6/2009

(BQL TFF giám sát và đánh giá các hoạt động thực tế của các dự án từ cuối tháng 6/2009 (đánh giá gần đây nhất)

Mã dự án	Tên viết tắt	Phương thức hỗ trợ	Tình trạng	Phương thức đánh giá (thực tế) được tiến hành	Khi nào (tháng/năm)	Ai thực hiện?	Loại báo cáo, cho ai... và kết quả là hoạt động, quyết định gì...
GA 018/07	CBBC	Dự án toàn quy mô	Hoàn thành	Hợp để đánh giá sự hợp tác giữa các dự án GA 018 và các bên liên quan	Tháng 6, 2010	Mr. Thanh	• Biên bản cuộc họp
				Quyết toán tài chính	Tháng 5, 2011	Mr. Luong, Ms. Ha, Ms. Linh	• Biên bản quyết toán tài chính của dự án gửi MARD
GA 019/07	Lam Dong	Dự án toàn quy mô	Hoàn thành	Quyết toán tài chính	August, 2009	Mr. Luong, Ms. Ha, Ms. Linh	• Biên bản quyết toán tài chính của dự án gửi MARD
				Đoàn đánh giá lần 2 của TFF	Tháng 5, 2009	Mr. Cuong & Ms. Linh	• Báo cáo đánh giá lần 2 của TFF
				Quyết toán tài chính	Tháng 3, 2010	Mr. Luong, Ms. Ha, Ms. Huong	• Biên bản quyết toán tài chính của dự án gửi MARD
				Hội thảo kết thúc dự án	Tháng 4, 2011	Mr. Binh, Ms. Ha, Ms. Linh	Kết quả dự án
				Quyết toán tài chính	Tháng 8, 2011	Mr. Luong, Ms. Ha, Mr. Trung	• Biên bản quyết toán tài chính của dự án gửi MARD
GA 020/08	PPFP	Dự án toàn quy mô	Hoàn thành	Đoàn đánh giá lần 2 của TFF	Tháng 5, 2009	Mr. Thanh & Ms. nguyet	• Báo cáo đánh giá lần 2 của TFF
				Giám sát đoàn đánh giá	Tháng 9, 2009	MARD (Mr. Mau, Mr. Thinh & Mr. Lam) & TFF Team	• Báo cáo của đoàn công tác gửi MARD và nhà tài trợ
				Quyết toán tài chính	Tháng 9, 2009	Mr. Luong, Ms. Ha & Ms. Linh	• Biên bản quyết toán tài chính của dự án gửi MARD
				Đoàn đánh giá cuối cùng	Tháng 4, 2010	Consultant team, Mr. Thanh	• Báo cáo đánh giá cuối cùng
				Quyết toán tài chính	Tháng 7, 2011	Mr. Luong, Ms. Ha & Ms. Linh	• Biên bản quyết toán tài chính của dự án gửi MARD

Báo cáo chính lần 3 Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (Dự thảo lần cuối 23/10/2011)

Mã dự án	Tên viết tắt	Phương thức hỗ trợ	Tình trạng	Phương thức đánh giá (thực tế) được tiến hành	Khi nào (tháng/năm)	Ai thực hiện?	Loại báo cáo, cho ai... và kết quả là hoạt động, quyết định gì...
GA 021/07	FLITCH	Dự án toàn quy mô	Đang triển khai	Họp ban chỉ đạo chung	Tháng 11, 2009	Ms. Van	- Báo cáo tham dự và tiếp theo bởi - Thông báo và báo cáo định kỳ của dự án để kiểm tra sự hoàn thiện
				Giám sát đo lường đánh giá ADB	Tháng 3, 2010	Ivo	- Báo cáo tham dự và tiếp theo bởi - Thông báo và báo cáo định kỳ của dự án để kiểm tra sự hoàn thiện
				Họp ban chỉ đạo chung	Tháng 7, 2010	Mr. Ivo & Mr. Cuong	- Báo cáo tham dự và tiếp theo bởi - Thông báo và báo cáo định kỳ của dự án để kiểm tra sự hoàn thiện
				Họp ban chỉ đạo chung	Tháng 12, 2010	Ivo, Cuong	- Báo cáo tham dự và tiếp theo bởi - Thông báo và báo cáo định kỳ của dự án để kiểm tra sự hoàn thiện
				Họp tổng kết sự tham gia dự án	Tháng 8, 2011	Mr. Luong, Mr. Cuong & Mr. Ivo	- Báo cáo tham dự và tiếp theo bởi - Thông báo và báo cáo định kỳ của dự án để kiểm tra sự hoàn thiện
GA 025/06	FSDP	Dự án toàn quy mô	Đang triển khai	Tham dự họp ban điều phối CPMU định kỳ	Mỗi năm 2 lần, giữa năm và cuối năm	Cuong, Ivo, Van	- Báo cáo tham dự và tiếp theo bởi - Thông báo và báo cáo định kỳ của dự án để kiểm tra sự hoàn thiện
				Tham dự họp ban điều phối VCF định kỳ	Mỗi năm 2 lần, giữa năm và cuối năm	Cuong, Van	- Báo cáo tham dự và tiếp theo bởi - Thông báo và báo cáo định kỳ của dự án để kiểm tra sự hoàn thiện
				Tham dự họp VCF để gia hạn	Tháng 4 2011	Cuong, Van	- Báo cáo tham dự và tiếp theo bởi - Thông báo và báo cáo định kỳ của dự án để kiểm tra sự hoàn thiện
				Nhập đoàn giám sát WB	Tháng 12, 2010	Mr. Ivo	- Báo cáo tham dự và tiếp theo bởi - Thông báo và báo cáo định kỳ của dự án để kiểm tra sự hoàn thiện
GA 029/09	FORMIS	Dự án toàn quy	Đang triển khai	Họp ban chỉ đạo dự án	Tháng 8, 2010	Ms. Van, Mr. Hoan & Mr. Thanh.	- Biên bản cuộc họp, theo sau bởi - Email, thông báo điện thoại và báo cáo định

Báo cáo chính lần 3 Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (Dự thảo lần cuối 23/10/2011)

Mã dự án	Tên viết tắt	Phương thức hỗ trợ	Tình trạng	Phương thức đánh giá (thực tế) được tiến hành	Khi nào (tháng/năm)	Ai thực hiện?	Loại báo cáo, cho ai... và kết quả là hoạt động, quyết định gì...
		mô					kỳ dự án để kiểm tra sự hoàn thiện
				Họp ban chỉ đạo dự án	Tháng 1, 2011	Ms. Van, Ha and Mr. Thanh	• Biên bản cuộc họp, theo sau bởi • Email, thông báo điện thoại và báo cáo định kỳ dự án để kiểm tra sự hoàn thiện
				Họp định kỳ 2 lần/năm	Tháng 8, 2011	Ms. Ha & Mr. Trung	• Tiếp theo bởi Email, thông báo điện thoại và báo cáo định kỳ dự án để kiểm tra sự hoàn thiện
				Tham gia báo cáo đánh giá giữa kỳ	Tháng 8, 2011	Nhóm tư vấn, Mr. Trung	• Báo cáo giữa kỳ
GA 030/11	FSSP-CO	Hoạt động phi dự án	Đang triển khai	Hội thảo về M&E	Tháng 5, 2011	TFF team	• Kế hoạch M&E

Nguồn: TFFMU

Phụ lục 8: Chính sách, công cụ được thực hiện với sự hỗ trợ của TFF

TT	Chính sách, công cụ (nghị định, quyết định, thông tư, cẩm nang, chiến lược, chương trình đào tạo....)	Dự án	Ngày	Tình trạng
1	Quyết định số. 166/2007/QĐ-TTg về đầu tư và chính sách người hưởng lợi đối với những người tham gia dự án	FLITCH	2007	Đã phê duyệt và thực hiện
2	Thông tư số 151/2007/TT-BTC về hướng dẫn cơ chế giải ngân và quản lý tài chính dự án	FLITCH	2007	Đã phê duyệt và thực hiện
3	Quyết định số 2884/2007/QĐ-BNN-TC về quy định một số định mức chi phí dự án	FLITCH	2007	Đã phê duyệt và thực hiện
4	Quyết định số 2506/QĐ-BNN-HTQT ngày 7/9/2009 về phê duyệt cẩm nang hướng dẫn thực hiện dự án (PIM) của Bộ NN PTNT	FLITCH	7/9/2009	Đã phê duyệt và thực hiện
5	Công văn số 2834/BNN-TC ngày 7/9/2009 về hướng dẫn thành lập, quản lý và sử dụng CDF của FLITCH của Bộ NNPTNN	FLITCH	7/9/2009	Đã phê duyệt và thực hiện
6	Nghị định số 117/2010/ND-CP (phát triển do VCF tài trợ) ban hành cuối tháng 12 trình bày một số cải cách công tác vận hành, tổ chức và quản lý SUF quy định trách nhiệm của tỉnh và quy định các yêu cầu riêng đối với kế hoạch tổng thể SUF, kế hoạch quản lý công tác 5 năm và hàng năm. Nhiều yêu cầu có trong các Chương và Điều của nghị định phải có trong OMP.	VCF	Dec 2010	Đã phê duyệt và thực hiện
7	Có thêm nghị định (tư vấn được quỹ VCF hỗ trợ) về chính sách phát triển và đầu tư SUF; đã trình văn phòng thủ tướng năm 2010 và kỳ vọng chính phủ sẽ phê chuẩn vào nội quý 1 năm 2011	VCF		Chờ phê duyệt vào Q4/2011
8	Dự thảo quyết định của thủ tướng chính phủ về cơ chế phân chia lợi nhuận (BSMs) sắp được Bộ NNPTNN hoàn thành và trình thủ tướng vào quý 1 năm 2011.	VCF		Chờ phê duyệt vào Q4/2011
9	Cẩm nang M&E I	VCF	Nov 2008	Đã phê duyệt và thực hiện
10	Quyết định số 26/QĐ-BNN-TC của bộ NNPTNT về ban hành hướng dẫn sử dụng định mức chi phí của vốn VCF	VCF	06/01/2006	Đã phê duyệt và thực hiện
11	Quyết định 104/2007/QĐ-BNN của bộ NNPTNT về việc ban hành các quy định quản lý hoạt động du lịch sinh thái vườn quốc gia, khu bảo tồn	VCF	27/12/2007	Đã phê duyệt và thực hiện
12	Hướng dẫn và format OMP	VCF	July 2009	Đã phê duyệt và thực hiện
13	Cẩm nang vận hành FFG	FSDP		Đã phê duyệt và thực hiện
14	Hướng dẫn cấp chứng chỉ rừng	FSDP		Đã phê duyệt và thực hiện
15	Kế hoạch kinh tế hộ gia đình FFGn	FSDP		Đã phê duyệt và thực hiện
16	Cẩm nang tín dụng	FSDP		Đã phê duyệt và thực hiện
17	Nghị định của chính phủ số 23/2006/NĐ-CP về việc ban hành hướng dẫn thực hiện luật phát triển và bảo vệ rừng	GA02/05	3/3/2006	Đã phê duyệt và thực hiện

TT	Chính sách, công cụ (nghị định, quyết định, thông tư, cẩm nang, chiến lược, chương trình đào tạo....)	Dự án	Ngày	Tình trạng
18	Nghị định chính phủ số 32/2006/NĐ-CP về quản lý bảo vệ các loài động thực vật rừng quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng	GA05/05	2006	Đã phê duyệt và thực hiện
19	Quyết định số 59/2005/QĐ-BNN về việc ban hành quyết định giám sát kiểm tra lâm sản Qu8	GA05/05	10/10/2005	Đã phê duyệt và thực hiện
20	Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN về quy định quản lý và sử dụng on regulation for management and utilization of making-seal hammer and ranger inspecting-seal hammer	GA05/05	1/6/2006	Đã phê duyệt và thực hiện
21	Nghị định số 05/2008/ND-CP của chính phủ về việc thành lập VNFF	GA010/06	14/1/2008	Đã phê duyệt và thực hiện
22	Nghị định số 147/2007/QĐ-TTg của chính phủ về chính sách phát triển rừng làm nguồn cung nguyên liệu	GA010/06	10/9/2007	Đã phê duyệt và thực hiện
23	Thông tư số 05/2008/TT-BNN của bộ NNPTNT về việc ban hành hướng dẫn kế hoạch và quy hoạch phát triển và bảo vệ rừng	GA06/05	14/01/2008	Đã phê duyệt và thực hiện
24	Thông tư số 38/2007/TT-BNN về hướng dẫn các thủ tục, quy trình giao đất giao rừng, rút rừng áp dụng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và các cộng đồng	GA06/05	25/4/2007	Đã phê duyệt và thực hiện
25	Thông tư số 25/2009/TT-BNN về việc ban hành hướng dẫn thực hiện kiểm tra rừng, quản lý phân loại và thống kê rừng	GA06/05	5/5/2009	Đã phê duyệt và thực hiện
26	Quyết định số 106/2006/QĐ của Bộ NNPTNT về việc ban hành hướng dẫn thực hiện quản lý rừng cộng đồng	GA014/06	27/11/2006	Đã phê duyệt và thực hiện
27	Quyết định số 434/QĐ-QLR của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp về việc ban hành hướng dẫn thành lập quỹ phát triển và bảo vệ rừng ở cấp xã và giao đất giao rừng cho các cộng đồng địa phương	GA014/06	11/4/2007	Đã phê duyệt và thực hiện
28	Quyết định số 550/QĐ-QLR của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp về việc ban hành hướng dẫn xây dựng quy chế phát triển và bảo vệ rừng cho cộng đồng địa phương.	GA014/06	08/05/2007	Đã phê duyệt và thực hiện
29	Công văn số 2324/BNN-LN của Bộ trưởng Bộ NNPTNT về việc ban hành hướng dẫn quy trình và định mức kỹ thuật khai thác rừng cộng đồng	GA014/06	21/8/2007	Đã phê duyệt và thực hiện
30	Công văn số 123/BNN-LN của Bộ trưởng Bộ NNPTNT về ban hành hướng dẫn sử dụng, quản lý và thành lập thí điểm quỹ phát triển và bảo vệ rừng cấp xã	GA014/06	15/1/2008	Đã phê duyệt và thực hiện
31	Công văn số 754/CV-LNCD của Cục Lâm nghiệp về ban hành hướng dẫn kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho rừng cộng đồng	GA014/06	31/5/2007	Đã phê duyệt và thực hiện
32	Công văn số 815/CV-LNCD của Cục Lâm nghiệp về ban hành hướng dẫn phát triển các mô hình rừng gỗ tự nhiên cho cộng đồng	GA014/06	12/6/2007	Đã phê duyệt và thực hiện
33	Công văn số 1326/CV-LNCD của Cục Lâm nghiệp về ban hành hướng dẫn quy hoạch quản lý rừng cộng đồng	GA014/06	7/9/2007	Đã phê duyệt và thực hiện
34	Công văn số 1327/CV-LNCD của Cục Lâm nghiệp về việc ban hành hướng dẫn kiểm kê rừng cộng đồng	GA014/06	7/9/2007	Đã phê duyệt và thực hiện

Báo cáo chính lần 3 Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp (Dự thảo lần cuối 23/10/2011)

TT	Chính sách, công cụ (nghị định, quyết định, thông tư, cẩm nang, chiến lược, chương trình đào tạo....)	Dự án	Ngày	Tình trạng
35	Công văn số 1703/CV-DALNCD của Cục Lâm nghiệp về ban hành hướng dẫn giám sát đánh giá thực hiện quản lý rừng cộng đồng	GA014/06	14/11/2007	Đã phê duyệt và thực hiện
36	Công văn số 141/CV-DALN của Cục Lâm nghiệp về sửa đổi bổ sung hướng dẫn kiểm kê rừng cộng đồng	GA014/06	05/2/2008	Đã phê duyệt và thực hiện
37	Công văn số 588/CV-LNCD của Cục Lâm nghiệp về việc ban hành hướng dẫn xác định ranh giới đất và lập bản đồ diện tích rừng được giao cho cộng đồng	GA014/06	23/6/2008	Đã phê duyệt và thực hiện
38	Công văn số 787/CV-LNCD của Cục Lâm nghiệp về thí điểm phân bổ các loài cây với các thông số thành lập và thực hiện kế hoạch quản lý rừng cộng đồng	GA014/06	23/6/2008	Đã phê duyệt và thực hiện
39	Công văn số 1155/ĐC-LNCD của Cục Lâm Nghiệp về việc sửa đổi công văn số 787/CV-LNCD	GA014/06	22/8/2008	Đã phê duyệt và thực hiện
40	Bộ công cụ quản lý rừng bền vững có phương pháp luận tiếp cận các vấn đề suy thoái đất diễn ra ở các khu vực của 4 vùng ưu tiên bao gồm khu vực tây bắc, miền trung, tây nguyên và nam bộ.	GA015/06	2008	Đã phê duyệt và thực hiện
41	Chương trình đào tạo kiểm lâm theo quyết định số 2333/QĐ-BNN-TCCB của Bộ NNPTNT	GA018/07	30/8/2010	Đã phê duyệt và thực hiện
42	Tài liệu “chiến lược phát triển rừng Việt Nam 2006-2010” do Chính phủ phê duyệt theo quyết định số 18/2007/QĐ-TTg	GA008/05	5/2/2007	Đã phê duyệt và thực hiện

Phụ lục 9: Rà soát việc theo dõi những rủi ro chính theo Báo cáo đánh giá rủi ro

Rủi ro chính và hành động cần thực hiện	Thực hiện
Năng lực cán bộ: Rủi ro tại cấp địa phương (ví dụ tại các Ban Quản lý Dự án tỉnh) cao hơn xuất phát từ việc thiếu cán bộ tâm huyết do Bộ NN&PTNT cử đến các dự án của TFF cũng như không có các chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài với những kỹ năng chuyên môn về khoa học lâm nghiệp. Ngoài ra, rủi ro còn xuất phát từ việc thiếu các kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về kế toán và kiểm toán. Có rủi ro là vốn không được sử dụng một cách hữu hiệu và hiệu quả và phù hợp với các hiệp định dự án cũng như rủi ro là vốn không được hạch toán đúng đắn. Hành động cần thực hiện: Cần được chú trọng hơn nữa về nguồn nhân lực và chiến lược xây dựng năng lực, các biện pháp giải quyết cần được thực hiện ngay, ví dụ tuyển dụng thêm nhân viên, chuyển chuyển nội bộ và đào tạo.	Báo cáo đánh giá lần hai kết luận: Các cuộc thảo luận ở cấp dự án cho thấy 1 thực tế là không cần phải tuyển thêm cán bộ cho dự án. Thay vào đó khoá đào tạo nhắc lại cần được tổ chức sau khi có Quy định về cho toàn bộ giai đoạn thực hiện và PIM Đánh giá của Đoàn đánh giá lần thứ ba: Ngay cả khi một số hành động đã được thực hiện, vẫn cần tiếp tục nâng cao năng lực và cải thiện chiến lược phát triển nhân lực. Cần còn có rủi ro
Công tác mua sắm hàng hóa và dịch vụ Thiếu một cơ chế quản lý xung đột lợi ích và thiếu các hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm soát từ bên ngoài đối với các hoạt động mua sắm có thể bao gồm rủi ro là vốn không đem lại giá trị đồng tiền hoặc có rủi ro tham nhũng Chậm trễ trong việc thực hiện mua sắm được ghi nhận cho tất cả các dự án được xem xét dẫn đến việc triển khai chậm và tỷ lệ giải ngân thấp. Những lý do chính là: 1) Sự chậm trễ trong việc ký kết hợp đồng do thiếu nhân viên mua sắm có khả năng tham gia vào quá trình đấu thầu theo Luật đấu thầu mới ban hành và các thủ tục phê duyệt công kênh; 2) thiếu các đơn vị tư vấn có năng lực và kỹ năng trong một số lĩnh vực nhất định ví dụ như lâm nghiệp cộng đồng, dẫn đến việc phải mất nhiều thời gian để tìm đơn vị tư vấn phù hợp. Hành động cần thực hiện: Định nghĩa về xung đột lợi ích và các nguyên tắc để quản lý xung đột lợi ích cần được đưa vào Cẩm nang vận hành và quản lý quỹ TFF (OM) và Sổ tay Hướng dẫn Thực hiện Dự án và (PIM). Những kiểm soát sau đây có thể được xem xét để sử dụng nhằm ngăn chặn và phát hiện xung đột lợi ích trong quá trình mua sắm như sau: 1. Bản cam kết về đạo đức được điền và ký bởi cán bộ đấu thầu, cán bộ đánh giá thầu và cán bộ thẩm định thầu: Bản cam kết này yêu cầu các cán bộ cung cấp thông tin về các tài sản và công nợ tài chính của họ (và của những thành viên ruột thịt trong gia đình) và các lợi ích bên ngoài. Mục đích của việc cung cấp các thông tin này là xác định những xung đột tiềm tàng giữa vị trí công việc của nhân viên và lợi ích riêng của người đó, nhằm thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp giúp nhân viên tránh khỏi những xung đột đó 2. Bản cam kết không cung cấp thông tin và không có lợi ích tài chính: Các cán bộ thuộc ban lựa	Những hành động đã thực hiện Định nghĩa xung đột lợi ích và các nguyên tắc quản lý xung đột đã được đưa vào Cẩm nang vận hành và quản lý quỹ. Tuy nhiên chưa có kiểm soát trực tiếp xung đột lợi ích và cần phải có hành động can thiệp Vẫn còn rủi ro xung đột lợi ích và khuyến nghị cần có kiểm soát quá trình mua bán đấu thầu. Đoàn đánh giá lần hai cũng có khuyến nghị như vậy. Vẫn còn có rủi ro vốn không đạt được giá trị mong muốn và rủi ro tham nhũng

Rủi ro chính và hành động cần thực hiện	Thực hiện
chọn và thẩm định nhà thầu phải ký Bản cam kết không cung cấp thông tin và không có lợi ích tài chính. Bản cam kết này yêu cầu nhân viên không cung cấp các thông tin về việc lựa chọn và thẩm định nhà thầu. Bản cam kết giúp đảm bảo rằng những người tham gia lựa chọn và những người nằm trong ban thẩm định không có lợi ích nào liên quan đến bất cứ nhà cung cấp sản phẩm dịch vụ nào đang được xem xét để giao thầu.	
Báo cáo tài chính và báo cáo tiến độ Yếu kém năng lực liên quan đến quản lý dự án ví dụ như cấp địa phương như tại Ban quản lý dự án tỉnh làm tăng lo ngại về sự đúng đắn và kịp thời của báo cáo tiến độ và báo cáo tài chính. Vì vậy, trong một khía cạnh khác, có nguy cơ vốn sử dụng không được báo cáo đầy đủ. Việc các Ban QLDA cấp tỉnh chậm nộp các báo cáo tài chính cuối cùng của cho Ban QLDA Trung Ương là do thiếu nhân viên kế toán tận tâm và có năng lực. Các nhân viên kế toán kiêm nhiệm tại Ban QLDA Trung Ương (Bộ NN&PTNT) phải chịu sức ép khối lượng công việc từ dự án do TFF tài trợ và (các) dự án khác mà họ đang thực hiện tại Bộ NN&PTNT. Việc theo dõi ngân sách bằng cách so sánh và đưa ra các giải trình về những chênh lệch lớn giữa chi tiêu thực tế và ngân sách không được ghi chép rõ ràng. Chúng tôi được biết rằng kế toán của TFF đã thực hiện các chuyến đi kiểm tra thực địa tới các dự án trong năm 2006, tuy nhiên không có báo cáo về các chuyến đi kiểm tra thực địa. Hành động cần thực hiện: Chúng tôi khuyến nghị TFF sử dụng một phần mềm kế toán nhằm tăng tính hiệu quả trong công việc cũng như độ tin cậy và tính chính xác của các thông tin tài chính. Nguồn nhân lực và chiến lược xây dựng năng lực cần được chú trọng hơn nữa và các biện pháp giải quyết cần được thực hiện ngay, ví dụ tuyển dụng thêm nhân viên, chuyển chuyển nội bộ và đào tạo. Các đơn vị nhận tài trợ cần được hướng dẫn cụ thể hơn đối với việc theo dõi ngân sách. TFF nên giám sát chặt chẽ việc theo dõi ngân sách của các đơn vị nhận tài trợ nhằm thu thập đầy đủ các thông tin cần thiết phục vụ công tác lập các báo cáo thường niên và 6 tháng của TFF để trình cho Bộ NN&PTNT và các nhà tài trợ. Trong năm, TFF nên xem xét cử nhân viên TFF thực hiện các chuyến đi kiểm tra thực địa đến các dự án được lựa chọn nhằm giám sát tiến độ thực hiện cũng như giám sát tình hình tài chính của các dự án	Đã có một số cải thiện được đưa vào Cẩm nang vận hành và quản lý quỹ. Nếu những bước này được tuân thủ chặt chẽ sẽ tăng cường kiểm soát nội bộ, kiểm toán và báo cáo. Công tác báo cáo đã có tiến bộ nhưng vẫn khuyến nghị cần tiếp tục cải thiện việc cung cấp thông tin về dự án cho các nhà tài trợ, bao gồm bảng tài chính được phân chia các thành phần/mức ngân sách chính và các thông tin như chênh lệch ngân sách được phân tích và báo cáo bằng số và có giải thích bằng lời để cải thiện thông tin cho nhà tài trợ TFFMU đưa chương trình đi thực địa vào trong kế hoạch năm và kế hoạch theo dõi giám sát (M&E). Chúng tôi không nhận được các báo cáo sau các chuyến công tác hiện trường. Rủi ro ở mức trung bình và đã có những cải thiện
Lựa chọn dự án Việc thiếu một chính sách để xử lý xung đột lợi ích có thể gây ra một nguy cơ rằng đề xuất dự án được lựa chọn không nằm trong ưu tiên đã được phê duyệt và các cơ quan thực hiện là không đủ thẩm quyền để thực hiện dự án. Rủi ro tài chính là vốn có thể không được sử dụng đúng mục đích. Hành động cần thực hiện:	Đoàn đánh giá lần hai đã có kết luận liên quan đến kiểm toán như sau: Bộ NN&PTNT đang hoạt động bình thường theo nhận định của đoàn đánh giá thông qua thảo luận với cán bộ từ Vụ tài chính. Bộ NN&PTNT cũng có Cục thanh tra để đánh giá thường niên các dự án và hoạt động thuộc Bộ NN&PTNT bao gồm cả TFF. nếu có

Rủi ro chính và hành động cần thực hiện	Thực hiện
Cần thực hiện kiểm toán độc lập theo các yêu cầu kiểm toán đã quy định trong PIM	dấu hiệu tham nhũng, vi phạm nghiêm trọng xảy ra. Đoàn đánh giá cho rằng tình hình như vậy là có thể chấp nhận được Đoàn đánh giá thứ ba cho rằng cần thực hiện kiểm toán hoạt động (performance audit) nên được thực hiện. Các kiểm toán cho đến nay đã được thực hiện bởi một công ty kiểm toán quốc tế độc lập, nhưng mới chỉ ở mức độ kiểm toán tài chính. Vẫn có rủi ro vốn sử dụng không đúng mục đích.

Phụ lục 10: Đánh giá việc thực hiện khuyến nghị của đoàn đánh giá TFF lần thứ hai

Khuyến nghị của đoàn đánh giá TFF lần thứ hai	Đối với	Thực hiện khuyến nghị	Ý kiến của TFFMU
Vai trò của TFF			
Tiếp tục tận dụng lợi thế của TFF là một quỹ phù hợp, hoạt động linh hoạt và khá hiệu quả để hỗ trợ thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam	Nhà tài trợ	Hiện nay còn 2 nước tài trợ cho TFF, hai nước rút khỏi TFF vì thay đổi chính sách của chính phủ. Do các nhà tài trợ không hoàn toàn hài lòng với TFF (chủ yếu là báo cáo và theo dõi đánh giá) chưa rõ liệu các nhà tài trợ có tiếp tục tài trợ cho TFF hay không Khuyến nghị được thực hiện một phần	
Thảo luận và thống nhất về một diễn đàn khác phù hợp hơn để đối thoại chính sách ví dụ phục hồi lại FSSP và các nhóm công tác	BoD	Dược thảo luận trong 2 cuộc họp HĐQT, Thứ trưởng Bộ đồng ý FSSP là nền tảng cho đối thoại chính sách và cầu kết nối giữa Chính phủ Việt Nam và các đối tác quốc tế/quốc gia; Các hội thảo/ họp văn phòng/ đào tạo/ quảng cáo (trực tuyến/in) chung FSSP/TFF. Khả năng hiển thị cho các đối tác tăng cường đáng kể Khuyến nghị được thực hiện một phần	Đối thoại Chính sách, đối thoại ngành thì FSSP là nền tảng đúng đắn và được TFF sử dụng rộng rãi trên hầu hết các hội thảo/ thảo luận/ hội thảo cho các chủ đề mới/ dự án (trong mạng lưới đối tác của FSSP) TFF cũng tham gia. TFF không phải là một nền tảng cho đối thoại chính sách
Thảo luận và thống nhất về vai trò của CQĐHNQ và thể hiện sự thống nhất này trong Quy chế mới	BoD	Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp do Bộ NN&PTNT ban hành ngày 21/9/2009 Khuyến nghị được thực hiện một phần	TFF không có vai trò của một "ngân hàng" đơn giản nữa, mà thực sự là một "Đơn vị quản lý" chịu trách nhiệm về những kết quả tích cực của danh mục đầu tư; nếu cần thiết, TFF có thể đánh giá/ giám sát/ thay đổi các dự án/ khung logic dự án
Hoạt động của TFF và danh mục dự án Quỹ			
Xem xét thông qua các điều kiện về tính hiệu quả/các chế tài xử lý vi phạm trong hiệp định tín dụng mới	BoD	Chương V – Quản lý tài chính, Quy chế TFF Khuyến nghị được thực hiện	1. Chương trình/ dự án bị đình chỉ trong trường hợp hoạt động không được thực hiện trong vòng 6 tháng kể từ ngày ký thỏa thuận viện trợ. 2. Hàng năm, căn cứ vào báo cáo kiểm toán độc lập, chương trình/ dự án với tỷ lệ giải ngân (bao gồm cả tạm

Khuyến nghị của đoàn đánh giá TFF lần thứ hai	Đối với	Thực hiện khuyến nghị	Ý kiến của TFFMU
			ứng) ít hơn 75% so với ngân sách hàng năm đã được phê duyệt thì số dư còn lại của thời kỳ tương ứng sẽ bị cắt giảm 20%, và sẽ giảm giá trực tiếp tổng mức kinh phí cam kết của TFF cho chương trình / dự án.
Xem xét khả năng tái áp dụng, hoặc tiếp tục sử dụng các khoản hỗ trợ nhỏ nhưng dưới hình thức được sửa đổi phù hợp (không phải tiến hành mời thầu) được mô tả trong báo cáo	BoD	Các nhà tài trợ không đồng ý nên Khuyến nghị không được thực hiện	Giám đốc TFF quyết định về những khoản viện trợ nhỏ mà không cần tham vấn các nhà tài trợ.
Chú trọng đến chất lượng (tính khả thi và thực tế) của kế hoạch hoạt động hàng năm	BoD và TFF MU	Chất lượng của kế hoạch năm vẫn chưa đạt yêu cầu do một số dự án không thực hiện được các hoạt động như vì lập kế hoạch chưa tốt. Khuyến nghị được thực hiện một phần	Mỗi kế hoạch năm (trừ các dự án đồng tài trợ) được chuyển về TFFMU và được TFFMU đánh giá.
Đảm bảo rằng Kế hoạch hoạt động hàng năm và Kế hoạch tài chính hàng năm được Bộ NN&PTNT phê duyệt đủ sớm để xúc tiến thực hiện dự án một cách thuận lợi trong những tháng đầu tiên của năm	BoD	Đã thực hiện; trao đổi thông tin đã được cải thiện tốt, có nhiều cuộc họp thay vì trao đổi qua email và điện thoại Kế hoạch năm được gửi đến các thành viên BoD trước trước cuộc họp tháng 10, các ý kiến gửi về TFFMU. BoD trong họp tháng 10 chỉ quyết định cho Quý 1 năm sau. Vào tháng 1-4 kế hoạch năm có thể được điều chỉnh cho các quý 2-4 trong cuộc họp BoD tháng 4. Khuyến nghị được thực hiện	Hiện nay có trao đổi trực tiếp với tất cả nhà tài trợ, Bộ NN&PTNT và TFFMU. Trước đây chỉ có thông tin với nhà tài trợ chính và nhà tài trợ chính gửi đến cho các nhà tài trợ khác, lấy ý kiến, tài liệu, gửi lại TFF.
Cung cấp các khoá đào tạo nhắc lại cho cán bộ dự án do TFF tài trợ về sổ tay hoạt động/ sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án, bao gồm đào tạo về đấu thầu mua sắm	TFF MU	Giai đoạn cuối. Khuyến nghị chưa được thực hiện	
Tăng cường công tác đào tạo và giám sát, cũng như công tác điều phối (thông qua các vụ của Bộ NN&PTNT) hoặc kiểm soát chất lượng và hỗ trợ dự án để nâng cao chất lượng thực hiện; thực hiện kế hoạch giám sát và đánh giá; bao gồm các vấn đề ngành lâm nghiệp liên quan đến tài khoản con trong danh sách tài khoản của TFF	TFF MU	Đã thực hiện, hệ thống M&E tốt hơn, có nhiều chuyển công tác hỗ trợ/giám sát, nhiều hội thảo hơn với các dự án; tăng cường kiểm tra các kế hoạch hàng năm/ nửa năm của dự án. Tuy nhiên chất lượng của M & E chưa đáp ứng yêu cầu của các nhà tài trợ, cần phải cải tiến hơn nữa trong theo khuyến nghị này. Khuyến nghị được thực hiện một phần	Trừ các dự án đồng tài trợ

Khuyến nghị của đoàn đánh giá TFF lần thứ hai	Đối với	Thực hiện khuyến nghị	Ý kiến của TFFMU
Đưa thêm yếu tố tiến độ giám sát nhằm thực hiện mục đích và mục tiêu của TFF ở phần các yêu cầu báo cáo của dự án TFF và một bảng tổng hợp tương ứng và các phân tích trong các báo cáo cấp TFF	TFF MU	Các chỉ số và hệ thống đo tình hình thực hiện, hệ thống M&E, báo cáo theo mẫu mới; tập trung không chỉ vào báo cáo các hoạt động mà còn vào kết quả/ đầu ra đã được thực hiện trong báo cáo. Các báo cáo dù đã cải thiện hơn so với năm trước nhưng vẫn chưa làm hài lòng các nhà tài trợ. Khuyến nghị được thực hiện một phần	
Bổ sung cán bộ và tư vấn cho CQĐHNVQ hỗ trợ thực hiện chức năng giám sát và đánh giá, chức năng kiểm toán nội bộ	BoD	Các nhà tài trợ không đồng ý thuê tư vấn ngắn hạn, TFFMU hoàn toàn có khả năng thực hiện M&E và báo cáo (2 cán bộ chương trình, 1 cán bộ hỗ trợ và cố vấn kỹ thuật là một nhóm thực hiện tốt M&E) BoD quyết định mẫu báo cáo mới dựa vào kết quả Như đã đề cập ở trên, báo cáo chưa thỏa mãn nhà tài trợ. Cần tiếp tục cải thiện M&E, do vậy khuyến nghị được thực hiện một phần	TFFMU đã phát triển hệ thống M&E, lập kế hoạch công việc hàng tuần và hệ thống quản lý nhiệm vụ
Tăng cường năng lực cán bộ cho CQĐHNVQ để thực hiện các vấn đề kỹ thuật (cải thiện chất lượng thực hiện/hỗ trợ dự án) và kế toán, phó giám đốc chuyên trách.	BoD	Đã thực hiện. Cải thiện nhân lực, 2 cán bộ chương trình, 1 cán bộ hỗ trợ, 1 kế toán, 1 cố vấn kỹ thuật và 1 cố vấn tài chính (đang tuyển) Khuyến nghị được thực hiện một phần	Cố vấn tài chính TFFMU thôi việc chuyển sang nước khác. TFFMU đang tìm kiếm cố vấn mới.
Về chức năng điều phối giữa các nhà tài trợ TFF và CQĐHNVQ, nhà tài trợ nên đóng vai trò chủ động hơn trong đối thoại thường xuyên không chính thức với các bên liên quan chính (các nhà tài trợ khác, Bộ NN&PTNT, CQĐHNVQ)	Nhà tài trợ và TFF MU	Thông tin với các bên liên quan chính chủ yếu thông qua FSSP. Có thông tin không chính thức giữa TFFMU và các nhà tài trợ. Khuyến nghị được thực hiện theo cách khác	
Hỗ trợ kỹ thuật bởi 2 cán bộ hỗ trợ kỹ thuật (do GTZ cung cấp) nên được tăng cường cơ bản	TFF MU và nhà cung cấp dịch vụ	Hiện tại có 1 cố vấn kỹ thuật do GIZ tài trợ. TFFMU đang tìm kiếm cố vấn tài chính. Họ thuộc vào ý của đoàn đánh giá lần hai, nếu “tăng cường cơ bản” là thêm cố vấn thì khuyến nghị này chưa được thực hiện.	
Phân bổ nguồn vốn chưa phân bổ			
Xem xét ưu tiên chủ đề biến đổi khí hậu và rừng trong hợp phần	BoD	Biến đổi khí hậu, như REDD, PFES, là vấn đề	

Khuyến nghị của đoàn đánh giá TFF lần thứ hai	Đối với	Thực hiện khuyến nghị	Ý kiến của TFFMU
rừng và biến đổi khí hậu được đề xuất của đánh giá này. Đồng tài trợ cho các dự án lớn trong tương lai được tư vấn khuyến nghị là không nên tiếp tục		nóng được bàn luận nhiều đối với cả nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam. Vấn đề này đã được thảo luận nhưng cho đến nay BoD chưa có quyết định. Đồng tài trợ cho các dự án lớn vẫn tiếp tục và chưa có quyết định dừng tài trợ au TFF. Khuyến nghị chưa được thực hiện	
Định hướng tương lai			
Quyết định về việc sát nhập TFF với Quỹ bảo vệ và phát triển rừng theo cách thức phù hợp để duy trì sự tự chủ của Quỹ với các quy định riêng của Quỹ, thủ tục hoạt động và tình hình cán bộ	BoD	Có 2 phương án, TFF hòa nhập vào VNFF (nhân viên chuyển công tác mới) hoặc sát nhập TFF nhưng giữ nguyên cấu trúc hiện nay và hoạt động như một bộ phận độc lập với các công cụ và đội ngũ nhân viên của mình. Khuyến nghị được thực hiện một phần, chưa có quyết định cho lựa chọn nào	BoD chấp nhận cả hai lựa chọn, quyết định lựa chọn nào phụ thuộc vào việc cách nào có lợi nhất cho Chính phủ Việt Nam và những người hưởng lợi.
Áp dụng triệt để/áp dụng càng nhiều càng tốt thủ tục hiện nay và thủ tục đã được thử nghiệm để quản lý các khoản hỗ trợ và vốn khi xây dựng thủ tục cho VNFF	MARD	Đã thực hiện. Các công cụ của TFF có thể được VNFF và các quỹ khác sử dụng. Khuyến nghị được thực hiện	
Nếu các nhà tài trợ quyết định tiếp tục tài trợ cho TFF sau thời điểm cuối năm 2012, nên tổ chức đợt đánh giá tiếp theo về TFF vào đầu năm 2012 khi TFF sát nhập với VNFF và đi vào hoạt động. Đánh giá này sẽ đánh giá lại việc sát nhập và nghiên cứu tính khả thi của việc sát nhập hoàn toàn TFF vào VNFF, như vậy các nhà tài trợ sẽ đóng góp vốn trực tiếp vào VNFF và cho phép đóng Quỹ sớm. Tiến trình sát nhập hoặc đóng Quỹ sẽ giải quyết vấn đề về sở hữu đối với Quỹ.	Nhà tài trợ và MARD	Đang thực hiện đánh giá lần thứ ba. Chưa có thông tin về việc tiếp tục tài trợ sau 2012. Khuyến nghị chưa được thực hiện hoàn toàn	
Nghiên cứu tính khả thi của TFF và/hoặc VNFF hoặc các chi nhánh quỹ mới của VNFF để trở thành quỹ REDD cấp quốc gia, theo đó có thể thành lập cả quỹ REDD cấp tỉnh theo các nguyên tắc trong các quyết định và quy định về việc thành lập quản lý và hoạt động của VNFF	Nhà tài trợ và MARD	Khuyến nghị này chưa được thực hiện Có thảo luận về khả năng thành lập quỹ REDD cấp quốc gia nằm trong VNFF giống như TFF	

Phụ lục 11: Lộ trình hội nhập của TFFMU 2011/12

1. Ban điều hành VNFF được thành lập
2. Quyết định bổ nhiệm lãnh đạo
3. Chuyển giao từ Giám đốc và Phó Giám đốc sang VNFF
4. Xác định nhu cầu hỗ trợ từ TFF
5. Lãnh đạo VNFF chuẩn bị/gửi danh sách nhu cầu cần hỗ trợ đến TFF
6. TFFMU xác định những nhu cầu có thể hỗ trợ (chủ đề/công cụ/quy định)
7. TFFMU đề xuất hoạt động chi tiết/ kế hoạch phát triển công cụ và tăng cường năng lực
8. TFFMU hỗ trợ VNFFMU phát triển các quy định dựa vào nhu cầu của VNFF
9. Điều chỉnh Mô tả công việc của TFFMU
10. Thành lập các nhóm khác nhau (Kế toán, Cán bộ chương trình...)
11. Lập "Kế hoạch huấn luyện" cho VNFF
12. Dự thảo bài học kinh nghiệm từ nhu cầu của VNFF (và các tài liệu OM, quy định, báo cáo...)
13. Hỗ trợ hệ thống M&E của VNFF
14. Thiết kế và triển khai trang Web của VNFF
15. Phương án 1: TFF không tiếp tục và sát nhập vào VNFF (chuyển giao cho VNFF)
16. Phương án 2: Pha 3 của TFF (TFF và VNFF có chung danh sách ưu tiên ngành)

Thời gian

